

Đc 622

D 360T

H LAM THẮNG CẢNH

Lâm Đồng



SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN LÂM ĐỒNG
2003

DI TÍCH DANH LAM THẮNG CẢNH

Lâm Đồng

SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN LÂM ĐỒNG
2003

Cùng bạn đọc.

Nhân kỷ niệm Đà Lạt, 110 năm hình thành và phát triển, được sự đồng ý của UBND tỉnh, Sở Văn hoá Thông tin Lâm Đồng xuất bản cuốn sách: "Di tích danh lam thắng cảnh Lâm Đồng", nhằm mục đích giới thiệu đến đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước một cách toàn diện những di tích danh lam thắng cảnh của Lâm Đồng.

Hy vọng cuốn sách nhỏ này sẽ là món quà bổ ích đối với tất cả những ai có tấm lòng yêu mến vùng đất cao nguyên Lâm Đồng - Đà Lạt. Tuy nhiên, do thời gian khẩn trương, việc biên soạn không thể tránh khỏi những sai sót đáng tiếc, rất mong được bạn đọc lượng thứ. Thư từ góp ý xin gửi về: Sở Văn hoá Thông tin Lâm Đồng - số 2 - Nguyễn Viết Xuân - Đà Lạt.

Đà Lạt, tháng 11 - 2003
SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN LÂM ĐỒNG.

LÂM ĐỒNG - ĐÀ LẠT

Một vùng non nước Tây Nguyên



Lâm Đồng là tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 9.764.8km², dân số 1.097.754 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 32% dân số toàn tỉnh. Lâm Đồng có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, là vùng đất giàu về tài nguyên thiên nhiên, có nhiều thế mạnh, tiềm năng đã và đang được khai thác phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Lâm Đồng là quê hương lâu đời của các dân tộc anh em Mạ, K'ho, Chu Ru, M'Nông...vùng đất có di sản văn hóa đặc sắc, nhiều phong tục tập quán và truyền thống tốt đẹp, đồng thời là nơi “đất lành chim đậu” của đồng bào nhiều dân tộc ở mọi miền đất nước về đây lập nghiệp trong khoảng một trăm năm trở lại đây.

Nằm ở độ cao từ 900 đến 1.600m so với mặt biển, Lâm Đồng có những đặc điểm riêng về địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên và về tiềm năng du lịch - nghỉ dưỡng rất độc đáo.

Thành phố Đà Lạt là tỉnh lỵ của Lâm Đồng và là một trong 10 trung tâm du lịch của cả nước, nằm trên cao nguyên đất đỏ với độ cao trung bình 1.500m mét so với mặt biển, cách thành phố Hồ Chí Minh 300km và cách biển Đông (Phan Rang - Tháp Chàm) 110km theo đường bộ, nhiệt độ trung bình từ 18^oC đến 20^oC và độ ẩm là 83%.

Với độ dốc cao, những dòng chảy trên cao nguyên này đã tạo ra nhiều thác nước, dâng cho tổ quốc những cảnh đẹp kỳ thú. Du khách bốn phương đến Lâm Đồng - Đà Lạt đã từng bị quyến rũ khi đối mặt với các dòng thác bạc: Thác P'renn (còn gọi là Thiên Sa), thác Cam Ly, Liên Khương, Datanla, Gougah, Đamri, Bobla, Pongour. . . Đà Lạt còn nổi tiếng về hồ. Bằng sức lao động cần cù và sáng tạo, người Đà Lạt - Lâm Đồng đã xây dựng các hồ này trở thành những thắng cảnh trữ tình, thơ mộng, như hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, hồ Đa Thiện - Thung lũng tình yêu, hồ Đa Nhim, hồ Tuyền Lâm...

Với nguồn đất đỏ bazan phong phú, đất phù sa màu mỡ ven các dòng sông, đồng cỏ mênh mông và khí hậu thích hợp cho nhiều loại cây trồng vật nuôi, đặc biệt các loại cây công nghiệp dài ngày như trà, cà phê, dâu tằm và chăn nuôi bò sữa cao sản, đã tạo cho Lâm Đồng có khả năng phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

Vốn rừng của Lâm Đồng khá lớn: rừng lá rộng, lá kim thuần chủng, rừng tre nứa và còn có cả rừng nguyên sinh ở Cát Tiên. Do có khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp, Lâm Đồng và nhất là ở Đà Lạt, Lạc Dương, Di Linh...là nơi hội tụ rừng thông của cả nước. Thông Lâm Đồng không những là nguồn cung cấp gỗ mà còn là nơi cung cấp nguyên liệu giấy và sản phẩm co - lophan cho cả nước. Đáng chú ý là ở Lạc Dương có gần 500ha thông lá đẹp (*pinus krempfii*) một nguồn tài nguyên thiên nhiên hiếm có ở nước ta, và đặc biệt, còn có loại thông đỏ cực kỳ quý hiếm ở nước ta.

Lâm Đồng có Đà Lạt, một thành phố trên cao với nhiều cảnh quan đa dạng và đặc sắc, quanh năm khí hậu trong lành, mát mẻ. Vì vậy Đà Lạt nổi tiếng là một vùng du lịch -

ngủ dưỡng vào loại hấp dẫn nhất trong nước và nhiều nước trên thế giới.

Đến Đà Lạt từ phía Đông, sau khi vượt qua những tháp Chàm cổ kính, du khách sẽ gặp đèo Ngoạn Mục, một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, đường lên quanh co uốn khúc giữa núi rừng trùng điệp nối đuôi nhau, tầng tầng lớp lớp giữa mây trời. Nếu đến từ phía Nam, du khách sẽ được phóng tầm mắt nhìn những đồi trà, cà phê và nương dâu bạt ngàn, lượn sóng để vượt đèo P'renn ẩn dưới ngàn thông xanh thắm.

Cái đẹp, cái duyên dáng của Đà Lạt được ca ngợi và du khách đã một lần đến là khó quên vì ở đây không khí nhẹ nhàng, lâng lâng với hàng trăm loại hoa, muôn hồng nghìn tía trang điểm cho thành phố, cho cuộc sống hàng ngày thêm tươi đẹp. Hàng ngàn biệt thự đủ loại, khác nhau ẩn mình dưới thông xanh, với các kiểu kiến trúc đa dạng, xinh xắn hòa trong thiên nhiên yêu kiều, diễm lệ. Đà Lạt, xứng đáng là “Thành phố trong rừng” và “Rừng trong thành phố”.

Lâm Đồng - Đà Lạt còn để lại trong lòng du khách nhiều ấn tượng về rau tươi, quả ngọt quanh năm tươi tốt, hương vị đậm đà.

Ở đây còn là một vùng đất có di sản văn hoá cổ truyền của các dân tộc bản địa khá phong phú, đa dạng như tình ca Pơt của người Mạ, truyện cổ tích của người K'ho, những điệu múa Aria, Pakynăng của người Churu; tiếng ching đồng, kèn bầu, tiếng đàn đá âm vang núi rừng hòa chung trong bài ca xây dựng của một vùng non nước Tây Nguyên và đặc biệt còn có khu di tích Cát Tiên, nơi mà nhiều nhà khoa học cho rằng là thánh địa một thời của vương quốc Mạ - S'tieng trong lịch sử cổ đại ở vùng đất này.

Lâm Đồng - Đà Lạt, một vùng non nước tươi đẹp của tổ quốc đã và đang chuyển mình đi lên, hoà nhịp trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá của đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đoàn Văn Việt

GD Sở VHTT Lâm Đồng.



DI TÍCH CÁT TIÊN

Thánh địa cổ xưa của người Ma-S'tiêng!



Di tích Cát Tiên là tên gọi một quần thể phế tích kiến trúc nằm trên địa bàn huyện Cát Tiên. Dấu tích kiến trúc ở đây nằm rải rác chạy dài gần 15km dọc theo bờ bắc thượng nguồn sông Đồng Nai, nhưng tập trung chủ yếu trên địa bàn hai xã Quảng Ngãi và Đức Phổ, hai thung lũng rộng phẳng trên địa bàn huyện Cát Tiên.

Di tích Cát Tiên lần đầu được biết đến vào năm 1985, đào thăm dò thám sát vào năm 1986. Tài liệu khảo sát cho thấy hiện trạng của di tích như sau:

Các di tích tại xã Đức Phổ nằm gọn trong một thung lũng rộng phẳng thấp ven dòng sông Đồng Nai. Chính giữa thung lũng là gò đất cao 1,5m so với xung quanh, đường kính khoảng 7 - 8m. Khắp thung lũng vương vãi gạch xây dựng các công trình kiến trúc. Năm 1986, với 19 hố đào thám sát có tổng diện tích gần 2.000m², đã tìm thấy dấu vết của nhiều vữa gạch nối liền nhau kéo dài từ bắc xuống nam, từ đông sang tây bao lẩn khu gò trung tâm. Xung quanh gò trung tâm còn có gò đất nhỏ nằm rải rác cao 3 - 4m tạo nên một quần thể phế tích kiến trúc lớn.

Năm 1985, gò trung tâm có quy mô lớn, được xử lý bước đầu nhằm cứu vãn các di vật hiện còn. Tại gò thu được một bộ Linga - Yony có kích thước lớn cùng nhiều mảnh gốm.

Các phế tích trên địa bàn xã Quảng Ngãi nằm gọn trong một thung lũng nhỏ, giới hạn đầu đông bởi dốc Khỉ; đầu tây bởi dốc Đá Mài; phía nam là thượng nguồn sông Đồng Nai lăm thác ghềnh; phía bắc là dải núi thấp chập chùng. Địa bàn thung lũng khá bằng phẳng bị chấm phá bởi những quả đồi nhỏ liên tiếp chạy dài. Các phế tích nằm dọc theo trục hướng đông tây ven dòng sông Đồng Nai.

Cùng với các di tích nêu trên, các di tích ở xã Quảng Ngãi được biết đến từ năm 1986, tiếp sau đó một số phế tích bị đào bởi lấy cổ vật tự phát của người dân di cư tự do. Các gò số I, II, IV, V và VII bị đào xáo trộn nham nhở. Đặc biệt, ở gò số VII, cơ quan chức năng đã thu giữ được 11 hiện vật đồng gồm hộp Klong, chân đèn, đĩa, chậu,... được trang trí khá đẹp.



Trong các năm 1994 - 1995 - 1996, các phế tích trên địa bàn xã Quảng Ngãi lần lượt được khai quật nhằm xác định tính chất, niên đại và chủ nhân của khu di tích quan trọng này. Kết quả các cuộc khai quật cung cấp nhiều tư liệu quý góp phần phục dựng lại lịch sử vùng đất Nam Tây Nguyên.

Gò số I là một phế tích kiến trúc đầu tiên nằm ở phía đông trong các phế tích trên địa bàn xã Quảng Ngãi. Phế tích nằm trên đỉnh đồi cao hơn 50m so với mặt bằng xung quanh có tên gọi là đồi Khỉ. Toàn bộ phế tích bị sụp đổ phủ các đỉnh gò cao 3 - 4m ngổn ngang gạch đá, vật liệu xây dựng tạo nên hình thái kiến trúc năm xưa. Theo kết quả khảo sát cho thấy đây là phế tích kiến trúc có quy mô lớn nhất, nằm ở vị trí đẹp nhất trong quần thể phế tích xã Quảng Ngãi.

Cuộc khai quật làm xuất lộ một phần kiến trúc tháp bị sụp đổ. Kết quả khai quật có thể cho hình dung cấu trúc của ngôi tháp này như sau:

Tầng tháp có bình đồ vuông (12m x 12m). Đế tháp cao 1,40m sau bốn lần giạt cấp tạo nên cho thân tháp vươn lên. Phân biệt giữa đế và tường tháp, lần giạt cấp cuối cùng có những viên gạch được mài vê tròn như những cánh hoa xoải xuôi. Tường tháp còn lại cao 1,5m, dày 2,2m, xây gạch thẳng đứng, bốn góc tường tạo nên trục góc tường to khỏe. Cửa tháp mở hướng đông, vòm cửa dẫn vào lòng tháp dài 5,3m, rộng 3,7m, trước mặt là sân gạch rộng lát phẳng từ sân gạch vượt tam cấp cao 0,65m lát bằng đá phiến phẳng dẫn vào vòm cửa. Cửa tháp rộng 1,45m. Xung quanh thân tháp là sân gạch lát phẳng rộng 0,9m.

Lòng tháp vuông, diện tích 40m^2 ($6,4\text{m} \times 6,4\text{m}$), chính giữa là ngẫu tượng Linga - Yony. Bệ Yony kích thước lớn, hình vuông một cạnh dài $2,25\text{m}$, dày $0,24\text{m}$, vôi vờn ra dài $0,65\text{m}$ đặt trên bệ xây bằng gạch và đá. Kích thước bệ $3,25\text{m} \times 3,25\text{m}$ thu giạt cấp nhỏ dẫu vờn lên. Xung quanh trục bệ xây 3 bệ gạch dùng để đỡ vôi yony và đặt đồ thờ khi hành lễ. Bệ Yony chính giữa đặt Linga có kích thước dài $2,1\text{m}$ chia làm 3 phần cân xứng, phần dưới hình vuông biểu tượng thần Brahma, phần giữa hình lục giác biểu tượng thần Visnu, phần trên hình tròn biểu tượng thần Siva. Cấu trúc lòng tháp được xây dựng khá kiên cố. Từ nền lòng tháp xuống nền chân tháp sâu $3,8\text{m}$ với 40 lớp gạch xây khối hộp vũng chắc. Lớp lát nền dày $1,34\text{m}$ với 14 lớp gạch xếp kè lên nhau. Chính giữa tháp là trụ gạch hình vuông, kích thước $1,25\text{m} \times 1,25\text{m}$ xây từ nền lòng tháp vờn lên mặt nền tạo bệ đỡ yony, giữa trục gạch là hộp trống. Xuyên suốt trục gạch kích thước $0,40\text{m} \times 0,40\text{m}$, dưới cùng đổ cát vàng làm sạch dày $0,4\text{m}$ đặt các hiện vật lưu giữ dưới đáy.

Về hiện vật thu được khá nhiều, được chế tác từ nhiều loại chất liệu khác nhau thể hiện đề tài đa dạng.

Về hiện vật chất liệu đá, ngoài các thành phần kiến trúc (khe cửa, xà ngang, bậc cửa, thanh ốp cửa,...), bộ ngẫu tượng Linga - Yony, ở đây còn lưu được tượng Ganesa, các hạt đá thạch anh màu trắng, trong đó có một linga đá trắng dài $5,5\text{cm}$, đường kính $1,5\text{cm}$.

Chất liệu sắt có 6 hiện vật gồm giáo, đinh sắt, bàn đinh sắt. Chất liệu đồng có 2 hiện vật gồm đĩa hình chuông

nhỏ. Chất liệu bạc có 2 hiện vật dát mỏng khắc tạc đỉnh ba, ốc. Đồ gốm: 904 mảnh từ các loại bình, cốc, chân đèn, lọ,... vỡ ra với đặc trưng xương gốm dày màu vàng nhạt, độ nung thấp, độ cứng không cao.

Đặc biệt, ở đây còn thu được 166 hiện vật chế tác từ kim loại màu vàng. Trong 166 hiện vật có: 25 mảnh trang trí hình ảnh các vị thần vũ nữ, thiên tiên theo đề tài tôn giáo và sử thi Ấn Độ, trong đó có hình ảnh một số vị thần cưỡi voi, bò, ngựa, ngỗng; 5 hiện vật khắc tạc hình ảnh bò Naudin, 1 hiện vật tạc hình ảnh rùa, 7 hiện vật trang trí hoa sen, 4 hiện vật trang trí ốc xoắn, 3 hiện vật trang trí hình đỉnh ba, còn lại là các mảnh giác mỏng không trang trí cùng 40 mảnh vòng, nhẫn với 25 mảnh còn nguyên vẹn với tiết diện tròn hoặc xoắn. Ngoài ra còn có 5 chiếc Linga nhỏ, hình ảnh thu gọn của chiếc Linga chính đặt trong lòng tháp.

Trong 166 hiện vật có 37 mảnh có khắc văn tự, tự dạng Sanskrit thế kỷ X - XI.

Kỹ thuật điêu khắc ở đây thể hiện kỹ thuật gò nổi và khắc miết với đường nét mềm mại, tinh tế, khối nổi gọn khoẻ.

Dựa vào bình đồ kiến trúc tháp, hình điêu khắc trên đá tượng Ganesa, khắc tạc trên các lá vàng, đặc biệt là dạng văn tự và đặc trưng cơ bản của đồ gốm thu được, có thể xác định niên đại của ngôi tháp đó được xây dựng vào cuối thế kỷ X, đầu thế kỷ XI.

Gò số II là một cụm phế tích kiến trúc lớn gồm nhiều công trình bị sụp đổ nằm dưới chân đồi, cách gò I khoảng 3km. Chung với số phận của các phế tích, gò số II bị đào phá

ng nghiêm trọng. Cuộc khai quật chọn gò số IIa là một điểm ít bị hư hại nhất.

Kết quả cho thấy gò số IIa là một công trình tháp bị sụp đổ. Tháp có bình đồ chữ nhật vuông góc (7,7m x 7,5m), phần đế tháp cao 1,6m với hệ thống cửa mở vào lòng tháp phía đông, ba mặt là hệ thống bậc cửa giả nhô ra cân xứng với nền bậc cửa chính. Độ nhô khỏi thân tháp dài 5m. Cửa chính vào lòng tháp tạo bậc 5 cấp lát đá thanh cao chênh với bậc nền sân 1,6m. Xung quanh tháp là hệ thống sân gạch lát phẳng. Ngoài cùng là hệ thống tường bao quanh tháp. Cửa tháp rộng 0,9m, lòng tháp hình chữ nhật hướng đông tây, kích thước 3,65m x 3m, giữa lòng tháp đặt bệ Yony, bệ Yony chế tác từ đá khối gồm nhiều phần ghép với nhau tạo thành.

Tường tháp còn lại cao 0,9 - 1,2m. Các viên gạch được xây mái xếp liền khít tạo nên khối vững chắc. Tường phía trong lòng tháp xây thẳng đứng trơn nhẵn. Mỗi mặt tường phía ngoài có hai hệ thống cột vươn lên, cột có tác dụng trang trí thân tháp đỡ đơn điệu và chịu lực cho bộ mái tháp, ngăn cách đế tháp với tường tháp, hệ thống gạch giắt cấp được khắc tạo chìm cánh sen vây quanh, cánh sen thể hiện hai lớp so le nhau với bản cánh rộng, mũi cánh nhọn uốn cong nhô lên tạo nên cảm giác nhẹ nhàng. Nhìn tổng thể, thân tháp như nhô lên từ một đài sen khổng lồ.

Phía đông tường tháp, hai trụ nhô khỏi thân 5cm, đăng đối qua cửa vào lòng tháp. Tường phía nam, hai trụ kép nhô khỏi thân tường, khe trụ kép hẹp chạy dọc thân tường tháp, trụ kép vuông 42cm. Tường phía tây, hai trụ chia cân

xứng mặt tường, trụ thể hiện nhô khỏi thân tháp 5cm, giữa hai trụ có khe hẹp 14cm, trụ giữa tường rộng 28cm, trụ cạnh góc rộng 38cm. Nhìn tổng thể, mỗi mặt tường tháp có 4 trụ đỡ vươn lên tạo cảm giác vững chãi. Dưới chân hệ thống trụ, vây quanh tháp được khắc tạc hình cánh sen với những đường nhẵn hình con sâu, các cánh sen thể hiện khác nhau. Dù mô típ trang trí đơn điệu nhưng tạo ra vẻ đẹp trang trọng, thuần khiết cho ngôi tháp. Bốn góc tháp tạo nên hệ thống cột giả đục vào tường tháp còn lại được xây cất vững chãi, trang trí mỹ thuật.

Nền lòng tháp được lát phẳng bằng những thanh đá phiến, chính giữa nền là hộp đất hình vuông, phía trên đặt bộ ngẫu tượng Ganesa bị vỡ chế tác từ đá màu xám xanh là một bộ ngẫu tượng Linga - Yony liền khối chế tác từ đá màu trắng, độ cứng cao, thấu quang hình khối gọn đẹp.

Xử lý cấu trúc lòng tháp cho thấy trên lòng tháp lát đá phiến, lớp dưới hè gạch lát nhiều lớp tạo nên độ dày 1,6m vững chắc, dưới là đá hộc trộn gạch vỡ với nhựa cây làm chất kết dính tạo nên khối bê tông rắn dày 1,2m. Lớp cuối cùng là cát vàng làm sạch trộn sỏi. Chính giữa lòng tháp hơi lệch về phía tây là trụ gạch, trụ gạch cao 1,2m, kích thước 0,85m x 0,85m, chính giữa là ô trống chạy dọc thân trụ, kích thước 0,2m x 0,2m, dưới cùng là hộp cát vàng. Hiện vật được thu ở đây phong phú với nhiều loại hình được khắc tạc đẹp.

Ngoài những khối đá với công năng làm bậc cửa, thanh ốp cửa, cuộc khai quật còn được các thành phần kiến trúc điêu khắc đá khá độc đáo. Hai hiện vật cột cửa vòm dẫn

vào lòng tháp, cột được tiện tròn với nhiều hình khắc nổi cân xứng, kích thước cột dài 2,27m, đường kính 0,25 - 0,35m.

Tấm mi cửa trang trí 5 bông sen nở khắc tạc đăng đối nhau qua bông sen nở làm tâm, đối xứng hai bên, thể hiện hoa văn lá lật uốn mềm cân xứng. Phía dưới là dải hoa văn hình kỷ hà xoắn uốn mềm hết dải. Nhìn tổng thể, bức chạm như một bức tranh hoành tráng sống động. Bố cục lấy tính đăng đối làm chủ đạo, kỹ thuật điêu khắc điêu luyện, đường nét nông sâu tạo nên hình khối khoẻ khoắn, Kích thước dài 2,54m, rộng 0,65m, dày 0,22m.

Ngoài những tác phẩm điêu khắc kiến trúc, ở gò IIA còn tìm được các mảnh tượng từ tượng Ganesa, thiên tiên (Apsara) vỡ ra với kỹ thuật điêu khắc khá tinh xảo.

Bộ sưu tập trong trụ gạch lòng tháp có 109 mảnh kim loại màu vàng. Các hiện vật này được dát mỏng thành lá, với kích thước lớn nhất dài 9,5cm, rộng 1cm, đa phần có kích thước nhỏ 2,2cm x 1cm, trên đó được khắc tạc hình ảnh của các vị thần theo tôn giáo, rùa, thú, đỉnh ba,... Có thể phân ra: 54 mảnh khắc tạc hình ảnh các vị thần, với 5 mảnh có kích thước lớn dài từ 4cm đến 9,5cm, rộng từ 1cm đến 1,7cm trên đó thể hiện từ 4 đến 12 vị thần Ấn Độ giáo với các tư thế khác nhau, hai mảnh khắc tạc hình voi, một mảnh hình bò Naudin, một mảnh hình ngựa, hai mảnh tạc hình Ganesa, hai mảnh khắc hình mã. Ngoài ra còn hình ảnh của đỉnh ba, mũi giáo, dao găm hình ốc, hình chấm tròn,...

Ngoài bộ sưu tập những lá kim loại màu vàng còn có 6 mảnh đá không hình thù với các màu đen sẫm, xanh, vàng

nhạt, trắng,... Một bộ Linga - Yony bằng đá thạch anh chế tác liền khối với kích thước 2,5cm x 2,5cm, cao 1,5cm.

Những hiện vật thu được ở gò IIa, qua nghiên cứu, cho thấy phế tích kiến trúc có niên đại vào cuối thế kỷ IX.

Gò số IV là một công trình phế tích kiến trúc đơn lẻ. So với các phế tích khác, gò bị đào phá nặng nề. Toàn bộ phần mũi lòng tháp bị đào bật lên nhằm moi hiện vật. Mặc dù vậy, dấu tích để lại cho thấy đây là một công trình kiến trúc có quy mô lớn với độ cao còn lại 3,5 - 4m so với mặt bằng xung quanh. Trước mặt kiến trúc về phía đông là một khu hồ nước rộng đào vuông vức kê gạch xung quanh. Cuộc khai quật làm rõ mặt tiền của kiến trúc. Tài liệu thu được cho phép phục dựng kiến trúc của công trình kiến trúc như sau:



Kiến trúc là một công trình đền tháp được xây dựng quy mô khá lớn, điêu khắc đẹp. Khác với các công trình kiến trúc khác, ở công trình này gạch là loại vật liệu xây dựng chủ yếu và được chạm khắc đẹp. Đá chỉ tham gia xây dựng vào các công trình chịu lực như nền bậc cửa, thanh ngang. Trước mặt kiến trúc là nền sân gạch khá dốc, độ cao từ các bậc gạch 0,2 - 0,25m, các bậc cuối cùng vào lòng tháp được lát đá phiến bằng nhẵn.

Tháp có bình đồ vuông, lòng tháp rộng khoảng 10m^2 ($3,1\text{m} \times 3,1\text{m}$), cửa tháp quay hướng đông rộng $0,9\text{m}$. Nền lòng tháp phẳng lát đá phiến, tường tháp còn lại cao $0,8 - 0,9\text{m}$ xây gạch xếp mài khít dày $0,9\text{m}$. Mặt trong lòng tháp thẳng đứng, phẳng. Mặt ngoài xây giạt cấp thu nhỏ, dẫu vươn lên. Đế tháp cao $1,2\text{m}$, gạch xây hình khối vững chắc. Vòm cửa tháp chạm khắc hoa văn, hoa lá kết dải liên hoàn tạo nên vẻ đẹp sang trọng.

Xử lý phần lòng tháp gò số IV, mặc dù bị đào bới nhưng trong quá trình khai quật còn tìm được một bộ Yony chế tác từ đá màu xám gọt đẽo phẳng vuông vức. Kích thước của bộ $0,74\text{m} \times 0,74\text{m}$, dày $0,095\text{m}$. Vòi Yony dài $1,17\text{m}$, chính giữa là lỗ hình chữ nhật $0,19\text{m} \times 0,12\text{m}$ dùng lắp với Linga phía trên làm nên bộ thờ hoàn chỉnh.

Dấu vết lòng tháp để lại cho thấy, trên cùng là lớp phiến lát phẳng, phía dưới lát gạch nhiều lớp ken dày $1,94\text{m}$, dưới nữa là lớp cát vàng làm sạch dày $0,3\text{m}$ phủ toàn bộ lòng tháp.

Mặc dù bị đào phá tìm kiếm cổ vật nhưng một hiện tượng quan trọng nhất của ngôi đền Ấn Độ giáo còn giữ được là chiếc Linga bằng đá quý. Linga có hình trụ tròn chế tác từ nguyên liệu đá trắng trong suốt thuộc nhóm đá bán quý là thạch anh (SiO_2). Linga cao $0,25\text{m}$, đáy cắt phẳng, phần trên tròn đều hơi vượt tròn, chu vi $0,28\text{m}$, gần trên khắc vạch chấm song song bao quanh. Điểm gặp nhau của đường chấm vạch nhô vượt lên làm rõ chủ đề biểu tượng. Theo giám định của

Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, trọng lượng của Linga là 3,435kg, thể tích 1.304m, tỷ trọng riêng 2,63, độ cứng 7.

Gò số V là một công trình kiến trúc riêng biệt, quy mô không lớn. Gò cao 4 - 5m so với mặt rộng xung quanh, chu vi khoảng 200m, nằm tròn như bát úp trong một vùng cây cối rậm rạp như số phận của các phế tích. Gò số V bị đào phá nặng nề. Toàn bộ cấu trúc lòng bị đào phá. Cuộc khai quật làm lộ rõ kiến trúc của phế tích. Kết quả cho thấy kiến trúc được xây dựng hình khối hộp vuông mỗi cạnh dài 6m. Toàn bộ kiến trúc cao 6,2m, tường xây thẳng đứng phẳng, gạch xây xếp liên khối khít vững chắc, các góc bắt vuông vức. Đỉnh kiến trúc xây khối hộp thu nhỏ, dẫu vươn lên cao 1,2m. Trên đỉnh tạo mặt phẳng vuông lát đá phiến thẳng, trên cùng đặt bộ ngẫu tượng Linga - Yony. Riêng mặt tường phía nam kiến trúc được xây hai dải tường gạch vươn ra mỗi bên dài 6,5m, tường dày 0,8m, cao 0,6m. Các hàng gạch xây giạt cấp thu dần, giữa tường là lớp gạch vê tròn như hình cánh hoa phủ xuôi.

Lòng tháp chứa đầy gạch, đá hộc trộn lẫn sỏi cát vàng. Chính giữa là hộp gạch chạy dọc lòng thân tháp từ đỉnh xuống đáy. Giữa hộp là ô trống (40cm x 40cm), đáy hộp là lớp cát vàng dày 0,4m. Do bị đào bới nên hiện vật ở đây bị thất lạc, hiện vật thu được tại gò số V ngoài dao cắt, mảnh gốm, đáng chú ý có một đĩa đồng. Đĩa nông lòng, dáng xòe cân, đường kính miệng 8,5cm, cao 1,5cm, chất liệu đồng xanh xám bóng dày chắc.

Bộ ngẫu tượng linga - yony được chế tác từ đá khối màu xám đen, tạo tác đẹp, vuông vức, mài nhẵn bóng. Kích thước yony hình chữ nhật (1,39m x 1,29m) dày 0,12m, vòi nước chảy vươn ra dài 0,05m. Chính giữa đục lỗ hình bát giác gắn với linga.

Linga có kích thước lớn, dài 1,15m chia ra làm ba phần: phần dưới hình khối vuông 0,36m x 0,36m x 0,36m, biểu tượng của thần Brahma; phần giữa biểu tượng thần Visnu tạo hình lục giác dài 0,37m, mỗi cạnh rộng 0,15m; phần trên khối trụ tròn dài 0,42m có khắc tạc hình ảnh thần Siva.

Linga - yony được lắp hoàn chỉnh đặt nằm trên nóc kiến trúc gò số V.

Với cấu trúc của kiến trúc là khối hộp kín, cũng biểu tượng linga - yony đặt trên, dựa vào di vật tìm được, các tài liệu góp phần cho thấy khả năng đây là một đền mộ trong quần thể kiến trúc này. Niên đại của di tích tương đương thế kỷ IX-X.

Ngoài những phế tích kiến trúc được khai quật hoặc đào thám sát ở Quảng Ngãi còn hàng loạt các phế tích khác như gò số II (b, c, d), gò số III, gò số IV (kiếm lâm), gò số VII (đôi ông Đình) được biết đến là những phế tích kiến trúc quy mô lớn mới được khảo sát thăm định. Các phế tích kiến trúc này không nằm đơn lẻ mà chúng liên kết với nhau thành quần thể kiến trúc lớn. Dấu vết những bờ tường gạch nằm sát ven sông Đồng Nai có thể là dấu vết các bến sông xưa. Cuộc khai quật gò số I với hệ thống thềm gạch sát sông Đồng Nai tạo thành bến, đường đi dẫn lên tháp đã phần nào minh chứng

công năng của các dải tường kiến trúc phát hiện được. Nổi những công trình kiến trúc với nhau là những con đường gạch rộng từ 0,8m đến 1m lát phẳng đi từ công trình kiến trúc này nối sang công trình khác. Hệ thống giao thông này liên kết các công trình kiến trúc với nhau tạo nên một chỉnh thể hoàn chỉnh để có thể kết luận toàn bộ các công trình kiến trúc ở Quảng Ngãi là một khu tôn giáo có tính cách khép kín như một số trung tâm tôn giáo Bà La Môn được xây dựng trên bán đảo Đông Dương. Chính vì thế, khi biết đến Cát Tiên, qua tài liệu thu được, có ý kiến gọi khu phước tích là thánh địa Cát Tiên.

Khu thánh địa Cát Tiên với nhiều kiến trúc tôn giáo nhưng cho thấy đến nay việc xác định niên đại sớm - muộn của khu di tích mới chỉ biết được qua tài liệu của những kiến trúc được khai quật. Những công trình kiến trúc có niên đại sớm - muộn chưa được biết, khung niên đại khu di tích kéo dài thời gian như thế nào chưa xác định rõ. Tài liệu khai quật thu được qua bình đồ, kết cấu kiến trúc, trang trí kiến trúc, chạm khắc trên gạch đá cho thấy các công trình kiến trúc này được xây dựng vào thế kỷ IX - XI.

Các hiện vật thu được ở Cát Tiên về chất liệu đá: tượng Ganesa, mi cửa đều cho thấy những họa tiết trang trí giống như các công trình phước tích tìm được ở Đông Nam Bộ với khung niên đại đã nêu.

Với hơn 200 mảnh kim loại màu vàng, trong đó có hơn 100 mảnh trang trí, 37 mảnh văn tự đều phản ánh niên đại của các công trình khai quật từ thế kỷ IX - XI.

Tính chất tôn giáo với bình đồ tháp, đền mộ, các biểu tượng Linga - Yony, tượng Ganesa, các biểu tượng khác khắc trên các lá kim loại màu vàng: tu sĩ, thần Siva, Indra, Visnu, Brahma, vũ nữ, thiên tiên. Các vật tượng trưng: voi, ngựa, bò Naudin, ngỗng Hamsa, hình ốc, đỉnh ba, mũi lao,... khẳng định tính chất Bà La Môn giáo của khu thánh địa này.

Tính chất Bà La Môn giáo thể hiện qua hai loại hình kiến trúc, đền tháp nơi thờ các vị thần Hindu giáo. Biểu tượng thờ ở đây là sự dung hợp của ba vị thần: Siva - Visnu - Brahma, với những chuẩn tắc của ngôi đền Bà La Môn cửa quay hướng đông, vòm cửa kéo dài, tháp xây quy mô lớn, không gian thể hiện sự tôn linh. Bên cạnh đền tháp là đền mộ với công trình kiến trúc khối kín, có khả năng bên trong đặt các bộ hài cốt hỏa táng theo phong tục Ấn giáo.

Sự kết hợp giữa hai loại hình kiến trúc đền tháp và đền mộ thể hiện tính đa dạng của khu thánh địa này không những về kiến trúc mà còn về tính chất tôn giáo, sự kết hợp giữa vương quyền và thần quyền của chủ nhân khu thánh địa.

Ngược dòng lịch sử, vùng đất giáp ranh Đông Nam Bộ - Nam Tây Nguyên này vốn là địa bàn cư trú lâu đời của hai tộc người Mạ - S'tiêng. Với vị thế này, nằm trên địa bàn ảnh hưởng của nhiều nền văn hoá, đặc biệt là văn hoá Óc Eo, khu di tích Cát Tiên có thể là một phần của văn hoá Óc Eo. Khi văn hoá Óc Eo bị lịch sử chi phối dần lụi tàn thì nơi đây vẫn tồn tại và độc lập trở thành thánh địa của một tiểu quốc mà lịch sử gọi là nhà nước Mạ - S'tiêng, một tiểu quốc nằm giữa hai quốc gia hùng mạnh Chăm Pa và Phù Nam. Nếu những tư

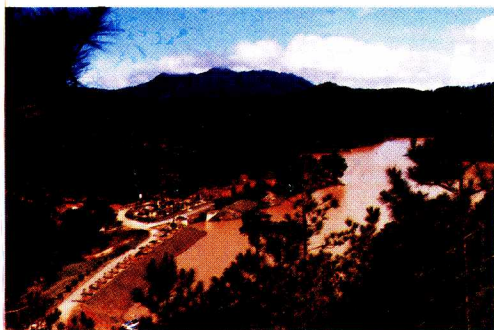
liệu lịch sử là chuẩn xác thì khả năng khu di tích Cát Tiên là thánh địa của tiểu vương quốc Mạ - S'tiêng và chủ nhân của thánh địa là tộc người Mạ - S'tiêng phù hợp với những truyền thuyết dân gian để lại trên vùng đất Nam Tây Nguyên rộng lớn này.



THUNG LŨNG TÌNH YÊU HỒ ĐA THIÊN

Trung tâm thành phố Đà Lạt đi về hướng ngã năm Đại học, rồi theo con đường Phù Đổng Thiên Vương, du khách sẽ gặp một thắng cảnh đẹp là hồ Đa Thiên - Thung Lũng Tình Yêu (Valée d'Amour).

Từ trên cao
đồi nhìn xuống, hồ
Đa Thiên và Thung
Lũng Tình Yêu đẹp
tựa bức tranh của
một họa sĩ tài ba.
Xa xa đỉnh Lang
Biang ẩn hiện trong
sương và xanh biếc



trong mây. Mặt hồ phẳng lặng như tờ, thấp thoáng mấy chiếc thuyền buồm với nhiều màu sắc rực rỡ. Hồ nước uốn lượn qua nhiều quả đồi nối tiếp nhau rợp bóng thông mát rượi. Những thung lũng đầy cỏ xanh mềm cùng con đường đất đỏ uốn lượn ôm gọn lấy hồ và xen giữa ngàn thông.

Trước khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, hữu tình như vậy, từ những thập niên 30 của thế kỷ XX, toàn quyền Đông Dương Varenne và các cặp tình nhân người Pháp thường đến đây ngắm cảnh, tâm tình vào những ngày cuối tuần. Chính vì vậy, người Pháp đã đặt cho thắng cảnh này một cái tên khá lãng mạn: “Valée d’ Amour”. Đến năm 1953, ông Nguyễn Vỹ

- Chủ tịch Hội đồng thị xã lúc bấy giờ mới đề xuất đổi tên các hồ nước và con đường từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, thì cái tên “Thung Lũng Tình Yêu” mới bắt đầu xuất hiện. Từ sau năm 1975 đến nay, Thung Lũng Tình Yêu được giao về cho Thành đoàn Thanh niên Cộng sản thành phố Đà Lạt quản lý, khai thác và kinh doanh du lịch.

Từ một thắng cảnh thơ mộng, hoang sơ ban đầu, thời gian qua tuổi trẻ Đà Lạt đã có nhiều cố gắng để tôn tạo cho thiên đường này thêm sống động với vườn hoa, cây cảnh, đội canô đưa du khách đi dạo trên hồ, tượng uyên ương, nhà giải khát, các kiosque bán quà lưu niệm... Mặc dù đến đây còn đơn giản, song với vẻ đẹp quyến rũ của hồ Đa Thiện và Thung Lũng Tình Yêu nên vào những ngày đẹp trời, mùa du lịch hay dịp lễ, tết, khách du lịch thập phương và các cặp thanh nam, thanh nữ vẫn nườm nượp kéo nhau về đây nhằm tận hưởng những giây phút thần tiên, thả hồn với cây cỏ hoa và tình yêu say đắm.

Sáng 29/4 và chiều 30/4/2003, Lễ hội Văn hoá các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên cũng đã diễn ra tại Thung Lũng Tình yêu. Hàng ngàn du khách trong và ngoài nước, bà con địa phương đã náo nức kéo về đây để dự lễ hội “Sa rơpu” (đâm trâu) và các hội thi khác. Trên triển đồi thoải thoải, một cây Nêu lớn được dựng lên, một hàng những chén rượu cần của bà con các dân tộc dâng lên cúng thần linh và một con trâu béo là vật hiến sinh để tế thần đã được sắp sẵn. Sau lời khấn nguyện Yàng của các già làng cầu cho quốc thái dân an, cầu cho các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên mãi mãi thương yêu, đoàn kết gắn bó keo sơn vút lên trong tiếng công chiêng vang dội, từng đoàn bà con các dân tộc thiếu số trong trang

phục của dân tộc mình đã xếp hàng nhảy múa, ca hát quanh con trâu và lễ hội “Sa rpu” bắt đầu.

Tiếp đó, các cuộc thi “Những chàng trai khỏe Trường Sơn - Tây Nguyên” với các hình thức thi như: Bắn đá, phóng lao, kéo vật nặng, chọi lỗ tĩa bắp ...đã diễn ra trong sự cổ vũ nồng nhiệt của hàng ngàn cổ động viên. Hôm sau, hội thi “Những cô gái đảm đang” gồm các phần thi như: Tải lương, đan lát, lấy nước bằng trái bầu cũng đã diễn ra trong tiếng reo hò của hàng ngàn người tham dự, tạo thành một không khí phấn chấn, vui tươi chưa từng thấy.

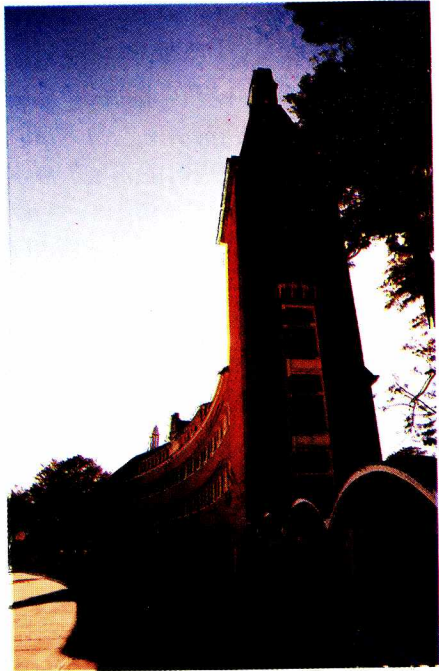
Năm 1998, Bộ trưởng Bộ Văn hoá Thông tin đã ký Quyết định công nhận hồ Đa Thiện - Thung Lũng Tình Yêu là thắng cảnh cấp Quốc gia. Thời gian gần đây một dự án tôn tạo và phát triển thắng cảnh này đã được thiết lập. Hy vọng rằng trong tương lai khu du lịch hồ Đa Thiện - Thung Lũng tình yêu sẽ trở thành một thiên đường tình ái tuyệt diệu cho các cặp uyên ương và du khách.



TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐÀ LẠT



Đà Lạt -
thành phố
của văn hoá
và kiến trúc; theo đường
vòng uốn lượn quanh hồ
Xuân Hương thơ mộng,
rẽ qua đường Quang
Trung, đi về hướng dốc
Ga rồi quẹo trái, du
khách sẽ đặt chân trên
một con đường nhựa
xinh xắn mang tên nhà
bác học nổi tiếng - người
đầu tiên thám hiểm cao
nguyên LangBiang và
khai sinh thành phố Đà
Lạt xinh đẹp: Alexandre
Yersin. Từ xa, thấp



thoáng ngời trường với tháp bút vươn cao trên nền trời xanh
thắm. Mái của nó đánh một vòng cung nửa vầng nhật nguyệt
như muốn ôm choàng lấy thành phố mộng mơ và cả những tà
áo dài trắng thướt tha của hàng ngàn nữ sinh tung bay giữa
cao nguyên lộng gió. Đó chính là Trường Cao đẳng Sư phạm
Đà Lạt vốn ngày xưa mang tên: Lycée Yersin.

Ngôi trường được khánh thành vào năm 1935 dưới
thời Toàn quyền Varenn với tên gọi Grand Lycée. Tháng

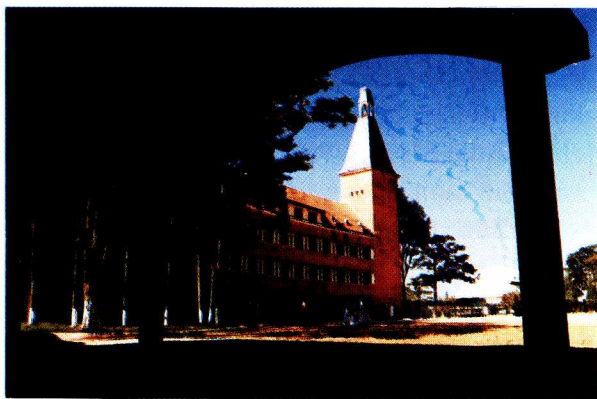
6/1936 hai trường Petit Lycée (nay là Trường dạy nghề Đà Lạt được xây dựng năm 1927) và Grand Lycée hợp nhất lấy tên chung là Lycée Yersin, để ghi nhớ công ơn của Bác sĩ Yersin. Ngày 28/6/1935, Lycée Yersin làm lễ khai giảng khoá học đầu tiên, Bác sĩ Yersin đã được mời đến dự và xúc động phát biểu: *"Tôi rất cảm động về tình cảm mà các em đối với tôi. Các em hãy tin rằng tôi cũng rất yêu mến và thân ái đối với các em... Các em làm tôi nhớ đến việc phát hiện ra cao nguyên LangBiang vào tháng 6 năm 1893 trong một cuộc tìm kiếm, nghiên cứu nhằm mục đích khai phá một vùng rừng núi phía Nam Trung phần cho đến lúc đó vẫn chưa ai biết... Các em muốn đặt cho trường trung học đẹp đẽ này cái tên của người sống sót cuối cùng của phòng thí nghiệm Pasteur. Tôi xin cảm ơn các em"*.

Công trình này được phác họa đầu tiên bởi sáng kiến của Kiến trúc sư E. Hébrard, nhưng lại được thiết kế và chỉ huy thi công một cách táo bạo và tài tình bởi Kiến trúc sư Moncet. Cuối năm 1927, Grand Lycée chính thức khởi công trên một quả đồi bằng phẳng có diện tích tự nhiên khoảng 8ha. Để xây dựng công trình này, lúc ấy người Pháp đã huy động hàng trăm phu phen, thợ nề, thợ mộc người Việt có tay nghề sắc sảo tại Đà Lạt và khắp nơi đưa về thi công. Có ai ngờ rằng họ đã phải vượt qua bao khó khăn, thử thách khắc nghiệt trong suốt 8 năm ròng rã chỉ bằng... đôi tay khéo léo và những giọt mồ hôi mặn đắng của chính mình để làm nên một công trình kỳ vĩ cho muôn đời sau. Do kết cấu các hạng mục phức tạp, nên lúc đó những người thợ đã phải dùng gạch ép để xây tường và đầu tiên ngôi trường được lợp bằng ngói Ardoise xanh đen từ Pháp đem qua. Để thực hiện cho bằng

được những đường nét tinh tế theo đúng bản vẽ của các Kiến trúc sư người Pháp, những người công nhân Việt đã làm việc trên độ cao hàng chục mét. Nhờ đó mà hôm nay Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt mới có được một kiến trúc khá ngoạn mục về trường học và hiếm thấy ở Việt Nam: Mặt bằng tuy vẫn ảnh hưởng bởi chủ nghĩa cổ điển, nhưng đã vượt lên bằng cách tự uốn mình theo một đường cung tròn mềm mại ôm lấy một khoảng sân rộng bên trong với tháp bút lợp bản thạch, vươn cao giữa những rừng thông xanh biếc hướng về hồ Xuân Hương, ghi một dấu ấn mạnh mẽ vào bức tranh cảnh quang chung của Đà Lạt.

9 giờ sáng ngày 19/4/1946, Hội nghị Đà Lạt trù bị cho Hội nghị Fontainebleau bàn về vận mệnh đất nước Việt Nam chính thức khai mạc tại Lycée Yersin nay là Trường Cao đẳng

Sư phạm Đà Lạt. Sau hơn 80 năm nô lệ, những người con ưu tú nước Việt đã ngẩng cao đầu ngồi vào bàn đàm phán



với một đế quốc hung hãn như thực dân Pháp. Phái đoàn VNDCCH có 11 thành viên gồm: Nguyễn Tường Tam (Trưởng đoàn), Võ Nguyên Giáp (Phó đoàn), Trịnh Văn Bính, Cù Huy Cận, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiền, Vũ Hồng

Khanh, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Văn Luyện, Dương Bạch Mai, Phạm Ngọc Thạch, Bùi Công Trừng, Nguyễn Mạnh Tường và 12 cố vấn. Phái đoàn Pháp cũng có 11 người gồm: Max Anndré (Trưởng đoàn), René Pignon (Phó đoàn), Mesmer, Bousquet, D'Arcy, Gourou, Bourgoin, Torel, Clarac, Gonon, Ner, Guilanton, Salan. Phóng viên thông tấn, báo chí của các nước: Pháp, Bỉ, Tiệp... và Ana Lê Trung Cang của nhật báo Điện Tín Sài Gòn đã có mặt để theo dõi, đưa tin và tường thuật hội nghị.

Trong gần 1 tháng tại trường Lycée Yersin cả 2 phái đoàn tranh cãi quyết liệt về các vấn đề: Đình chiến; hợp nhất ba “KỲ” (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ); liên lạc ngoại giao giữa Việt Nam với các nước; quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với Liên hiệp Pháp; liên lạc Văn hoá Pháp - Việt; các trường của Pháp ở Việt Nam; Pháp tham gia giáo dục tại Việt Nam; tiền tệ, thuế quan, hoạt động của các doanh nghiệp của Pháp hiện có tại Việt Nam; Pháp tham gia vào việc phát triển kinh tế ở Việt Nam và các vấn đề về quân sự ... Lúc ấy báo chí đưa tin: Mặc dù Phái đoàn Việt Nam đã hết sức thiện chí và mềm mỏng trong đàm phán, song cuối cùng chỉ vì tham vọng điên cuồng muốn chia cắt Nam bộ và quay trở lại cướp Việt Nam một lần nữa của thực dân Pháp nên hội nghị đã lâm vào con đường bế tắc!. Trước khi đóng cánh cửa phòng họp báo hiệu hội nghị vỡ tan, chính tại ngôi trường này Phó trưởng đoàn VNDCCH - Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tuyên bố một câu bất hủ: *“Nhân danh một dân tộc đã được tôi luyện qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, tôi khẳng định với các ông rằng: Ngày nào Nam bộ còn bị chia tách khỏi Việt Nam, thì ngày ấy mỗi người dân Việt Nam còn không ngừng*

dốc hết nghị lực của mình vào cuộc đấu tranh để đưa Nam bộ về lại với Tổ quốc. Nếu tiếng nói của chúng tôi không được đáp lại một cách công bằng, bản Hiệp định sơ bộ không được tôn trọng thì chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về tất cả những gì xảy ra trong tương lai. Lịch sử sẽ chứng minh lời nói của chúng tôi là đúng!". Sau đó Hội nghị Đà Lạt bất thành. Đó cũng là dấu hiệu khởi đầu cho cuộc trường chinh gian khổ, nhưng vô cùng anh hùng của dân tộc ta chống thực dân Pháp.

7 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 5 năm 1946, Phái đoàn VNDCCH chia tay Đà Lạt, giả biệt Lycée Yersin khi làn sương mù hầy còn giăng giăng trên khắp các nẻo đường của "thành phố hoa". Mỗi người mang theo một tâm trạng ngổn ngang, buồn vui lẫn lộn. Buồn vì tham vọng cướp nước của thực dân Pháp đã lộ quá rõ và đẩy Hội nghị Đà Lạt đến vỡ tan. Nhưng cũng lại rất vui vì thấy cả phái đoàn dù với nhiều thành phần và đảng phái khác nhau, đều đoàn kết, nhất trí để bảo vệ lợi quyền dân tộc, và cùng lo với nỗi lo nước mất nhà tan. Mặt khác, đoàn Việt Nam cũng rất mừng khi thấy nhân dân Đà Lạt nói riêng và cả nước nói chung, đều quan tâm ủng hộ cho Hội nghị Đà Lạt và hạ quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng, tính mạng và tài sản, nhằm bảo vệ sự toàn vẹn của non sông.

Ngày 28/12/2001 Bộ trưởng Bộ VH TT đã ký Quyết định số 52/2001/QĐ- BVHTT công nhận Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt là Di tích kiến trúc Văn hoá cấp Quốc gia. Để kết thúc bài viết này, xin được mạn phép ghi lại mấy vần thơ của cố G.S Hoàng Xuân Hãn - một chứng nhân lịch sử nói về tâm tư của Phái đoàn VNDCCH sau khi dự Hội nghị Đà Lạt

tại trường Lycée Yersin nay là trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt:

" Núi Đà Lạt xa quanh mình uốn éo
Lững lờng đồi, ai khéo vẽ rừng thông
Mặt hồ xanh, mây bạc bóng gương lồng
Trên cỏ lục, lối hồng đang uốn khúc
Ngắm cảnh tay người, thêm tấm tức
Gẫm mình việc nước vẫn đeo đai !
Giữ non sông, thao lược đã không tài
Nêu sứ mệnh một vài câu biện luận
Thấy lẽ mạnh ép hèn, sôi nổi giận
Tuốt gươm thù, toan quyết trận phong ba !...".



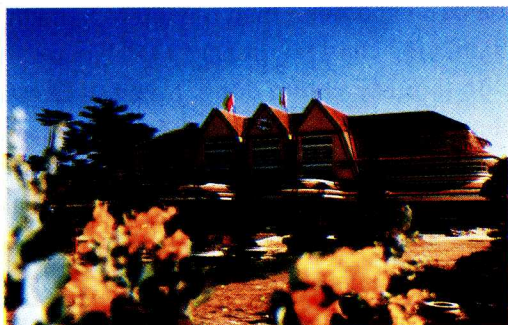
GA ĐÀ LẠT

Một công trình kiến trúc độc đáo



gần
hai
năm

qua: Ga hỏa xa Đà Lạt đã được công nhận là Di tích văn hóa - lịch sử Quốc gia, thuộc loại hình



kiến trúc. Ga hỏa xa Đà Lạt được xếp vào hạng đẹp nhất Đông Dương và thú du lịch trên tàu lửa đầu máy chạy bằng hơi nước như thế này là độc nhất vô nhị ở Việt Nam hiện nay.

Ga hỏa xa Đà Lạt được gắn liền với tên tuổi một Kiến trúc sư người Pháp tên là Moncet. Năm 1932, Kiến trúc sư Moncet cùng với một đồng nghiệp của mình là Reveron bắt tay vào việc thiết kế và thi công Ga hỏa xa Đà Lạt để đến năm 1936 thì hoàn thành. Sau phát hiện của A. Yersin, năm 1897 Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra quyết định cho xây dựng nơi đây một thành phố du lịch và nghỉ dưỡng. Từ đó, lượng người đến Đà Lạt ngày một đông thêm. Song, đường đến Đà Lạt lúc bấy giờ thật hiểm trở. Đó là lý do chính để Ga hỏa xa Đà Lạt ra đời. Kể từ khi Ga Đà Lạt hoàn thành và đi vào hoạt động (1936), mỗi ngày trên các tuyến ngược xuôi từ Đà Lạt đến Tháp Chàm, Nha Trang và Sài Gòn (đều phải qua ga Tháp Chàm) có 3 đôi tàu thường xuyên hoạt động. Ông Phạm Khương, người có mặt tại Ga Đà Lạt từ năm

1955 và là cán bộ cách mạng hoạt động bí mật phụ trách tuyến đường sắt Đà Lạt - Nha Trang, cho biết: Khi đó, trên mỗi chuyến tàu, ngoài toa vận chuyển hàng hóa còn có 3 toa chở khách và khách được phân thành 3 hạng khác nhau để lên toa dành cho mình theo quy định. Sau khi người Pháp rời Việt Nam, việc chạy tàu từ Đà Lạt đi Tháp Chàm vẫn được duy trì. Đến thời Mỹ chiếm đóng, tuyến đường này chủ yếu phục vụ cho chiến tranh xâm lược nên đã bị quân giải phóng cắt đứt và Ga hỏa xa Đà Lạt chính thức ngưng hoạt động vào năm 1972. Sau giải phóng, tuyến đường sắt này được khôi phục và chính thức kéo còi trở lại vào dịp kỷ niệm Sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 19/5/1975.

Với công trình Ga hỏa xa Đà Lạt, trước khi lập đồ án thiết kế, hai Kiến trúc sư Moncet và Revéron đã định sẵn hình ảnh các ngọn núi Langbiang - biểu trưng của các dân tộc bản địa Lâm Đồng - trong ý tưởng sáng tạo. Từ cổng đi vào, chúng ta dễ dàng nhìn thấy toàn cảnh nhà ga với lối kiến trúc khá độc đáo với phần chính là 3 vòm mái nhô cao lên trên theo sự sắp xếp cân đối với mái ngói kéo dài, xếp đều đặn. Có thể nói, Ga hỏa xa Đà Lạt thuộc vào loại đặc biệt, không hề giống bất cứ dinh thự hay công sở nào lúc bấy giờ và cũng không hề lặp lại bất kỳ nhà ga nào khác. Ga Đà Lạt có chiều dài 66,5m, chiều ngang 11,4m và chiều cao 11m. Nhìn từ hai mặt trước và sau nhà ga, chúng ta dễ dàng nhận ra biểu tượng của dãy núi Langbiang với 3 đỉnh chóp hình tam giác. Và mặc dầu, lấy hình ảnh dãy núi Langbiang làm nét chủ đạo nhưng ở công trình kiến trúc Ga hỏa xa Đà Lạt, Kiến trúc sư người Pháp Moncet vẫn đưa vào đây những nét kiến trúc độc đáo của Pháp thông qua những mái vòm. Ga Đà Lạt còn có thể

gọi là ga “cao nhất” Việt Nam vì nó nằm ở độ cao 1.500m so với mặt biển và được xem là nhà ga đẹp nhất Đông Dương và cả nước Pháp lúc bấy giờ (theo tờ Indonechine - Đông Dương). Hiện nay, cùng với ga Hải Phòng, Ga hỏa xa Đà Lạt là nhà ga cổ kính nhất còn lại ở Việt Nam.

Ở Việt Nam hiện nay, loại tàu hỏa chạy bằng hơi nước chỉ còn lại vài chiếc, chủ yếu là ở Hà Nội. Còn ở miền Nam thì chỉ duy nhất Ga Đà Lạt là có. Chiếc đầu máy hỏa xa chạy bằng hơi nước của Ga Đà Lạt này được sản xuất tại Nhật vào năm 1932. Giá trị “cổ” của nó không phải ở năm sản xuất (tuy cũng đã khá lâu) mà chính ở cái dáng vẻ lạ lùng của nó - dáng vẻ của chiếc đầu máy chạy bằng hơi nước và hiện nay trên thế giới chỉ còn tìm thấy trong các bảo tàng. Để cho cái đầu tàu này vận hành thì cần phải có một lò than được đốt nóng ở nhiệt độ 300°C , đun 12m^3 nước để tạo ra một sức kéo lên đến 700 tấn. Một chiếc đầu máy cổ chạy trên một đường ray cũng quá cổ, quá đặc biệt - đường sắt răng cưa độc nhất vô nhị ở Việt Nam - quả là thú vị. Ngày nay, tuyến đường sắt này chỉ còn lại khoảng 17 cây số đi từ Ga Đà Lạt đến ga Trại Mát. Còn trước đây, chính nét độc đáo của tuyến đường này là thành phần không thể thiếu trong tổng thể Ga Đà Lạt - tàu hỏa hơi nước - đường sắt răng cưa. Theo một số tài liệu lịch sử thì dự án xây dựng tuyến đường sắt từ Tháp Chàm (Ninh Thuận) đi Đà Lạt (Lâm Đồng) được toàn quyền Paul Doumer phê duyệt và khởi công xây dựng từ năm 1908. Đến năm 1922, công ty thầu khoán Á Châu được ủy nhiệm việc nghiên cứu làm đoạn đường xe lửa răng cưa Krôngpha - Dran theo kiểu Thụy Sĩ. Với đoạn đường răng cưa dài khoảng 10km từ Eo Gió của đất Ninh Thuận vượt đèo Sông Pha để

lên trên độ cao 1.000m và độ dốc 12% chạm đến đất Dran của Lâm Đồng đã làm cho tuyến hỏa xa Tháp Chàm - Đà Lạt trở nên độc nhất vô nhị ở Việt Nam. Đáng tiếc là tuyến đường sắt độc nhất vô nhị này ở Việt Nam đã bị phá bỏ vào những năm sau 1975 với nhiều lý do. Nghe nói trước đây, ngành đường sắt Việt Nam có ý định khôi phục lại tuyến đường sắt này nhưng điều kiện không cho phép nên ý tưởng vẫn đang còn là ý tưởng.

Người thợ máy đã khởi động đầu tàu. Một cột khói đen phụt lên trời xanh. Con tàu hụ lên hồi còi nghe rất lạ tai. Những bánh răng cửa bắt đầu chuyển động. Du khách đã dừng mọi cuộc chuyện trò để ngắm phong cảnh Đà Lạt. Bên ngoài ô cửa là bầu trời Đà Lạt trong veo!



HỒ TUYỀN LÂM & THIÊN VIỆN TRÚC LÂM



Theo quốc lộ 20 lên đèo P'renn qua khỏi thác Satanla rẽ về phía trái đi trên con đường trải nhựa ngoằn ngoèo, uốn khúc dài khoảng 2km, băng qua những đồi thông ngút ngàn, du khách sẽ bắt gặp một hồ nước mênh mông xanh biếc. Đó là hồ Tuyền Lâm, thuộc địa bàn phường 3 thành phố Đà Lạt.

Với diện tích khoảng 350ha, hồ Tuyền Lâm được tạo thành bởi dòng suối Tĩa (hay còn gọi là Đạ Tĩa), thượng nguồn sông Đạ Tam. Tên hồ không biết có tự bao giờ và do ai đặt, nhưng có lẽ do xuất phát từ thiên nhiên kỳ vĩ: Suối và rừng quấn chặt lấy nhau nên người ta đã đặt cho hồ cái tên thật thơ mộng: Tuyền Lâm. Tuyền là Suối, Lâm là Rừng. Tuyền Lâm là nơi gặp gỡ của sông suối và núi rừng. Theo thuyết “Ngũ hành tương sinh” của triết học Đông phương thì: Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, và Tuyền Lâm là nơi bắt nguồn sự sống của vạn vật bởi lẽ: Thủy sinh Mộc.

Không biết điều ấy có đúng không, nhưng có một thực tế là: Từ năm 1988, Hồ Tuyền Lâm đã trở thành nơi không chỉ cung cấp nguồn nước mát lành nuôi sống hàng trăm hecta lúa của bà con huyện Đức Trọng, mà còn là một điểm tham quan du lịch lý tưởng mà du khách mỗi lần đặt chân đến Đà Lạt không thể không đến viếng thăm.

Vào những ngày đẹp trời, dùng canô hay thuyền du ngoạn trên hồ, du khách mới tận mắt chiêm ngưỡng được khung cảnh tuyệt diệu của Tuyền Lâm: những đôi thông xanh mơn mớn xen giữa những cụm rừng già, những sườn đồi thoải nhấp nhô, những đỉnh núi u tịch soi bóng xuống mặt hồ tạo cho ta một cảm giác như đang lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh. Nếu ngồi ở bờ hồ Tuyền Lâm câu cá, hoặc đi dạo với người yêu vào những thời điểm như thế, ta mới cảm nhận được hết vẻ kỳ ảo, thơ mộng của cảnh sơn thủy hữu tình mà thiên nhiên đã ban tặng cho Đà Lạt.

Từ hồ Tuyền Lâm nhìn lên ta thấy thấp thoáng một mái chùa hiền hoà. Đó chính là Thiền viện Trúc Lâm. Mặc dù chỉ mới được xây dựng từ năm 1993,



song nơi đây đã thu hút khá đông du khách thập phương và người dân sở tại đến vãn cảnh thiền môn vào ngày rằm và mồng một. Vào các dịp lễ, tết và mùa du lịch hàng ngàn người nô nức đổ về chật cả lối đi. Xe ô tô, xe máy xếp thành hàng dài trong khuôn viên Thiền viện, có người trông coi cẩn thận mà du khách không phải mất tiền như các điểm tham quan du lịch khác.

Thiền viện Trúc Lâm tuy không có vẻ đẹp cổ kính, nguy nga như các chùa khác trên đất nước ta, song nơi đây ẩn chứa bao điều huyền nhiệm của thế giới tâm linh. Vừa bước

lên bậc đá cuối cùng du khách đã gặp ngay một tòa bảo tháp uy nghiêm bên trong có treo một chiếc Đại Hồng Chung cao 1,98m, nặng 1,1 tấn được đúc tận xứ Huế mang vào. Trên chiếc Đại Hồng Chung ấy có khắc bài thơ của Trúc Lâm Đầu Đà đậm đầy ý nghĩa triết học nhân sinh:

“Phải trái rụng theo hoa buổi sớm

Lợi danh lạnh với trận mưa đêm

Hoa tàn, mưa tạnh, non im vắng

Xuân cõi còn nguyên một tiếng chim ...”.

Bước vào chánh điện, giữa không gian bao la rộng lớn ta chỉ thấy mỗi một bức tượng Phật Thích Ca tay cầm cành sen đưa lên mỉm cười với chúng sinh. Nhờ có sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, mùa xuân năm Quý Dậu (ngày 28/03/1993) Thiền Viện Trúc Lâm được khởi công kiến tạo trên quả đồi xinh đẹp có tên là Phụng Hoàng, đối diện với hồ Tuyên Lâm. Sau 1 năm khẩn trương thi công bằng sự đóng góp tiền bạc của Phật tử bốn phương, ngày 19/03/1994, Thiền Viện Trúc Lâm chính thức khánh thành và đi vào hoạt động trong khuôn viên rộng 24,5ha với 3 khu vực riêng biệt: ngoại viện dành cho du khách, 2 nội viện ở 2 nơi tách biệt được dành cho tăng và ni theo bản phác thảo thiết kế đầu tiên của kiến trúc sư nổi tiếng - Ngô Viết Thụ, người đã từng thiết kế chợ Đà Lạt, Viện Nghiên cứu Hạt nhân Đà Lạt và Dinh Độc lập của Tổng thống chế độ Sài Gòn (nay là Dinh Thống Nhất).

Hoà thượng Thích Thanh Từ là Viện trưởng đầu tiên của Thiền viện vốn là người “bác cổ thông kim” đã từng đi nhiều nơi để sưu tầm tài liệu, đến từng Phật tích đọc lại các

văn bia, kiểm chứng và dịch giảng nhiều pho tư liệu quý của Thiền học Phật giáo. Hiện nay bên cạnh một số Thiền viện nhỏ như: Linh Chiếu ở Long Thành, Viên Chiếu, Huệ Chiếu, Chân Không ở Vũng Tàu, Tuệ Quang ở Tp. Hồ Chí Minh, thì Thiền viện Trúc Lâm được coi là nơi tu Thiền lớn nhất Việt Nam. Đây cũng là nơi mà các nhà nghiên cứu Thiền học trong cũng như ngoài nước đã không ít lần đến tìm hiểu, học tập. Năm 2003, Thiền viện Trúc Lâm có hơn 150 tăng ni và là nơi tập tu của các cư sĩ Phật giáo. Quan điểm triết học của Thiền viện là *“Phản quang tự kỷ bất tùng tha đắc”*. Có nghĩa là *“Trở về soi rọi chính mình là phận sự gốc, không thể theo bên ngoài để mà được”*. Điều đáng lưu ý là Thiền viện không tụng kinh bằng tiếng Phạn hay tiếng Hán như các chùa, mà tụng kinh bằng tiếng Việt để cho mọi người cùng hiểu. Đồng thời, Thiền viện Trúc Lâm không có chủ trương theo nghi thức cúng tế linh đình, không xin xăm bói quẻ hoặc đi tụng kinh đả ma như các chùa chiền khác, mà răn dạy các tu sĩ và Phật tử phải “thiền định” để tự sửa mình, tránh đi những việc làm xấu nhằm củng cố đạo pháp, sao cho tốt đạo đẹp đời.

Trước thắng cảnh thơ mộng và kỳ ảo của hồ Tuyền Lâm và Thiền viện Trúc Lâm, năm 1998, các chuyên gia của Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch Việt Nam đã phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương tiến hành quy hoạch chi tiết phân khu chức năng khu du lịch Tuyền Lâm. Khu du lịch bao gồm: khu đón tiếp du khách; tuyến du lịch mặt nước; tuyến du lịch bằng đường bộ; tuyến du lịch cáp treo; trung tâm du lịch công cộng; vườn thú tự nhiên; khu vực nhà nghỉ; khu vực câu cá; khu vực leo núi và săn bắn; khu thể thao và khu cây xanh. Quan điểm đa dạng hoá sinh học, vấn đề bảo tồn và tôn tạo 2

nguồn tài nguyên thiên nhiên chính ở đây là mặt nước và rừng được đặc biệt coi trọng. Khu du lịch Tuyền Lâm được xác định là khu du lịch sinh thái kết hợp với văn hoá nghỉ dưỡng gồm: hồ, rừng, cảnh quan thiên nhiên và văn cảnh chùa. Theo quy hoạch, sẽ xây dựng tại đây một khu “du lịch nghỉ dưỡng tỉnh” cao cấp có diện tích rộng đến 2700ha, ẩn trong rừng, hạn chế tối đa tiếng ồn, kể cả hoạt động giải trí, với tổng kinh phí trên 4500 tỷ đồng. Quy hoạch cũng đã quy định, bất cứ những công trình nào xây dựng ở vùng này tối đa chỉ được cao một lầu, và không được phép vượt qua khỏi ngọn thông. Và, nếu không có gì thay đổi thì dự án xây dựng khu du lịch vùng Tuyền Lâm sẽ được chính thức khởi công vào dịp cuối năm nay (2003).

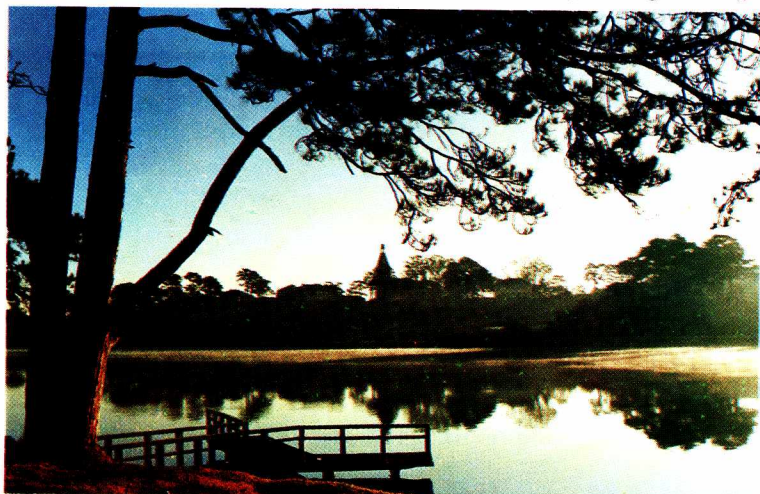


HỒ XUÂN HƯƠNG

Viên Ngọc Bích Giữa Lòng Thành Phố

Thật ngỡ rằng hồ Xuân Hương - một thắng cảnh xinh đẹp bậc nhất của Đà Lạt ngày trước chỉ là một đồng suối nhỏ róc rách chảy qua và là nơi trú ngụ lâu đời của bà con dân tộc thiểu số người Lat.

Hồ Xuân Hương nằm trên độ cao 1.477m, chu vi khoảng 5.000m, và diện tích rộng khoảng 4,5ha. Vào mùa nắng nước hồ thường xanh biếc. Buổi sớm mặt hồ phủ đầy sương trắng. Đến trưa thì lấp lánh ánh thủy tinh, sóng vỗ vào bờ thật trầm lắng và đến chiều thì mềm ra trong ánh sáng mát lạnh và chuyển sang màu xanh thẫm. Vẻ đẹp của Xuân Hương không giống vẻ đẹp của Hoàn Kiếm - Hà Nội hay Tịnh Tâm của cố đô Huế. Hồ Hoàn Kiếm có màu lục thủy soi bóng tháp Rùa, tháp Bút ghi dấu ấn anh hùng một giai đoạn



lịch sử của dân tộc Việt Nam trong công cuộc chống ngoại xâm. Còn Tịnh Tâm thì ngát hương sen và hình như lúc nào cũng âm thầm, lặng lẽ như còn chứng kiến một triều đại đã qua. Riêng hồ Xuân Hương thì lại có nét kiêu diễm của phương Tây, nước xanh soi bóng những cây Tùng, cây Đào rực hồng mỗi độ xuân về. Hồ Xuân Hương đã từng soi bóng khách sạn Palace - nơi đón tiếp Phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đến dự Hội nghị trù bị Đà Lạt vào năm 1946 để quyết định vận mệnh nước nhà trong những giờ phút “ngàn cân treo sợi tóc” và là nơi Bộ Chính trị mở Hội nghị tổng kết chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975. Hồ Xuân Hương đã làm tăng thêm vẻ yêu kiều, duyên dáng cho “thành phố hoa” Đà Lạt. Nếu không có hồ Xuân Hương có lẽ Đà Lạt sẽ đơn điệu, cô quạnh và lạc lõng với những rừng thông và sương mù lãng đãng. Thắng cảnh này là niềm tự hào của mọi người dân Đà Lạt.



Cho tới bây giờ nhiều người cũng vẫn chưa quên. Năm 1919 trong chương trình xây dựng Đà Lạt, Toàn quyền P. Doumer đã chỉ thị cho kỹ sư công chánh Lapbbé ngăn dòng suối Lat tạo thành hồ bằng cách đắp đập tại khu vực từ nhà Thủy Tạ đến quán Hương Đạo cũ. Năm 1923, chính quyền đương thời lại cho xây thêm một đập phía dưới đập Hương Đạo tạo thành 2 hồ. Tháng 3/1932 một cơn bão lớn đi qua làm cả 2 đập bị vỡ. Năm 1934 - 1935, kỹ sư Trần Đăng Khoa đã thiết kế, xây dựng lại một đập khác bằng đá lớn hơn. Đó là

cầu Ông Đạo ngày nay (Ông Đạo là Quản đạo Phạm Khắc Hoè, một vị quan thay mặt triều đình Huế quản lý và giải quyết việc hành chính tại địa phương được người dân kính trọng đặt tên cho cầu). Lúc bấy giờ người Pháp đặt tên cho hồ là Grand Lac (hồ Lớn). Đến năm 1953, trong một cuộc họp quyết định đổi tên các đường phố, hồ nước từ tiếng Pháp sang tiếng Việt bằng cách lấy tên các danh nhân văn hoá và danh nhân lịch sử mà đặt, ông Nguyễn Vũ - Chủ tịch Hội đồng Thị xã lúc bấy giờ đã đề xướng lấy tên nữ sĩ lừng danh, bà chúa



thơ Nôm Hồ Xuân Hương để đặt tên cho hồ và đã được cả Hội đồng chấp nhận.

Tháng 10/1984, UBND tỉnh Lâm Đồng đã quyết định cho sửa sang lại

hồ Xuân Hương. Trong 6 tháng liền nước hồ được xả cạn, đáy hồ được hàng vạn thanh niên Đà Lạt đổ bao mồ hôi công sức nạo vét nhằm làm tăng thêm vẻ đẹp cho thành phố. Ngày 6/11/1988, Bộ Văn hoá Thông tin đã ra Quyết định số 1288 công nhận hồ Xuân Hương. Đây cũng là thắng cảnh đầu tiên của tỉnh Lâm Đồng được Nhà nước xếp hạng.

Ngày 20/6/1996, UBND tỉnh Lâm Đồng đã giao cho Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn cùng Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Lạt lập dự án nạo vét và sửa chữa lại hồ Xuân Hương và công trình xi phông tháo lũ với tổng dự toán

lên tới 20 tỉ đồng. Ngày 1/7/1997 công trình chính thức được khởi công. Sau hơn 3 tháng khẩn trương, cuối tháng 9/1998 hồ Xuân Hương được đóng nước và trả lại vẻ đẹp thơ mộng như trước. Hàng trăm cây Mai Anh Đào, Liễu, Tùng được trồng quanh hồ. Có thể nói đây là lần chỉnh trang lớn nhất từ trước đến nay được thực hiện ở Hồ Xuân Hương.

Tối 28/4/2003, lễ hội Văn hoá các dân tộc Trường sơn - Tây Nguyên đã chính thức khai mạc bên hồ Xuân Hương thơ mộng. 11 đoàn nghệ nhân các dân tộc thiểu số đại diện cho 11 tỉnh gồm 350 người tiêu biểu cho hàng triệu bà con các dân tộc thiểu số khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên như: Pa Cô, Vân Kiều của Quảng Trị, Cà Tu của Quảng Nam, H'Re của Quảng Ngãi, Chăm H'roi của Phú Yên, Ray Lay của Ninh Thuận, Gia Rai của Gia Lai, Ê Đê của Đắk Lắk, Giẻ Tiêng, Xơ Đăng của Kon Tum; Chơ Ro của Đồng Nai, S'tiêng của Bình Phước, K'ho, Mạ của Lâm Đồng...đã tập trung tại Khu Hoà Bình và kéo về lễ đài được đặt trên bờ hồ Xuân Hương bên cạnh nhà Thủy Tạ. Mở đầu đoàn diễu hành là chiếc xe hoa mang ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vô vàn kính yêu của dân tộc và là niềm tin bất diệt của bà con các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên được trang hoàng khá lộng lẫy. Tiếp đến là 4 con voi to lớn tượng trưng cho sự hùng dũng của 4 tỉnh Tây Nguyên; 21 con ngựa khoẻ khoắn tung vó biểu hiện cho nhân dân cả nước đang dũng mãnh bước vào thế kỷ 21, và sau đó là 110 ngọn đuốc tượng trưng thành phố Đà Lạt vừa tròn 110 tuổi.

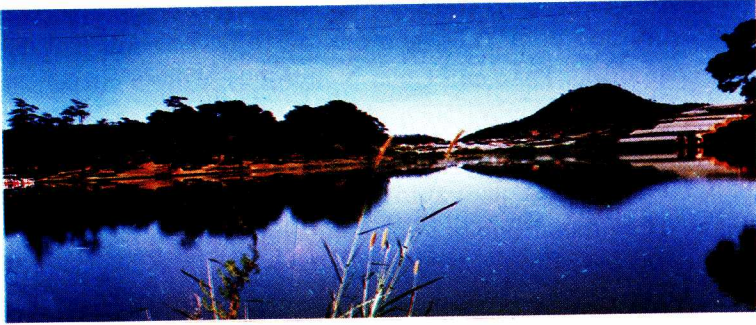
Tối hôm ấy hồ Xuân Hương trở nên sống động lạ thường bởi hàng trăm những ngọn đuốc lung linh, tiếng cồng chiêng trầm hùng, những điệu rước Tòtem, rượu cần của các

dân tộc và đoàn người không phân biệt Bắc - Nam, Kinh - Thượng, Tây - Ta quần quýt bên nhau hát ca nhảy múa. Tối 29 và 30/4/2003 một chương trình dân ca, dân vũ, biểu diễn nhạc cụ và trình diễn trang phục dân tộc lại diễn ra tại bờ hồ Xuân Hương. Với những sắc màu độc đáo khác nhau như những bông hoa đẹp trong cộng đồng văn hoá các dân tộc Việt Nam. Lễ hội văn hoá các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên được tổ chức bên bờ hồ Xuân Hương đã thực sự trở thành món quà có ý nghĩa đầu tiên chào mừng sinh nhật lần thứ 110 của Đà Lạt, ghi dấu ấn khó quên trong lòng nhân dân thành phố và du khách.

110 mùa xuân trôi qua, hồ Xuân Hương đã chứng kiến biết bao thăng trầm và biến động của Đà Lạt và là nguồn cảm hứng bất tận của bao thế hệ văn nghệ sĩ. Hôm nay đi trên bờ hồ Xuân Hương thơ mộng nhìn mặt hồ xanh biếc, lấp lánh ánh thủy tinh với những con thiên nga, những chiếc thuyền buồm căng gió lướt nhẹ trên mặt hồ, nhiều người dân Đà Lạt và du khách không khỏi xúc động. Ta như chợt nghe trong gió mấy vần thơ mà thi sĩ Hàn Mặc Tử đã từng ngắt ngây khi đứng trước hồ Xuân Hương:

*“Ai hãy lặng thinh chớ nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để nghe trời giải nghĩa yêu”.*

HỒ THAN THỎ



Từ trung tâm thành phố Đà Lạt đi về hướng Thái Nguyên khoảng 6km, rẽ tay phải, du khách sẽ gặp hồ Than Thở nằm giữa rừng thông bát ngát.

Cảnh vật thật quanh hồ thật yên vắng. Mặt hồ trầm ngâm phẳng lặng. Con đường đất nhỏ hẹp uốn lượn quanh hồ rồi như mất hút phía xa. Gió lên, thông reo. Lờn thông khi như êm ái, khi như nước nở khóc than.

Thiên tình sử đầu tiên được lưu truyền lâu nay ở Đà Lạt là câu chuyện tình giữa Hoàng Tùng và Mai Nương. Chuyện kể rằng ⁽¹⁾: Ngày ấy không xa lắm vào cuối thế kỷ thứ 18, vua Quang Trung từ Phú Xuân ra Bắc đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh, nghĩa sĩ khắp nơi từ các Sơn động, Man động; từ trấn Gia Định đến Thuận Hoá đều tòng quân đánh giặc. Nơi đây giữa núi rừng hùng vĩ, bên hồ nước biếc có đôi

⁽¹⁾ Theo Nguyễn Diệp

tình nhân trẻ chiều chiều thường gặp nhau kết mộng đợi ngày sum họp. Chàng tên Hoàng Tùng, nàng tên Mai Nương, hai người đều quê dưới xuôi theo cha mẹ lên vùng núi cao để tránh chế độ hà khắc của Chúa Nguyễn, hoà mình với người dân địa phương, nhưng lòng họ luôn hướng về quê cha đất tổ. Rồi họ được biết người anh hùng áo vải Quang Trung kêu gọi toàn dân đánh đuổi quân xâm lược Mãn Thanh. Một ngày kia Hoàng Tùng theo tiếng gọi non sông chia tay Mai Nương bên hồ...

Người đi chưa về, tin buồn đến: Hoàng Tùng tử trận!. Mai Nương buồn rầu quyết chết theo người tình và mộ nàng được chôn bên hồ. Nhưng mấy tháng sau, Hoàng Tùng thắng trận trở về tìm lại người xưa, Mai Nương không còn nữa, chàng nguyện suốt đời ở vậy cho trọn mối tình chung. Mấy năm sau, triều đại Tây Sơn sụp đổ, Nguyễn Ánh chiếm được Phú Xuân, tin ấy lan đến Sơn động. Đau đớn tình riêng, xót xa vận nước, hết hy vọng, Hoàng Tùng nhảy xuống hồ chết theo Mai Nương:

“ Hồn thiêng em hãy đợi chờ

Mặt hồ Than Thở bây giờ là đây”

Từ đó, mỗi khi sáng sớm hoặc lúc hoàng hôn, ngàn thông bên hồ lại trỗi lên khúc nhạc bi ai như than thở, tiếc thương, ngợi ca đôi trai tài gái sắc vì nước trọn tình. Do đó, mà người đời sau đặt tên là hồ Than Thở.

Lại có người kể rằng hồ Than Thở là nơi trầm mình của những người vì tình dang dở. Chàng tên là Tâm nàng tên là Thủy, hai người yêu nhau từ độ tuổi học trò ngây thơ nhiều mộng ước. Nhưng về sau, chàng phụ nàng để vui duyên mới.

Tình yêu tan vỡ, Thủy trầm mình xuống hồ kết liễu một đời hoa!. Không biết câu chuyện có thật hay không mà theo lời kể của người dân sở tại do học sinh Trường Trung học Trần Hưng Đạo sưu tầm được năm 1969 - 1970 thì sau khi mối tình đứt đoạn còn lại ngôi mộ của Thủy phía bên kia hồ và trên tấm bia có đề câu' thơ:

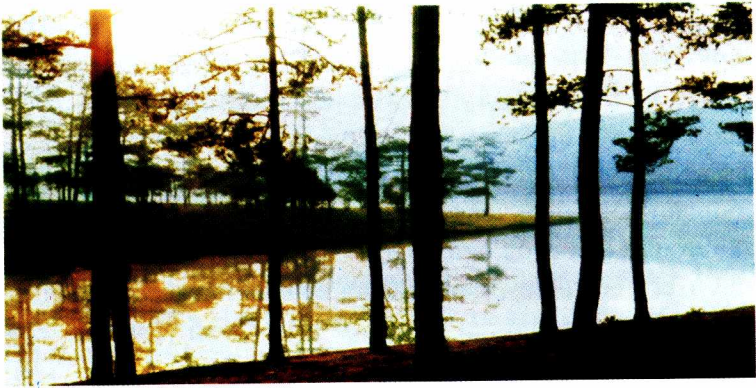
"Mây xanh nước biếc dù thay đổi

Ngàn năm THỦY vẫn ở trong TÂM"

Thế rồi, lớp bụi thời gian phủ kín bia mộ có ghi hai câu thơ ấy. Ngày nay, du khách chỉ có thể tìm thấy một ngôi mộ đắp bằng đất ở phía bên kia đường cách nhà nghỉ mát khoảng 50m, nhưng trên ngôi mộ không ghi tên Thủy mà ghi tên Thảo, song Thủy hay Thảo có hề chi, vì đều là phận hồng nhan bạc mệnh.

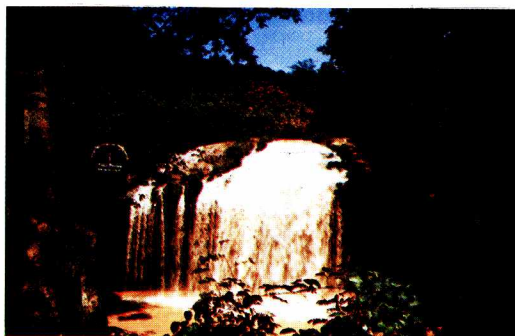
Chuyện xưa là vậy, nhưng trên thực tế hồ Than Thở khởi thủy chỉ là một hồ nước nhỏ. Nhiều cụ già cao niên ở gần đó kể rằng: Lúc ấy khu vực hồ rất thơ mộng, nên chiều chiều các cặp tình nhân thường đưa nhau ra đây tâm tình và thề nguyện trọn đời chung thủy, sắt son. Không ngờ sau đó lại có người bội nghĩa, vong tình. Kẻ vui duyên mới, người ở lại nuốt lệ tìm đến chốn hên hò ngày xưa để khóc than với thiên nhiên, cây cỏ về duyên phận của mình, thậm chí có người còn toan nhảy xuống hồ kết liễu cuộc đời. Chính vì vậy bà con mới đặt cho hồ nước này cái tên: Than Thở!. Trong chương trình chinh trang Đà Lạt, người Pháp đã cho đắp đập ngăn nước tạo thành một hồ nước lớn khá đẹp và đặt tên là: Lac des Soupris. Về sau theo đề xuất của ông Nguyễn Vỹ - Chủ tịch Hội đồng thị xã lúc bấy giờ, Lac des Soupris được đổi thành hồ Than Thở.

Sau năm 1975, có thời gian hồ Than Thở đổi tên thành hồ Sương Mai, nhưng trong nhân dân Đà Lạt mỗi khi nhắc đến hồ này vẫn gọi Than Thở chứ không gọi Sương Mai. Chính vì vậy, từ năm 1990, chính quyền thành phố đã quyết định cho khôi phục lại tên cũ: Hồ Than Thở. Năm 1995 hồ Than Thở được giao về cho Cty TNHH Thủy Dương (Tp. Hồ Chí Minh) khai thác, kinh doanh du lịch với dự án đầu tư lên đến 47 tỉ đồng và đang được triển khai thực hiện. Đầu năm 1999 Bộ Văn hoá Thông tin đã ra Quyết định công nhận hồ Than Thở là thắng cảnh cấp Quốc gia.



THÁC P'RENN

Bước vào cửa ngõ thành phố Đà Lạt, du khách đã gặp ngay thác P'renn. Đây là một trong những thác nước đẹp nổi tiếng của thành phố cao nguyên. Thác P'renn nổi tiếng không chỉ vì khá giống Thủy Liêm động trong Tây Du Ký của Tôn Ngộ Không, mà còn nổi tiếng bởi vì những truyền thuyết liên quan đến công cuộc bảo vệ quê hương của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đà Lạt.



Thác P'renn bắt nguồn từ suối P'renn, khởi nguồn từ khu vực đường Hùng Vương (Đà Lạt) rồi chảy theo hướng Bắc Nam, vượt qua đèo

P'renn, đến chân đèo bất chợt gặp một khúc gãy của nền đá granít mà tạo thành thác. Người Lạt gọi suối P'renn là DạPrên và thác P'renn là Liang Tarding. Ở về phía Bắc dòng thác này, ngày xưa vẫn tồn tại một buôn lớn của người thiểu số bản địa, gọi là BonPrên. Prên là tên một người phụ nữ được dân làng trong buôn rất kính trọng (Mo Prên: bà Prên), nhưng nó còn có nghĩa là cây cà đắng.

Thác P'renn cao hơn chục mét, nước từ trên cao đổ xuống lóng lánh như một bức màn nước kết bằng ngọc. Thành thác là những tảng đá vững chắc. Con đường xuống thác du

khách có thể đi theo 2 ngã. Một đi theo con đường xi măng khá sạch, đẹp vòng ra phía sau rừng già. Một là men theo lối mòn năm xưa “cắt rừng” mà đi. Tuy khá trơn trượt, nhưng có đi bằng con đường này du khách mới thấy được con đường xuống thác đẹp không thua gì tranh thủy mặc. Đến chân thác, du khách có thể vào những căn nhà rông hay cưỡi ngựa để chụp hình lưu niệm. Sau đó leo lên một thân cây lớn làm cầu treo để thưởng thức cái thú mạo hiểm, hay leo lên cáp trượt “bay” ngang qua đầu thác để ngắm nhìn cảnh sơn thủy hữu tình. Tiếp theo, là qua chiếc cầu xi măng được bắc ngay dưới vòm đá nơi con thác chảy qua để nghe nghe tiếng thác đổ ào ào trên đầu. Du khách cũng có thể theo con đường lát xi măng để lên thăm Đền Âu Lạc, được xây dựng từ tháng 10/2002 và khánh thành đưa vào hoạt động từ tháng 1/2003, để đốt nén nhang thơm trước tượng Lạc Long Quân và Âu Cơ mà tưởng nhớ đến cội nguồn của các dân tộc Việt Nam vốn sinh ra từ cha Rồng, mẹ Tiên. Diện tích mặt bằng Đền Âu Lạc không lớn, chỉ vào khoảng 200m² bao gồm 3 gian, nhưng bên trong được bài trí khá hài hoà cân đối và trang nghiêm với những đồ thờ cúng, câu đối sơn son thếp vàng, ngai, khám, tượng thờ làm bằng gỗ mít và gỗ vàng tâm.

Cái tên P'renn có tự lúc nào và do ai đặt?. Một số nhà nghiên cứu dân tộc học cho rằng P'renn theo tiếng dân tộc thiểu số bản địa có nghĩa là “Vùng lấn chiếm”⁽¹⁾. Bà con các dân tộc ở Đà Lạt trước đây thường gọi người Chăm là “P'renn”, vì Vương triều Chăm ở thế kỷ 17 thuộc triều đại Pôrômê (1625 - 1651) dựa vào lực lượng hùng mạnh đã đưa

⁽¹⁾Theo Nguyễn Diệp

quân đánh chiếm các vùng đất lân cận trong đó có Đà Lạt - Lâm Đồng ngày nay. Các cuộc chiến tranh này khá dai dẳng và thác P'renn là ranh giới giữa xâm lăng và bảo vệ lãnh thổ. Từ dưới thác P'renn đến Đơn Dương là vùng đất mà người Chăm thường tiến chiếm. Đến nay vẫn còn rải rác một số di tích của họ. Một số tên làng ở Đơn Dương, Đức Trọng hiện tại sở dĩ mang tên Chăm cũng do sự kiện trên như làng K'Long, N'Thol Hạ ... Tuy nhiên, thác P'renn chính là cứ điểm của tộc người K'ho - Lat đã chiến đấu dũng cảm để bảo vệ buôn làng của mình.

Trước năm 1963, thác P'renn đã có Thảo cầm viên với nhiều loài mãnh thú, chim muông, hoa cỏ. Ngô Đình Nhu, Trần Lệ Xuân đã từng lấy nơi đây làm điểm dừng chân trong các cuộc săn bắn và tổ chức họp mặt già làng các bộ tộc Tây Nguyên nhằm phủ dụ họ theo chúng, song bà con các dân tộc vẫn một lòng theo cách mạng.

Năm 1968, thác P'renn vẫn đổ, vẫn gào thét trong mùa mưa lũ như tiếng gọi xa xăm của chúa sơn lâm, nhưng du khách thì thưa thớt đến vô cùng. Nguyên nhân là do lúc bấy giờ nhân dân thành phố Đà Lạt bước vào cuộc chiến đấu khá ác liệt, nhóm AT4 (hoạt động nội thành) tung tin voi, cọp đã được thả về rừng, và chúng luôn rình rập quanh thác P'renn khiến du khách và chính quyền lúc bấy giờ nhiều người không dám bén mảng đến đây. Từ đó, thỉnh thoảng tại thác P'renn đã diễn ra những cuộc họp kín của sinh viên, học sinh và trở thành điểm liên lạc của cách mạng.

Năm 1977, thác P'renn được giao về cho Cty Du lịch Lâm Đồng quản lý và từng bước chỉnh trang. Những con đường, vườn hoa, cây cảnh dần dần có người chăm sóc. Đến

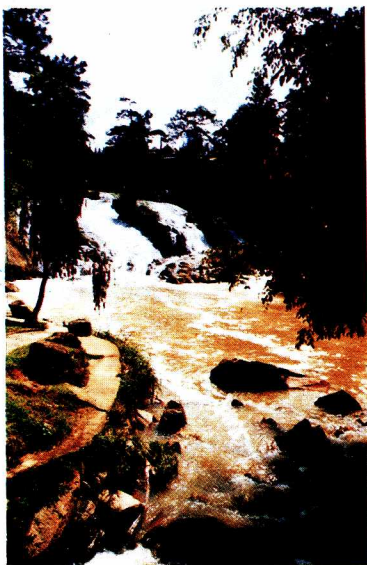
năm 1990, thác P'renn được giao về cho Công ty Phát triển Kinh tế Vũng Tàu - Côn Đảo đầu tư, tôn tạo khai thác kinh doanh theo hợp đồng liên doanh với Công ty Du lịch Lâm Đồng, nhưng sau đó lại được bàn giao lại cho Lâm Đồng.

Từ ngày tiếp nhận trở lại đến nay, Công ty Dịch vụ du lịch Đà Lạt đã đầu tư hàng tỉ đồng nhằm thiết lập hệ thống cấp trượt qua thác, xây dựng Đền Âu Lạc, hồ trên, hồ dưới và xây dựng vườn hoa cây cảnh, khu nuôi thú ... Hằng năm du khách thập phương lại nườm nượp kéo về thác P'renn để tham quan, ngắm cảnh. 9 tháng đầu năm 2003 đã có trên 335.000 lượt khách đến thăm khu du lịch thác P'renn. (tăng hơn 4 % so với cùng kỳ). Theo Dự án vừa được phê duyệt, thời gian tới DALAT TOSERCO sẽ đầu tư thêm trên 22 tỉ nhằm xây dựng thêm 2 khu Đền trung và Đền hạ, 9 giếng tượng trưng cho 9 tầng trời, lâu đài Hạnh phúc mang hình dáng chim Lạc; xây công trình “Nàng Trắng” gồm 4 phòng cho các cặp uyên ương đến đây hưởng tuần trăng mật, xây sân khấu ngoài trời, Động Thủy cung và trang bị Canô, thuyền cao su vượt thác... Năm 1998, thắng cảnh thác P'renn được Bộ Văn hoá Thông tin xếp hạng thắng cảnh cấp Quốc gia.



THÁC CAM LY

Cam Ly là tên của một con thác nhỏ thuộc suối Cam Ly cách trung tâm thành phố Đà Lạt chừng 3 km về phía Tây. Suối Cam Ly bắt nguồn từ khu vực rừng Đarahoa (Lạc Dương) và nhận nước từ các núi LápBê nam, LápBê bắc. Sau khi qua địa phận thành phố Đà Lạt, suối Cam Ly tiếp tục chảy qua huyện Lâm Hà để rồi nhập vào sông Đa Đồn (Đa Dâng) thượng nguồn sông Đồng Nai, tại xã Tân Văn.



Vào những năm 1960 từ dưới chân thác nhìn lên du khách có thể bắt gặp một buôn làng đồng bào dân tộc nằm cheo leo trên sườn đồi, xen giữa đồi thông là một rừng Mai Anh Đào nhuộm một màu hồng rực rỡ mỗi độ xuân về. Bên dưới dòng suối Cam Ly chảy lững lờ từ hồ Xuân Hương về đến đây gặp những gềnh đá lớn vỡ oà ra thành dòng thác trắng xoá rồi chảy mất hút về phía Tây. Vào mùa nắng, nước ít, du khách có thể nhảy từ bậc đá này sang bậc đá kia. Một con đường đất nhỏ hẹp uốn khúc chạy từ chân thác lên tận buôn làng, chiều chiều những nàng sơn nữ thường ra dòng

thác Cam Ly lấy nước bằng những quả bầu. Phía giáp ranh con đường chạy về hướng lũng Nguyễn Hữu Hào là một khu rừng già tiếng ve ngâm rả rích suốt ngày đêm. Khung cảnh xung quanh thác lúc đầu thật hoang sơ và xinh đẹp. Một chiếc cầu treo được bắc ngang để du khách có thể đi từ bên này sang bên kia. Một nhà dù lợp bằng tranh được dựng tạm để du khách và các cặp tình nhân có thể nghỉ chân, ngắm cảnh sương mờ mỗi lúc sáng sớm hoặc hoàng hôn. Chính vì vẻ đẹp thơ mộng đó, nên mấy chục năm qua thác Cam Ly đã đi vào thế giới thi ca và âm nhạc tưởng chừng như bất hủ:

“Cam Ly cảnh đẹp trong mơ

Rừng thông, thác nước, sương mờ còn say”

Hay:

“Đà Lạt có thác Cam Ly

Người ơi, người ở, người đi sao đành!”

Cho tới bây giờ vẫn chưa ai lý giải được tên thác Cam Ly. Cu nhạc - viên Công sứ đầu tiên của Đà Lạt trong một bài viết cũng lầm tưởng rằng Cam Ly là tên do người Việt đặt. Ông viết: *“L’aspect primitif ne s’est guère modifié jusqu’à ces dernières années. A la place du lac coulait le petit ruisseau de la tribu des Lat et qu’ou appelait “Dalat” (Da ou Dak: eau en moi) et auquel pour une raison que je n’explique guère on a substitué le nom Annamite de Cam Ly”* ⁽¹⁾. Tạm dịch: *“Cho đến những năm gần đây, quang cảnh ban sơ không có gì thay đổi. Ở chỗ hồ nước có dòng suối nhỏ của bộ tộc Lat chảy qua người ta gọi là Đà Lạt (theo tiếng Thượng,*

⁽¹⁾ Baudrit: Naissance de DaLat - Revue Indochine No 108 (2/1944)

Đa hay Đak có nghĩa là nước) và tôi không hiểu tại sao người ta thay thế bằng tên An nam là Cam Ly”

Xung quanh thác Cam Ly có khá nhiều truyền thuyết. Nhiều bà con dân tộc Lat, Cil nói rằng ngày xưa thác Cam Ly có tên là Liêng Sra. Liêng là thác, Sra là tên. Hai ông Rơ ông Ha Ban và Cil Long ở xã Tà Nung kể ⁽²⁾ :

Thuở ấy, chưa xa mấy, chừng hơn 100 năm trở lại đây cả vùng đất Đà Lạt này thuộc “đất ông bà” của các bộ tộc K’ho Lat, K’ho Cil. Hai cha con Kwangbon (người đứng đầu buôn) Yagút (vùng đất thuộc đường Trần Bình Trọng, Hoàng Diệu, Yagút ngày nay) tên là Yagút Hamon và Bon yụ Đăm M’ly dẫn trai gái người Lat xuống vùng Ray Lay (một chợ của người Chăm ở Phan Rang) để “ai vó dăm gờn” (mua bán đổi chác), chủ yếu là muối. Yagút Hamon già lắm muốn đi xa một chuyến để rồi không bao giờ đi nữa, vì cái chân không còn sức đi. Riêng Bon yụ Đăm M’ly thì rất đổi vui mừng vì chuyến đi này sẽ có muối để ăn trâu, uống rượu cần và nhận chức chủ buôn của ông già Yagút Hamon trao lại. Bon yụ Đăm M’ly cười nói suốt ngày và chọn cái áo, cái khố mới nhất của vợ nó vừa dệt còn thơm mùi bàn tay mặc vô người. Cái khăn quần trên đầu cũng may nhiều màu sắc rực rỡ và có trang điểm mấy cái đuôi lông chim Bling rất xinh. Ai cũng khen, duy chỉ cái cầm Bon yụ Đăm M’ly thì không có sợi râu nào. Đã là Kwang bon nay mai mà không có sợi râu nào thì buồn cười lắm, Bon yụ Đăm M’ly bèn nghĩ ra cách hay: Lấy râu dê của làng buôn cúng Yàng hôm trước dính vô cầm

⁽²⁾ Theo Lâm Tuyên Tĩnh, Đặc san Đà Lạt Du lịch số 2/1986

mình, vuốt vuốt mấy cái và khoát tay giục già đám con trai, con gái người Lat lên đường.

Đến miền đất Ray Lay, người Pháp thấy người Lat trên rừng xuống vội đến bắt tay trò chuyện. Lần đầu gặp người Pháp, ông già Yagút Hamon nói với con cháu mình:

- Ôi lũ làng! Người ở đâu đến mà con mắt lơ lơ xanh lét?. Sao cái da mặt trắng bột, nhợt nhạt như mới chết nước?

Không ai biết trả lời cho đúng với ông già Yagút Hamon. Bon yụ Đăm M'ly vắt cái ống tre trên miệng, ngâm thuốc vắn bằng ngón tay cái của người Pháp mời và nói dài như hát:

- Bọn mình ở tận Lang Biang vút cao, xung quanh có trời trắng, mây trắng bao phủ. Từ đó đi đến đây mất bảy sếp cơm.

Bon yụ Đăm M'ly giơ cao cái ống sếp nhỏ đan bằng cỏi lác dựng cơm giới thiệu với người Pháp và nói tiếp:

- Nơi ấy có rừng cây trắng, con suối trắng, con voi trắng, con nai trắng, con dê trắng, con gà trắng, con cọp trắng, con chim trắng, con cá trắng, con lươn trắng ...Ô, cái gì cũng trắng. Chúng mày lên, chúng mày biết!

Người Pháp nghe nói rất ngạc nhiên về muôn thú lạ ở Lang Biang. Vì đang có ý muốn lên cao về phía Tây, nay lại gặp người trên ấy xuống đây người Pháp mừng lắm vội hỏi đường lên và cảm ơn hẹn ngày gặp lại tại Lang Biang.

Mua bán đổi chác xong, Yagút Hamon và Bon yụ Đăm M'ly dẫn lũ làng về buôn Yagút, các làng khác cũng được chia đều muối ăn. Nhiều cây Nêu được trồng lên, nhiều dãy nhà mới được dựng lại. Trẻ, già, trai, gái mặc váy và khố

mới suốt bảy ngày bảy đêm liền. Người người vui hát “đốt lợn”, “đốt cho”, “sa rốp” và “nhô rơ nầm” (hát đối đáp, hát dân ca, ăn thịt trâu và uống rượu cần).

Cuộc vui vừa tàn, người Pháp đến. Người ngựa lên rừng, họ xì xồ, sục sạo, tìm kiếm ngọn núi trắng, rừng cây trắng, con suối trắng, con voi trắng, con nai trắng, con dê trắng, con gà trắng, con cọp trắng, con chim trắng, con cá trắng, con lươn trắng. Nhưng chẳng tìm thấy gì trắng cả. Một hôm, họ nghỉ ngơi và tắm nước. Họ lội hết suối Đan Kia sang suối Đạ Lạch, gặp mấy người Lat đang tắm nước, người Pháp hỏi nhiều điều cần hỏi, nhưng mấy người K’ho Lat chỉ lắc đầu “ơ ghít” (không biết). Một lúc sau người Pháp vốc nước lên chỉ vô lòng bàn tay:

- Cái gì đây?
- Đạ - một người Lat đáp
- Người gì?
- Lạch - mọi người nói chung một tiếng.
- Đà Lạt - người Pháp hỏi lại.
- Đạ Lạch
- “Đạ Lạch” - người Pháp nhại theo nhưng chưa đúng tiếng.

Giã từ suối Đạ Lạch người Pháp lên suối Đạ Sờ và tìm hỏi những người đã nói về những điều lạ của vùng đất Lang Biang mới cách đây một tuần lễ.

Người Pháp lục lạo hết dãy nhà này sang dãy nhà khác nhưng không thấy Bon yu Đăm M’ly đâu mà chỉ thấy

ông già Yagút Hamon. Người Pháp lấy cây batoong gõ vô đầu ông Yagút Hamon hỏi:

- Người con có râu của ông già đâu?
- Nó đi cái rầy hay ở đâu đó!
- Gọi ngay nó về, không người Pháp bắn ông!
- Hãy bắn tao, đừng bắn nó, vì nó sắp thay tao làm Kwangbon!
- Được, ông già muốn chết thay cũng được, nhưng phải gọi nó ra đây!

Thượng cha Bon yụ Đăm M'ly nhảy ra nói lớn:

- Tao đây, tao là Bon yụ Đăm M'ly đây, chúng mày bắn đi!.
- Ô! không phải mày, mày đâu có râu như người hôm trước nói chuyện với người Pháp ở Ray Lay.
- Bữa trước tao dính râu dê, hôm nay tao không dính râu dê, nên chúng mày không nhận ra đó!

Người Pháp dữ sùng dọa bắn. Bon yụ Đăm M'ly ưỡn ngực lên, mắt trừng trừng nhìn họng súng. Tất cả các cánh tay người buôn Yagút giơ lên những lưỡi xà gạc lấp lánh trong nắng sớm. Người Pháp hạ súng xuống rồi nói nhỏ với một ông quan người Việt. Một lúc sau người Pháp chuyển sang giọng nhẹ nhàng:

- Người Pháp với người Thượng là anh em, người Pháp không nỡ bắn người anh em. Nhưng người anh em này lường gạt người Pháp, trừng phạt nhẹ thôi, chỉ trói người anh em bên kia rừng có tổ kiến và mối kia. Nếu người anh em này biết hàng phục, người Pháp sẽ cởi trói và cho ăn. Ai cho ăn và cởi

trời cho Bon yụ Đăm M'ly là không tốt với người Pháp. Mai này người Pháp sẽ khai hoá, mở mang vùng Lang Biang thêm giàu đẹp, Bon yụ Đăm M'ly cần ráng chịu đựng cơn đói cồn cào, kiến cắn nhức nhối vẫn không khai nửa lời, không hề kêu cứu, van xin, chỉ trân trân nhìn lũ người Pháp với mấy người lính Việt đội nón nhỏ có mang cái khố xanh bằng ánh mắt rục rịch.

Ngày nắng, đêm sương, làm nhão mềm toàn thân Bon yụ Đăm M'ly. Cây rừng lay động mạnh, Bon yụ Đăm M'ly trúng gió chết!. Bất chấp những họng súng dài của mấy lính khố xanh và đã nhiều đêm thương nhớ con không ăn uống, bệnh già phát chứng, Yagút Hamon lết đến ôm xác Bon yụ Đăm M'ly khóc như hổ gầm, voi rống rồi giã chết.

Sáng sớm hôm sau, người buôn Yagút kéo ra đông, họ đi suốt hai bờ suối Sờra tìm kiếm xác Yagút Hamon và Bon yụ Đăm M'ly, nhưng không hề thấy xác. Mọi người dừng lại ở chỗ cây rừng có tổ kiến và ụ mối bỗng thấy hai nấm mộ. Một người già trong buôn nói và khóc:

- Ô! đất ông bà đã chôn lấp Mon - M'ly đây rồi!

- Ôi! Mon - M'Ly, mọi người cùng nói và khóc theo.

Cây rừng im lặng cúi đầu. Nước suối Sờra ngừng chảy. Từ đó, bà con dân tộc K'ho Lat, K'ho Cill của vùng Đa Lạch gọi Liêng Sờra là Liêng Mon M'Ly.

Qua bản kể của hai ông Rơ ông Haban và Cil Long cũng như một số một số bản kể khác, chúng ta có thể suy đoán rằng Cam Ly được “Việt hoá” thông qua quá trình biến đổi ngữ âm từ Mon M'ly, Đăm M'ly rồi thành Cam Ly.

Ngoài ra, còn có một số cách giải thích khác nữa về tên Cam Ly: Đó là thời hai bên suối Cam Ly và hồ Xuân Hương có 2 tộc người thiểu số anh em cùng chung sống hoà thuận bên nhau. Người Lat nắm thung lũng hồ Xuân Hương, đường Phan Bội Châu và chợ Đà Lạt ngày nay. Người Cill giữ một phía bờ suối là khu vực cầu Bá Hội Chưc đến thác Cam Ly. Tộc người Cill do ông K'Mly làm tù trưởng, nên sau khi ông K'Mly qua đời bộ tộc Cill đã lấy tên ông đặt tên cho vùng đất, đoạn suối mà họ xem là quê hương và để ghi nhớ công ơn ông K'MLy. Có thể âm K'Mly đọc nhanh thành Kamly (Cam Ly).

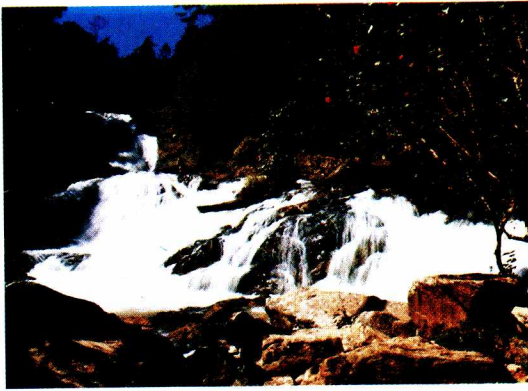
Những năm gần đây cảnh quan, môi trường dọc suối và ngay tại thác Cam Ly do không được sự bảo quản, giữ gìn nên đã làm cho dòng thác trắng xoá ngày nào bị ô nhiễm nặng nề, nhất là vào mùa nắng. Để khắc phục thực trạng này, đồng thời bảo vệ, tôn tạo một thắng cảnh đã được Nhà nước xếp hạng, một dự án giải toả, mở rộng, cải tạo dòng chảy của suối Cam Ly nhằm chống ô nhiễm và xây hồ lắng sinh học trước khi cho dòng nước đổ về thác Cam Ly lên đến hàng chục tỉ đồng đã được chính quyền thành phố cho khởi động vào đầu năm 2003. Hy vọng rằng một ngày gần đây vẻ đẹp thơ mộng của thác Cam Ly sẽ được phục hồi để câu thơ ngày nào còn đọng mãi trong lòng du khách:

“Đà Lạt có thác Cam Ly

Có hồ Than Thở, anh đi sao đành!”

THÁC DATANLA

Lung chừng đèo P'renn, cách Đà Lạt khoảng 10 km, du khách đã nghe thấy tiếng thác đổ ào ào vọng lên từ một khu rừng. Đó chính là thác Datanla mà ngày trước bà con dân tộc thiểu số địa phương gọi là “Đa tam n’ nha”.



Trước đây, khi cổng vào thác đặt ở phía dưới, muốn xuống thăm được thác Datanla là một công việc rất khó khăn, nguy hiểm. Du khách phải len lỏi qua nhiều bụi rậm

theo một con đường mòn khá trơn trượt, dốc thẳng đứng. Sau đó cổng thác được dời lên phía trên và giao cho Công ty Du lịch Lâm Đồng đầu tư tôn tạo thì bãi đậu xe rộng rãi, khang trang và một đường xuống thác mới được thiết kế và xây dựng như ngày nay, tạo điều kiện cho du khách xuống thăm thác dễ dàng. Vừa bước vào cổng thác du khách đã bắt gặp cả một rừng Mimosa hoa vàng, lá lấp lánh màu bạc óng ánh dưới nắng mai. Theo con đường được lát đá với những bậc tam cấp bằng xi măng dài độ 500m len lỏi dưới khu rừng thoáng đãng, du khách sẽ xuống được chân thác. Trên đường xuống thác du

khách cũng sẽ bắt gặp một vườn hoa nhỏ, thỉnh thoảng lại xuất hiện những mái nhà nhỏ lợp tranh, ẩn mình giữa rừng cây mát rượi. Dưới thác là chiếc cầu có tay vịn bắc ngang du khách có thể đi từ bên này sang bên kia mà không sợ trượt chân, sa xuống hố “tử thần” như trước nữa... Trong tiếng thông reo và tiếng chim hót líu lo, một dòng suối nước trong vắt chợt xuất hiện để rồi khi chảy đến ghềnh đá, nó đổ ào ào tung bọt trắng xoá, len lỏi qua những tảng đá lớn rồi mất hút vào rừng sâu.

Xung quanh thác có khá nhiều truyền thuyết. Bà con dân tộc thiểu số người K’ho ở địa phương kể rằng: Ngày xưa, nơi đây các nàng tiên nữ thường hay xuống tắm vì có dòng nước trong xanh, mát lành, ẩn mình dưới hố sâu, được che phủ bởi nhiều tầng cây lá nên khó thể nào nhìn thấy khi các nàng tiên nữ tắm bởi vì họ không biết rằng “dưới lá có nước”!. Do vậy, khi phát hiện ra dòng thác, bà con đã đặt tên cho nó là “Đạ tam n’nhà”, và theo tiếng K’ho nó có nghĩa là “Dưới lá có nước”. Về sau “Đạ tam n’nhà” thành Datania rồi Datanla!.

Lại có truyền thuyết kể: Vào thời Pôrômê, người Chăm từ Panduranga (Phan Rang) thường kéo lên tấn công người Lat, người Cill ở cao nguyên Lang Biang để chiếm đất và bắt người làm nô lệ. Hai bên đánh nhau dữ dội tại đèo P’renn. Trong những lúc tưởng chừng người Lat sắp thua vì thiếu “cái nước”, thì tình cờ người Lat phát hiện ra dòng thác và có nước uống nên họ đã chiến thắng và bảo vệ được buôn làng. Còn người Chăm thua vì khát nước, quân lính chết nhiều, nên đành phải rút lui. Từ đó bà con bộ tộc Lat đã đặt cho con thác cái tên “Đạ tam n’nhà” (dưới lá có nước) để nhắc nhở với con cháu sau này biết nơi đây “có cái nước uống”.

Cũng có truyền thuyết kể rằng: Thác Đatanla là nơi dũng sĩ Lang của bộ tộc Lat đã đánh thắng 2 con rắn tinh, 7 con chó sói để cứu Bian và lũ làng người Sré thoát nạn. Từ đó Bian đem lòng yêu thương Lang, mặc dù khác bộ tộc. Vào những đêm trăng sáng, hai người thường hẹn hò gặp nhau tại dòng thác này. Nhưng rồi, chỉ vì những luật tục khắt khe và sự thù hận vô cớ giữa hai bộ tộc Lat và Sré, họ đã quyết định tìm đến cái chết để phản đối.

Hôm
nay, đến
thăm thác
Đatan la, du
khách sẽ
được dịp
chứng kiến
tận mắt
những phiến
đá bằng
phẳng nơi có
dòng thác



trắng xoá mà ngày xưa các nàng tiên thường ra tắm; ngắm nhìn cảnh rừng núi hoang vu lắng nghe tiếng gió rít qua kẽ lá, tiếng thác đổ ào ào mà hồi tưởng về cuộc chiến đấu bảo vệ buôn làng vô cùng dũng cảm của bà con dân tộc bản địa thuở nào. Và, tại đây du khách cũng sẽ được dịp hồi tưởng lại những cuộc hẹn hò say đắm của chàng Lang và nàng Bian vào những đêm trăng sáng bên dòng thác thơ mộng này.

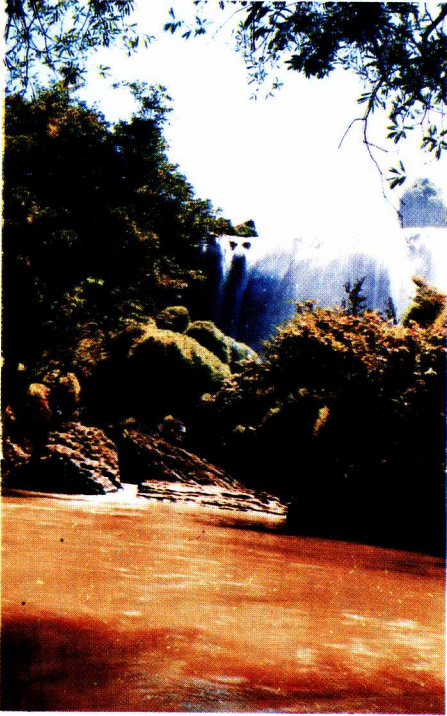
THÁC VOI

 Thác Voi cách thành phố Đà Lạt khoảng 24km về phía Tây Nam, thuộc thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, nhưng lại giáp với xã Tà Nung và những huyện thoại xung quanh thác lại gắn với lịch sử phát triển của thành phố cao nguyên này .

Như chúng ta đã biết, khác với các loài động vật khác, voi là một loài vật to lớn, bản chất hiền lành, thường sống theo bầy đàn và có tính tổ chức rất cao. Một đàn voi chỉ ít cũng có từ 5 - 7 con, đàn đông có đến cả chục con nhưng chỉ có 1 con voi đầu đàn là giữ vai trò chỉ huy. Voi sống có tình, có nghĩa khi một con trong đàn bị thương thì được cả bầy chăm sóc, che chở rất chu đáo. Khi một con chết đi, thì cả đàn bẻ cành cây, phủ cỏ đắp lên thành một cái mộ để chôn cất con voi xấu số. Sau đó cả bầy voi lại tập trung bên nắm mồ voi rất lâu với vẻ thương tiếc, sầu não rồi sau đó mới từ từ bỏ đi trong tiếng gầm rú vang động cả núi rừng.

Cho tới bây giờ vẫn chưa ai biết tên thác Voi có tự lúc nào và do ai đặt, chỉ biết rằng đây là một dòng thác đẹp lạ thường. Từ độ cao 30m, cả một mảng nước đổ ào ào, tung bọt suốt ngày đêm, khiến những tảng đá khổng lồ nằm bên dưới bị nước bào mòn đến độ tròn lẵn như tấm lưng của voi rừng. Xung quanh thác là những khu rừng nguyên sinh lá rộng với muôn loài chim hót líu lo. Thỉnh thoảng một vài chú sóc, chú chồn xuất hiện với cặp mắt lơ lảo tìm nước uống. Cạnh thác có khá nhiều tảng đá to tròn màu nâu đen xếp cạnh nhau phủ đầy rêu xanh như những nắm mồ voi. Vào những ngày đẹp

trời, qua làn nước, ta thường thấy ánh lấp lánh 7 sắc cầu vồng.



Những tảng đá dưới chân thác cùng tiếng thác đổ làm ta liên tưởng đến cả một đàn voi đang phủ phục, than khóc, như truyền thuyết về thác voi mà người dân quanh vùng thường kể.

Ngày xưa, thú rừng rất yêu mến Biang - người con gái hiền lành xinh đẹp của bộ tộc Sré. Khi hay tin Biang sắp “bắt chồng” là chàng Lang - một Tù trưởng đẹp trai và dũng cảm của bộ tộc Lat, cả đàn voi rừng

của vùng La Ngư Thượng mừng lắm, chúng hối hả kéo nhau về dự đám cưới. Ngờ đâu, khi đến địa điểm thác voi bây giờ thì nhận được hung tin: Nàng Biang và chàng Lang đã lìa đời. Đám cưới trở thành đám tang, khiến cả đàn voi gào thét suốt mấy ngày đêm rồi lăn ra chết và hoá đá ngay dưới chân thác.

Thương xót đàn voi, thần núi Lang Biang khóc hết ngày này sang ngày khác. Nước mắt thần chảy xuống hoà vào dòng suối để tắm mát, vỗ về cho đàn voi. Riêng 2 con voi lớn nhất đàn của vùng La Ngư Hạ được chàng Lang tha mạng

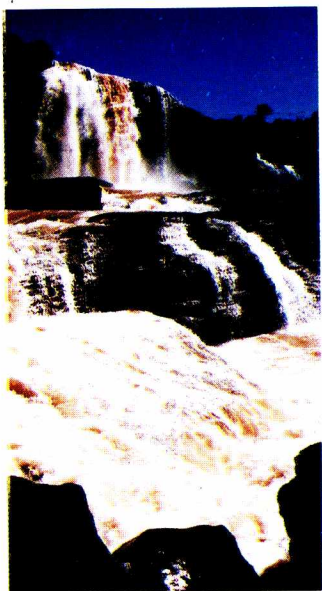
trước đây cũng về dự đám cưới, nhưng khi đến chân đèo P'renn hay tin ấy cũng ngã quỵ và hoá thành 2 ngọn núi trong tư thế phủ phục đầu hướng về đỉnh Lang Biang. Đó chính là rặng núi Voi (Vơ nơm Rơwas) bây giờ.

Ngày nay, nếu có dịp vào thác Voi và ghé thăm xã Tà Nung (cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 20Km) du khách sẽ bắt gặp những buôn làng người Lat, Cill, Sré và bà con người Kinh sống quay quần bên nhau cách thác Voi không xa lắm. Cái đói, cái nghèo đã từng bước được đẩy lùi; trường học, trạm y tế được xây dựng ngày một khang trang và nguồn nước sạch cũng đã được đưa về. Tính đến năm 2003, toàn thành phố có 2.217 người dân tộc bao gồm các tộc người Lat, Cill, Sré (là những nhánh người của tộc người K'ho). Xã Tà Nung - xã dân tộc duy nhất của Đà Lạt, có diện tích 55,91km², có trên 3.000 dân thì trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số đã chiếm đến 80%. Vào những ngày nắng đẹp, hay các dịp lễ tết, các cặp thanh niên nam nữ ở xã Tà Nung và Nam Ban thường đến thác Voi để tâm tình, ngắm cảnh. Thỉnh thoảng một số đoàn du khách cũng tìm đến nơi này để cắm trại, chiêm ngưỡng vẻ đẹp hoành tráng của thác Voi và ngắm cảnh hoang sơ hầu như còn nguyên vẹn của nơi này. Khi ra về ấn tượng khó quên còn đọng mãi trong lòng du khách là những tảng đá nâu đen khổng lồ thấp thoáng trong màn nước trắng xoá dưới chân con thác hùng vĩ như lưng voi và huyền thoại về một loài vật sống có tình, có nghĩa đã được bà con chọn đặt tên cho thác.

THÁC GOUGAH

 Trên quốc lộ 20, cách Đà Lạt chừng 37km rẽ về phía tay trái theo con đường quanh co, xinh xắn dài độ 200m, từ xa du khách đã có thể nghe thấy tiếng thác đổ ầm ào làm vang động núi rừng suốt ngày đêm, đó chính là thác Gougah.

Mới nghe qua tên thác du khách có thể lầm tưởng rằng do người Pháp đặt, nhưng không, chẳng qua người Pháp đã phiên âm lại theo tiếng dân tộc thiểu số địa phương!. Có lẽ do cái tên Gougah quá khó đọc nên thời gian qua bà con người Kinh tại đây còn đặt cho thác một cái tên nữa là... thác “Ổ Gà”!. Tuy nhiên, dù là Gougah hay “Ổ Gà” thì đây cũng là một con thác khá đẹp và nổi tiếng của Lâm Đồng. Từ trên cao, một cột nước khổng lồ đổ xuống ì ầm hoà lẫn với tiếng chim chóc, tiếng gió rít qua từng cành cây, kẽ



lá tạo nên một bản hợp xướng trầm hùng. Nếu đứng từ xa nhìn thác Gougah ta sẽ thấy dòng thác được phân đôi thành 2 nhánh theo chiều dọc. Một bên là dòng thác đậm màu đất đỏ chảy im lìm tựa hồ như lòng đỏ trứng gà. Còn một bên thì tung bọt nước trắng xóa bao phủ cả chân thác trông như lòng trắng một quả trứng.

Theo các truyền thuyết cổ của bà con dân tộc Nam Tây Nguyên thì Pongour và Gougah trước đây vốn là 2 “đất nước” (logar) của 2 tộc người. Từ Núi Chai đến Pongour thuộc về tộc dân Sré - Cill. Từ Núi Chai đến Gougah thuộc tộc dân Churu - Chăm do nữ Tù trưởng Ma Anh làm thủ lĩnh. Người Churu đa số vốn gốc Chăm lên Tây Nguyên từ các thế kỷ 15,16,17. Theo tiếng dân tộc K’ho Gougah có nghĩa là “Bờ sông giống cái củi lồng”. Theo giả sử của người Chăm thì Gougah vốn ngày xưa là nơi cất giấu kho tàng của hoàng hậu Nai Biút vốn là người Yuan (kinh) lấy vua Chăm. Sử Chăm có viết tương đối phong phú về vị hoàng hậu Chăm Pa gốc Việt này: Nàng được vua Chăm yêu thương hết mực, nhưng Nai Biút thường lấy bánh trắng để dưới chiếu nằm. Mỗi lần nàng lăn qua lăn lại, bánh trắng bể kêu “răng rắc”. Vua Chăm hỏi, hoàng hậu trả lời: “Thần thiếp bị bệnh, thân thể không được yên, nên xương kêu như thế!”. Vua lo lắng tìm cách chữa bệnh cho hoàng hậu. Một đại thần tâu: Xin vua cho xây một cung điện ngoài vương quốc Chăm Pa cho hoàng hậu dưỡng bệnh, hy vọng bệnh đau xương cốt của hoàng hậu sẽ khỏi. Nhà vua y cho. Thế là từ ấy hoàng hậu Nai Biút có điều kiện tiếp xúc và dạy cho bà con các dân tộc Nam Tây Nguyên nghề dệt vải, thêu thùa. Về sau khi hoàng hậu Nai Biút mất, một kho tàng vàng ngọc được nhân dân dâng hiến chôn theo để hoàng hậu dùng và vua Chăm đã cho chôn cất thi thể nàng nơi miền hoang dã ấy. Các tộc dân ngoài vương quốc Chăm Pa (người K’ho, Churu) rất quý trọng hoàng hậu Nai Biút nên tôn vinh bà là hoàng hậu của bộ tộc họ. Trong một dã sử khác của Chăm Pa, Nai Biút chính là Huyền Trân công chúa. Sau khi Chế Mân (vua Chăm) mất, Huyền Trân được đưa về Đại



Việt. Nhưng không lâu sau vua Chiêm Thành đã sai người ra Thăng Long xin rước nàng trở lại Chăm Pa và vẫn tôn xưng làm hoàng hậu. Nhưng Huyền Trân (tức Nai Biút) không muốn ở trên đất Chăm, nên đã đề nghị triều đình chọn một vùng non nước không thuộc Chiêm Thành cũng không thuộc Đại Việt để nàng sinh sống đến cuối đời, và Gougah của Nam Tây Nguyên là miền đất được chọn.

Ngày nay, thác Gougah vẫn còn mang tính hoang dã, mơ màng. Đến đây du khách có dịp nhớ lại một thời xa xưa nhiều huyền thoại của các dân tộc K'ho, Churu, Chăm, Kinh. Xa xa về phía quốc lộ 20, ngọn núi Chai vẫn đứng yên lặng, cô đơn giữa cánh đồng Xóm Chung, Phú Hội. Rải rác đó đây vài bon của đồng bào K'ho, Churu, Kinh sống bên nhau. Trong bối cảnh ấy ta có cảm giác như ngọn núi Chai đã ngăn cách Pongour và Gougah ra làm hai, và dường như đây là chứng nhân của bao đổi thay trong lịch sử của các dân tộc Lâm Đồng. Trong một lần lên Đà Lạt, ghé qua thăm thác Gougah, trước cảnh tượng nên thơ nói trên, thi sĩ Xuân Diệu đã xúc động viết:

*“Đổ ào ào, đổ Gu Ga
Sông Đa Nhim tới đã oà thành bông
Thành tơ trắng xoá một vùng
Bạc vàng tuôn xuống vô cùng thời gian...”*

THÁC PONGOUR



Thác Pongour cách thành phố Đà Lạt 50km về phía Nam và cách Thị trấn Liên Nghĩa huyện Đức Trọng chừng 20km.

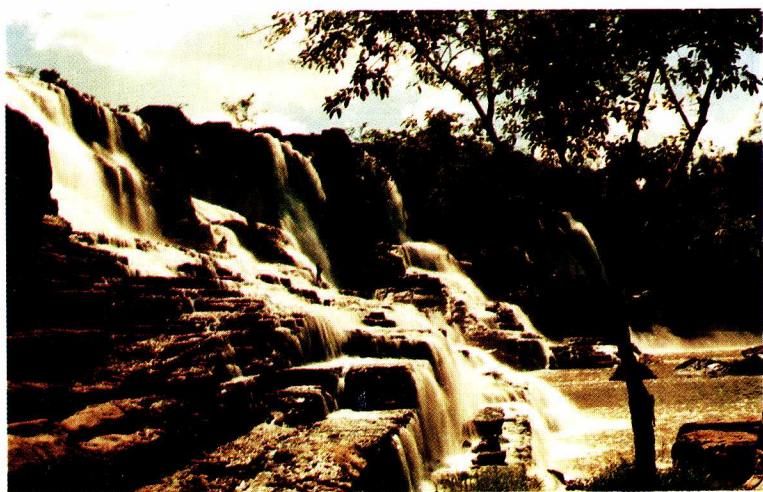
Thác Pongour còn có tên gọi khác là thác Bảy tầng hay thác Thiên thai nhưng tên Pongour vẫn phổ thông hơn cả. Pongour xuất phát từ ngôn ngữ K'ho - pon: bốn; gour: sừng - có nghĩa là bốn sừng tê giác. Giả thuyết này lấy từ một truyện cổ trong kho tàng truyện cổ của các dân tộc thiểu số bản địa. Truyện kể về một người tù trưởng dân tộc K'ho - Nàng KaNai xinh đẹp...Sau khi đánh thắng quân Chăm lên xâm chiếm, nàng đã cùng bốn con tê giác ngày đêm ủi núi, san đồi lập nên một vương quốc thủy chung, hùng mạnh cho dân tộc mình. Thác Pongour tương truyền là dấu sừng của bốn con tê giác của nàng KaNai để lại.

Cao gần 40m, hai bên là vách đá thẳng vút, bề mặt thác trải rộng hơn 100m, thác Pongour đa dạng về dòng chảy, bởi nó phải chảy qua nhiều tầng ở độ cao khác nhau. Nơi dồn dập tuôn đổ, nơi hiền hòa tràn qua các bậc đá thoải thoải, về mùa mưa, nước đổ xiết, trượt qua các tầng đá, tung bụi nước toả thành một làn sương mỏng, trông xa thác nước giống như chiếc áo choàng của nàng tiên nữ bỏ quên giữa chốn thiên thai.

Cảnh thác Pongour trông thật quyến rũ, nhiều người vẫn truyền tụng rằng: Ngày xưa dòng nước buông mình trên những phiến đá biết rung động tạo nên những âm thanh huyền diệu như ru hồn khách lãng du. Nhưng giờ đây điệu nhạc thần

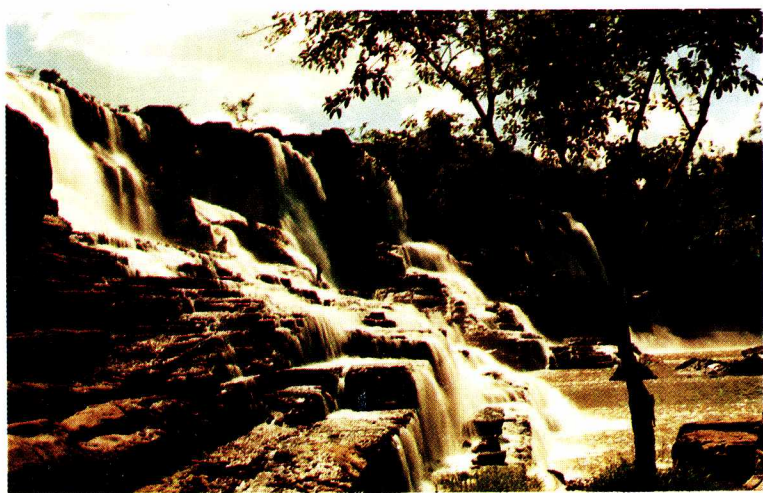
tiên ấy không còn nữa, mà về mùa mưa người ta chỉ còn nghe Pongour gầm thét vang xa hàng 2 - 3 cây số. Phong cảnh chung quanh thác thật hoang dã. Vào khoảng tháng 11 - 12 thác nước gần như ngập chìm trong màu sắc rực rỡ của hoa cỏ núi rừng, đặc biệt là màu vàng rực rỡ của hoa Quỳ.

Thác Pongour là ngọn thác nổi tiếng bởi vẻ đẹp mơ màng, hùng vĩ nhất của Nam Tây Nguyên.



tiên ấy không còn nữa, mà về mùa mưa người ta chỉ còn nghe Pongour gầm thét vang xa hàng 2 - 3 cây số. Phong cảnh chung quanh thác thật hoang dã. Vào khoảng tháng 11 - 12 thác nước gần như ngập chìm trong màu sắc rực rỡ của hoa cỏ núi rừng, đặc biệt là màu vàng rực rỡ của hoa Quỳ.

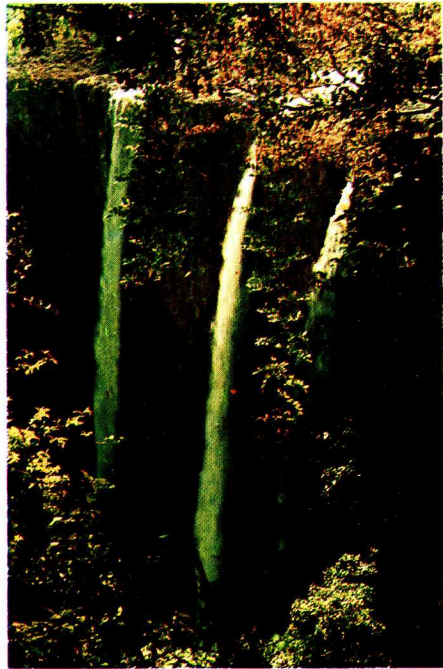
Thác Pongour là ngọn thác nổi tiếng bởi vẻ đẹp mơ màng, hùng vĩ nhất của Nam Tây Nguyên.



THÁC JRÁIBLIAN (BẢO ĐẠI) VÀ TRUYỀN THUYẾT NGƯỜI HÓA CÁ SẤU

 n mình giữa núi rừng Tà In thanh vắng là một thác nước cao hùng vĩ. Thác có một vẻ đẹp vừa huyền bí vừa mơ màng. Ai đã một lần đi qua chắc khó quên những ấn tượng về dòng thác cũng như vẻ đẹp hoang dã của nó giữa núi rừng hùng vĩ.

Từ vách đá cao chừng 30m, một dòng nước lớn chia làm ba nhánh đổ thẳng xuống lòng suối sâu; những tia nước đuổi nhau, phóng nhanh như tên bắn, bụi nước bốc mù mịt cả một vùng thật là huyền ảo. Ở xa chừng hai, ba cây số ta cũng đã nghe thấy tiếng thác nước réo vang dội cả một vùng rừng rộng lớn, trải dưới chân thác là một bãi đá dài và rộng, có nhiều tảng đá lớn là nơi dừng chân lý tưởng cho du khách. Tương truyền thì đó chính là xác của các loài cầm thú, chim muông và có cả con người bị chết hóa đá khi



tụ tập ở đây để nghe âm thanh huyền diệu phát ra từ lưỡi con cá sấu.

Tương phản với sự mạnh mẽ của dòng thác, cảnh vật ven bờ rất nên thơ. Bên phải thác, trên vách đá cheo leo một cây si già buông những cánh tay dài xuống thác như thể đang đùa vui với dòng nước. Rồi những cành cây, dây leo mềm mại bò trên vách lá. Đây đó, thỉnh thoảng xuất hiện những chùm phong lan trắng muốt từ các cành cây rũ xuống điểm trang.

Bên trái thác, men theo con đường mòn nhỏ ta sẽ gặp một hang đá có vách dựng gần như giao thông hào đi sâu vào lòng thác gợi cho khách lòng ham muốn khám phá.

Jráiblian - đó là cái tên quen thuộc mà đồng bào Churu trong vùng vẫn thường gọi dòng thác hùng vĩ này. Jráiblian có nghĩa là thác đá cao. Nhưng về sau thác còn có tên là thác Bảo Đại. Vào khoảng năm 1938, khi Bảo Đại cùng một số người Pháp đến vùng Tà In săn bắn và phát hiện nơi đây có vàng sa khoáng, nên đã cho chặn nước xây đập tràn phía trên thác để khai thác vàng, đồng thời biến khu vực này thành nơi nghỉ chân trong những lần đi săn bắn.

Ngày nay, đồng bào Churu trong vùng vẫn còn lưu truyền một truyền thuyết lý giải về sự xuất hiện của thác Jráiblian.

Chuyện kể rằng: Ngày xưa ở vùng Ktun có hai cậu cháu, người cậu tên là Zuwar, người cháu là Stak. Hai cậu cháu thường rủ nhau đi bắt cá. Một hôm họ ra suối suốt cả ngày mà vẫn không bắt được một con cá nào. Chiều đến, đói rã cả người mà hai cậu cháu vẫn chưa tìm được gì để lót dạ. Và khi hoàng hôn bắt đầu buông xuống thì hai người cùng

nhìn thấy một quả trứng lớn nằm trong hốc đá. Cậu Zuwar định lượm nhưng Stak ngăn không cho; một lát sau Stak cũng muốn lượm nhưng Zuwar lại can ngăn vì sợ... Hai người giằng co nhau mãi và đến cuối cùng thì họ quyết mang luộc. Khi trứng được luộc chín, hai cậu cháu lại giành nhau về chuyện ăn thử. Zuwar thì nói rằng mình già rồi, có chết cũng không sao nên đòi ăn trước. Stak cũng không chịu, sợ cậu chết nên cố đòi ăn trước. Cuối cùng cháu Stak ăn được trước. Ăn xong, thấy ngứa hết cả mình mẩy, bèn nhờ cậu gãi giùm nhưng vẫn không hết. Càng gãi càng ngứa, hoảng quá Stak nhảy xuống suối ngâm mình trong nước. Một lúc sau người lớn bằng con bê và đến sáng đã lớn bằng con trâu. Zuwar buồn quá đành để cháu nằm lại chạy về báo với người trong nhà. Khi mọi người trong gia đình chạy ra thì Stak vẫn sống mà một phần chân tay đã có vẩy như cá sấu, phần dưới mọc một cái đuôi dài. Stak ngẩng đầu lên nói với cha mẹ rằng: mình sẽ không sống làm gì nữa khi đã biến thành cá sấu; nên xin cha mẹ trước khi chết được ăn đủ trâu, bò, gà, vịt mỗi thứ 7 con. Người nhà liền làm theo. Nhưng Stak vẫn không chết, mà lúc này người đã lớn bằng cái nhà dài. Trong họ hàng nhà Stak bắt đầu có sự bàn cãi, giằng co nhau, có nên để cho nó sống nữa hay không. Cuối cùng họ cắt một miếng mỡ sắt nung đỏ và mang tới nói dối là miếng thịt đỏ rồi ném cho Stak, lúc này đã là một con cá sấu khổng lồ. Nuốt xong, nó nằm vệt ngứa ra chết, xác nằm chắn ngang giữa suối. Lưỡi nó thè ra, nước tràn qua lưỡi tạo nên âm thanh hay hơn cả tiếng đàn. Hay đến mức trứng gà trong tổ cũng lăn tới bên bờ suối để nghe. Tất cả các loài muông thú và dân trong vùng đều bị mê hoặc bởi âm

thanh kì lạ đó, bỏ cả công ăn việc làm tới nghe đến nỗi phải chết đói.

Vua Chăm liền sai 100 người buộc dây kéo cái lưới ra. Nhưng kì lạ thay, cái lưới cứ dài ra rồi lại co rút lại làm cho cả đoàn người lẫn tằm xuống vực sâu mà chết. Thương hại con người, “Giàng” liền sai một con chim đen xuống mách bảo: phải lấy da ông già làm dây mới kéo được. Mừng quá, vua Chăm liền sai người rao tìm người già tình nguyện chết để cứu dân làng. Vừa lúc đó có một cụ già chống gậy tới xem, biết chuyện ông liền đến trước vua Chăm xin được chết. Vua Chăm mừng rỡ sai người mổ trâu bò làm tiệc thiết đãi ông già, sau đó mổ lấy da bện làm dây thừng để kéo. Quả nhiên cái lưới bị gãy văng ra khắp nơi, dính vào cả cây lồ ô, cây tre bên cạnh. Nhưng cái lưới vẫn còn ba phần lớn. Một phần thành thác Jráiblian, một phần văng tới vùng Tu Tra (thuộc huyện Đơn Dương bây giờ) và một phần ở Ma bố thành suối. Cũng vì vậy mà ngày nay tre và lồ ô là những loại cây có khả năng phát ra âm thanh nên được sử dụng làm các loại nhạc cụ.

Jráiblian hay thác Bảo Đại là một trong những thắng cảnh còn giữ được nhiều vẻ đẹp hoang dã của Lâm Đồng và là nơi hứa hẹn một tiềm năng du lịch đầy triển vọng.

THÁC HANG CỌP

Tại trung tâm thành phố, theo đường Trần Hưng Đạo qua đường Hùng Vương về hướng Trại Mát (xã Xuân Thọ) khoảng 12m rồi rẽ trái vào thôn Túy Sơn và men theo con đường đất dài độ 3 cây số, du khách sẽ bất ngờ bắt gặp một con thác ẩn mình giữa rừng thông xanh ngắt, chập chùng. Đó chính là thác Hang Cọp.

Đặt chân đến thác nhiều du khách không khỏi sửng sốt trước cảnh thiên nhiên hoang dã, thơ mộng hầu như còn nguyên vẹn của nơi này. Xung quanh

thác là những khu rừng đặc chủng và rừng hỗn giao rất thích hợp cho các chuyến du lịch dã ngoại. Thác được chia làm 3 tầng. Tầng đầu tiên có một cái hang khá lớn, tương truyền đây chính là nơi trú ngụ của “Chúa sơn lâm”. Tầng thứ 3 của thác là nơi đẹp nhất, có dòng nước mát tinh khiết đổ từ trên cao xuống uốn lượn, len lỏi qua nhiều bậc đá nhỏ với nhiều



hình dáng độc đáo rồi mất hút vào rừng sâu. Từ tầng 1, khách xuống thác bằng 120 bậc đá, khi lên có thể vượt lên theo vách đá hai bên thác.

Thác Hang Cọp tuy đẹp nhưng cả một thời gian dài không mấy ai quan tâm, có lẽ vì đường sá đi lại không mấy thuận tiện và chưa nổi tiếng như những con thác khác. Những năm gần đây, khi du lịch leo núi, dã ngoại trở thành “mốt” thì người ta mới bắt đầu nghĩ đến nó nhằm tìm cảm giác mới lạ và cái thú mạo hiểm. Để tạo thêm sản phẩm du lịch cho Đà Lạt, thời gian qua chính quyền địa phương đã cho phép doanh nghiệp tư nhân Hoàng Tâm đầu tư 2,5 tỉ đồng nhằm tôn tạo thắng cảnh khu vực quanh thác, làm đường, bãi đậu xe, trạm dừng chân, và cả nhà sàn cho khách du lịch có nhu cầu nghỉ lại qua đêm. Vào những ngày đẹp trời, chủ nhật hoặc dịp lễ tết nhiều đoàn nam nữ thanh niên và du khách thường kéo về đây tổ chức vui chơi.

Tương truyền thác Hang Cọp là tên do Cựu hoàng Bảo Đại đặt nhằm kỷ niệm cho một chuyến đi săn trong những năm tháng ông còn ngự ở “Hoàng triều cương thổ” (Đà Lạt). Chính Bảo Đại đã bắn hạ một con cọp ba chân tại vùng này (!?). Tuy nhiên, theo nhiều cụ già cao niên từng sống ở xã Xuân Thọ từ những năm 1950 thì cái tên thác Hang Cọp là do nhân dân địa phương tự đặt chứ chẳng có ông vua bà chúa nào đặt cho cả!. Xưa kia, nơi đây vốn là một vùng đất hoang dã, thưa thớt bóng người nhất của Đà Lạt, nên có nhiều cọp, beo. Đêm đêm tiếng gầm rú của chúng làm vang động cả núi rừng. Tại khu vực thác có một “Ông Ba mươi” (cọp) chỉ có 3 chân rất hung dữ chiếm cứ con thác làm giang sơn riêng và trú ngụ trong một cái hang ở tầng thứ nhất. “Ông Ba mươi” này

thường xuyên ăn thịt các loài thú rừng trong khu vực thác; thậm chí có hôm còn mò vào tận trong lòng “xoi” cả trâu, bò và người, nên bà con rất khiếp sợ và đặt tên cho nơi này là thác Hang Cọp để con cháu lưu ý mà tránh xa nơi này!. Cả một thời gian dài không một ai dám bén mảng đến đây, và “Ông Ba mươi” nói trên mặc sức hoành hành mà không một tay súng thiện xạ nào “hỏi thăm” được “sức khỏe” của “ông”, vì theo các xạ thủ “ông” có biệt tài đánh hơi và...“né đạn” rất giỏi!. Mãi đến một ngày cuối năm 1960, bà con ở Xuân Thọ mới bàn nhau đặt bẫy trên con đường dẫn từ đầu thác xuống khu vực dân cư. Vào một đêm tối trời, “Ông Ba mươi” nói trên ung dung xuống làng và đã bị sa bẫy. Từ đó nhân dân địa phương mới thở phào nhẹ nhõm.

Hôm nay nếu có dịp trở lại thăm thác Hang Cọp trong tiếng thác gầm réo suốt ngày đêm, cảnh sơn lâm u tịch và tiếng gió rừng xào xạc, du khách không thể nào quên những vần thơ của thi sĩ Thế Lữ ngày nào:

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới”.*

ĐÁNH THỨC SƠN NỮ BOBLA

Trong làng du lịch Lâm Đồng, Bobla được xem như một sơn nữ còn tỉnh khô vừa mới được đánh thức. Dân du lịch ví Bobla như cái gạch nối giữa du lịch Đà Lạt với các tỉnh miền Trung và Tp. HCM.

Nguồn thác lý tưởng cho việc kinh doanh du lịch có tên gọi là Bobla này đã được phát hiện khá lâu nhưng mãi đến vài năm gần đây nó mới được ngành du lịch Lâm Đồng đưa vào khai thác. Và, bắt đầu từ năm 2000, du khách ở các nơi bắt đầu nghe nhắc đến “người đẹp ngủ trong rừng” Bobla của ngành du lịch Lâm Đồng.

Thác Bobla nằm cách Đà Lạt khoảng 90km trên đường đi về Tp. HCM. Nếu mai nay, con đường Phan Thiết (Bình Thuận) - Di Linh (Lâm Đồng) được khôi phục thì du khách từ Mũi Né có thể dễ dàng đi qua vùng Sơn Diền - Gia Bắc (căn cứ địa cách mạng của hai tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng) thăm thú rừng núi và ghé lại Bobla trước khi tiếp tục cuộc hành trình lên Đà Lạt. Thác Bobla nằm ở xã Liên Đầm, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; cách trung tâm thị trấn Di Linh (thuộc huyện Di Linh) khoảng 6km. Với quyết tâm đầu tư tôn tạo nơi đây thành nơi tham quan dành cho du khách của Công ty Dịch vụ du lịch Đà Lạt, lần đầu tiên huyện Di Linh



có được một khu du lịch khác hấp dẫn và lý tưởng. Mùa xuân năm 2000, mặc dầu chưa làm lễ khai trương chính thức nhưng Công ty Dịch vụ du lịch Đà Lạt đã quyết định “mở cửa” thác Bobla để đón khách. Và kết quả là số lượng du khách đến tham quan ngay trong mùa tết đầu tiên này đã vượt ngoài dự kiến. Lúc đó, Giám đốc Khu du lịch Bobla Nguyễn Chí Hùng đã nói: “Việc khách tìm đến vượt ngoài dự kiến ngay trong những ngày mở cửa đầu tiên là một tín hiệu đáng mừng. Cũng có thể là vì bước đầu họ tò mò. Nhưng phương châm của chúng tôi là phải biết làm như thế nào để níu chân du khách chứ không vì sự tò mò ấy”.

Bobla là một ngọn thác cao khoảng 50m, rộng chừng 12m. Chỉ cần dừng chân phía bên ngoài đường lộ từ T. HCM lên hoặc từ Đà Lạt xuống, du khách dễ dàng nghe tiếng thác nước âm ào tuôn đổ. Bách bộ khoảng vài trăm mét, bạn sẽ nhìn thấy những bọt nước trắng xóa dưới nắng trời làm nên những sắc cầu vồng huyền ảo. Quả thực là tạo hóa đã rất công bằng và hào phóng: Nếu Đà Lạt có thác P'renn huyền ảo, Bảo Lộc có thác Đạm Bri mơ màng thì Di Linh cũng có một Bobla thơ mộng và hoang dã. Tuy nhiên, không thể dựa hoàn toàn vào sự hào phóng ấy của tự nhiên để kinh doanh du lịch mà ngay từ năm đầu tiên (2000), Công ty Dịch vụ du lịch Đà Lạt đã đầu tư vào đây khoảng 700 triệu đồng để xây dựng nhà hàng, bãi đậu xe, vườn hoa cây cảnh, làm đường lên xuống thác, làm nhà nghỉ chân cho du khách... Không dừng lại ở đó, cơ quan hữu trách cũng đã lập một dự án khá quy mô về khu du lịch này trình lên UBND tỉnh phê duyệt. Thực hiện theo chủ trương chung, UBND tỉnh Lâm Đồng giao cho khu du lịch Bobla 32ha rừng quanh khu vực để vừa quản lý bảo vệ và

vừa kinh doanh du lịch. Nhìn bao quát: Nỗi lo hiện hữu của du khách là có không ít diện tích rừng quanh thác đã biến thành rẫy, thành vườn của người dân. Chỉ mới ở khu vực chân thác thôi mà hồi năm 2001, ngành du lịch Lâm Đồng đã phải tốn khá nhiều tiền để đền bù cho dân khi buộc phải giải toả 2ha cà phê. Làm thế nào để đưa Bobla trở về với nét hoang dã của một nàng sơn nữ với những khu rừng già hoang vu là việc làm rất cần thiết của ngành du lịch nói chung và Công ty Dịch vụ du lịch Đà Lạt nói riêng. Từ khi đưa vào khai thác, hằng năm, Khu du lịch Bobla trung bình tiến hành gieo ươm 5.000 cây rừng giống các loại để trồng trên diện tích đất vừa được giải toả. Việc làm đó là “vừa mở cửa đón khách, vừa đầu tư tôn tạo, trong đó đặc biệt chú trọng đến vấn đề cảnh quan thiên nhiên”. Như vậy, tạo môi trường tự nhiên cho khu du lịch này là việc cần phải làm khi ngành du lịch Lâm Đồng quyết định đánh thức nàng sơn nữ Bobla.

Bobla viết theo tiếng K’ho là Pô Pla, có nghĩa là “đầu ngà voi”. Nếu người dân Đà Lạt tự hào về thác Cam Ly với mối tình dang dở của một cặp tình nhân, người Blao (Bảo Lộc) không mấy ai không biết đến ngọn thác Đam Bri ngày đêm tung bọt trắng xóa như xốt xa cho đôi trai gái người Mạ thủy chung nhưng vĩnh viễn bị chia lìa bởi những hủ tục, thì người K’ho Di Linh luôn tự hào về những chiến công của ông cha họ trước nạn ngoại xâm gắn liền với tên tuổi của chàng dũng sỹ Liang Dăm và ngọn thác Bobla tuyệt đẹp này. Chuyện xưa kể rằng: Ngày trước, xứ sở của người K’ho Di Linh bị quân Chăm chiếm đóng. Người K’ho lúc bấy giờ phải cống nạp thường xuyên những sản vật quý giá cho vua Chăm thì dân chúng mới được bình yên. Những cống vật ấy thường

là ngựa voi, sừng tê giác... Hôm nọ, một tộc trưởng của người K'ho Di Linh săn được một con voi có cặp ngà rất lớn, lớn đến nỗi con ngựa chiến của binh sỹ Chàm nhảy không qua khỏi. Người tộc trưởng đem cặp ngà voi dâng lên vua Chàm với lời thỉnh cầu là hãy để cho dân làng K'ho bình yên. Vua Chàm nhận cặp ngà voi với lời hứa chấp thuận lời đề nghị và đặt tên cho dòng thác nơi tộc trưởng K'ho săn được cặp ngà voi đó là Pố Pla (pố: đầu, pla: ngà voi). Tuy nhiên chẳng bao lâu sau, lời hứa ấy đã không được thực hiện. Quân lính Chàm vẫn tiến đánh người K'ho. Trong lần tiến quân ấy, binh sỹ Chàm vấp phải một sức mạnh phi thường của một kòn doi (thằng mồ côi) tên là Liang Dăm. Liang Dăm không biết từ đâu đến và đã làm thuê làm mướn cho người K'ho Di Linh từ nhiều năm qua. Khi quân Chàm “đông như kiến cỏ và trắng toát” (họ đều mặc áo quần và đội mũ màu trắng) tiến đến những buôn làng như Seuk Kơră, Seuk Kala, Liang Jrăk... thì dân làng K'ho hoảng sợ chạy tán loạn. Chỉ có mình kòn doi Liang Dăm là không hề nao núng. Anh tiến đến một gốc cây trám bên dòng thác và bẻ một cành trám hướng về phía quân Chàm. Lạ thay, khi cành cây hướng tới đâu thì quân Chàm **hoảng loạn** tới đó. Nhân cơ hội ấy, một người đàn ông K'ho của bản làng tên là Lăng Lèr nhặt lấy một thanh gươm trên **nương** và cùng với dân làng giết giặc. Giặc tan, Lăng Lèr tập **hợp dân** làng đến tạ ơn kòn doi Liang Dăm. Nhưng, “thằng **mồ côi**” Liang Dăm đã lặng lẽ đi về phía ngọn thác và tan **biến vào** trong đó tự lúc nào chẳng ai thấy rõ. Ngọn thác ấy **ngày nay** gọi là thác Bobla và bên thác Bobla là cây trám cổ thụ **hiện vẫn còn tươi tốt!**

THÁC ĐAM BRI, NƯỚC ĐỔ LŨNG TRỜI



Từ thành phố Hồ Chí Minh đi Đà Lạt, Lâm Đồng, đến ngã 3 Dầu Dây (Đồng Nai), theo quốc lộ 20, vượt chặng đường gần 180 km, qua đèo chuối quanh co, uốn khúc tới thị xã Bảo Lộc, nơi dừng chân những cung đường, du khách nhớ ghé vào thăm thác Đam Bri cách thị xã 17km về hướng tây bắc. Xe bon bon trên con đường nhựa phẳng lì mới mở, chạy ngoằn ngoèo, bập bênh, lên cao, xuống thấp

giữa những đồi chè, cà phê, dâu tằm xanh mướt, bạt ngàn. Mới dừng chân trước cổng khu du lịch, đã nghe thác Đam Bri rầm rì vọng tới, mời gọi.

Dòng sông Đồng Nai khúc thượng nguồn lững lờ trôi xuôi giữa rừng già, đến Đam Bri, bỗng vụt buông mình lao xuống từ độ cao 57m như một dải lụa, lan tỏa như khói sương, tạo nên vẻ đẹp rực rỡ huyền ảo, hùng vĩ làm say lòng khách thập phương. Theo truyền thuyết: Đam Bri, tiếng K'ho có nghĩa là “đợi chờ”. Đợi chờ tình yêu lứa đôi, đất trời hòa quyện làm một và dòng thác vương vấn, quấn quít với rừng xanh.

Vào thăm thác, du khách đứng trên cây cầu bắc ngang, mắt dõi theo dòng nước lúc trong vắt, lúc nặng phù sa đất đỏ, ào ạt đổ xuống vực sâu thăm thẳm. Hoặc thả bộ theo sườn dốc gập ghềnh, lần theo nghìn bậc, có tay vịn chắc chắn, xuống tận chân thác, ngược nhìn dòng nước đổ xuống đang sôi réo bên mình, say sưa ngắm nhìn bảy sắc cầu vồng ẩn hiện trong bụi nước, căng ngực hít thở không khí mát lành khiến tâm hồn sảng khoái, lâng lâng. Ba tháng cuối năm, khí hậu cao nguyên trong lành, về bên thác Đam Bri lắng nghe nước đổ giữa rừng già, cùng bạn bè ngồi nhâm nhi ly cà phê nóng thơm lừng hay tách trà ướp hoa nhài bốc khói, bao mệt nhọc, lo toan sao những ngày lao động, học tập vất vả tan biến đi.

Đường vào khu trung tâm đi qua một cây cầu xi măng nhiều bậc dài hơn 20m bắc qua suối gần đỉnh thác, đứng trên cầu nhìn xuống dòng nước xối xả từ đỉnh thác chảy xuống. Khách muốn xuống chân thác thì đi bằng 2 đường: Nếu xuống bằng thang máy thì chỉ vài chục giây, còn đường đi bộ từ bên trái thác theo sườn núi xuống dần bằng hàng trăm bậc thang. Gần xuống đến chân thác, những làn khí nước man mát từ thác tung ra như sương mù lấm tấm lướt qua mặt. Hai bên là những phiến đá nhẵn nhụi tạo thành những bàn ngồi thoải mái có thể ngồi nghỉ ngơi ngắm nhìn thác chảy, phía ngoài có thêm cây cầu chữ y bằng xi măng bắc qua... Đứng trên cầu nhìn rõ từ chân thác lên đỉnh những khối nước đổ xuống chia ra nhiều dòng theo những vết mòn của đá từ ngàn đời nay, ngày nắng đẹp khoảng 9 - 10 giờ ngồi dưới nhìn lên khi ánh sáng chiếu qua những hạt nước bắn lên tạo thành cây cầu vồng ánh sáng đủ màu lung linh lung chừng thác... Do những đặc điểm tự nhiên hiếm thấy của thác nên những năm trước

1975 nơi đây còn là một trong những điểm hẹn qua lại của lực lượng vũ trang địa phương trong đường hành lang liên lạc căn cứ Tây Nam Lâm Đồng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước... Theo lối mòn ven suối đi về phía thượng lưu muốn trở lên bên kia khách phải đi qua cây cầu dây leo của đồng bào dân tộc địa phương vẫn dùng bằng vật liệu chủ yếu là song mây, cây giang, lồ ô... bện lại. Gần đó là đập tràn nối với một đường vào buôn dân tộc người Mạ.

Những năm qua, Cty du lịch Đam Bri đã đầu tư hàng chục tỷ đồng, biến khu vực gần 400ha rừng nhiệt đới nguyên sinh này thành nơi du lịch sinh thái, thu hút ngày càng đông khách tới thăm. Năm 2001, Cty đón hơn 150 nghìn lượt người, năm 2002 tăng lên 250 nghìn lượt khách. Nhiều công trình như: nhà nghỉ (12 phòng đạt chuẩn 2 sao), nhà ăn, lều lá, sân chơi, khu cắm trại, giải trí... mọc lên. Cty vừa đầu tư hơn 1 tỷ đồng xây dựng thang máy cao 40m ngay lưng chừng thác để du khách tha hồ chụp ảnh, quay phim. Nhiều loại hình vui chơi đang chờ bạn. Ai muốn phiêu lưu, xin mời cưỡi voi, cưỡi ngựa dạo quanh một vòng. Ai mê bắn cung, xin mời thử sức. Muốn xuống nước, đã có xe quay. Muốn câu cá, đi chừng 3km là tới buôn Đăng Đưng, nơi có hơn 100 hộ đồng bào dân tộc Mạ sinh sống, lúc nào cũng nồng nhiệt đón bạn, mời ở lại chung vui. Giữa rừng sâu mênh mang, đêm về, đốt lửa trại, nhảy múa hát ca theo nhịp trống chiêng bập bùng vang vọng núi rừng, ngây ngất với rượu cần, ẩm lòng ngô non luộc, nướng. Cứ vậy, mãi vui đến lúc lửa tàn sao lặn, phía Đông trời đã ứng hồng lúc nào không hay. Thác ĐamBri là một trong những quần thể du lịch nổi tiếng và hấp dẫn của Lâm Đồng đang chuyển mình, ngày một đẹp và quyến rũ du khách hơn.

ĐÀN TRỜI LIÊNG KHÀNG

Những cột nước từ trên cao rơi xuống va vào vách đá tạo nên những âm thanh bồng trồm huyền ảo. Bọt nước trắng xóa lấp lánh dưới nắng trời trong veo tạo thành bức tranh thủy mặc tự có của thiên nhiên. Những đám mây trên trời cao cũng đang sà xuống thật gần như để nghe cho rõ hơn tiếng “đàn trời” phát ra từ dòng thác, từ vách đá gập ghềnh tung bọt trắng. Nơi có tiếng đàn trời ấy là Liêng Khang, một thác nước kỳ thú nằm trên địa bàn huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

ười đèo
P'renn -
cửa ngõ
thành phố Đà Lạt -
chừng khoảng 30km trên
quốc lộ 20 hướng đi về



Sài Gòn, qua khỏi ngã ba Liên Khương, du khách dễ dàng nhận ra dòng suối quanh năm cạn nước nằm ở phía trái. Khi qua khỏi ngã ba Liên Khương khoảng chưa đến mười cây số, du khách nếu để ý thì không quá khó khăn để nhận ra những âm thanh bồng trồm phát ra từ dòng thác nằm ngay bên con đường nhựa, cạnh sân bay Liên Khương. Đó là thác Liên Khương với tên gọi chính xác theo tiếng K'ho là Liêng Khang

Theo tiếng K'ho, “Liêng” là “thác nước”, còn “Khang” là tên riêng của một nhân vật trong huyền thoại. Ngày nay, người K'ho trong vùng vẫn gọi thác nước “đàn trời” này là Liêng Khang. Nhưng, người Việt và trong hầu hết

các văn bản hành chính đều nói và viết thành Liên Khương. Tên gọi này của “thác đàn trời” còn được gọi chung cho cả ngã ba Liên Khương, sân bay Liên Khương...ở gần đó. Điều này xem ra không còn là trường hợp cá biệt bởi rất nhiều địa danh tiếng dân tộc thiểu số bản địa Lâm Đồng ngày nay đã bị gọi chệch và viết lệch như thế. Điều này đối với người thiểu số càng không quan trọng bởi Liêng Khang có được đọc và viết như thế nào đi chăng nữa thì nó vẫn là chiếc “đàn trời” của một tù trưởng tài ba vốn là chàng mồ côi tên là Khang.

Chuyện xưa kể rằng: Ngày ấy, các tộc người bản địa K’ho, Cill, Ma, Lạch trên hai cao nguyên Djiring và Lâm Viên chung sống trong hòa bình cùng với muông thú và cỏ cây. Bỗng một ngày nọ đất trời nổi cơn thịnh nộ làm cho những dòng sông cạn nước, những cánh rừng chết khát, muông thú không còn chỗ trú chân. Các tộc người ở đây lâm vào cảnh đói khát triền miên. Lại nữa, từ hướng biển, đội quân áo trắng tiến lên phía núi tìm ngà voi và săn sừng tê giác nên người K’ho, người Lạch... vốn đã đói khổ nay càng thêm đói khổ. Ở buôn làng nọ, một ngày kia bỗng xuất hiện một thằng bé có tên gọi là Khang lân la hết cửa nhà này sang cửa nhà khác xin ở đợ để kiếm miếng cơm. Nhưng, người ở khắp các làng trên buôn dưới cũng đang khốn đói vì miếng cơm manh áo nên đâu có thương tình nhưng chẳng có ai đủ điều kiện để nhận giúp đỡ đứa bé mồ côi tội nghiệp tên là Khang ấy. Thằng mồ côi Khang lang thang khắp nơi trong đói khát, lạnh lẽo. Và một ngày kia, nó dừng chân bên một dòng suối cạn và gối đầu lên một tảng đá to ngủ một giấc dài. Trong giấc ngủ, nó thấy mình được thần N’du - vị thần tối cao của các tộc người bản địa Tây Nguyên - gọi đến và bảo: “Buôn làng

K'ho, Cill, Mạ, Lạch của con đang bị giặc giã, đang bị thiên tai nên con không thể làm ngư được. Con hãy trở lại trần gian...". "Nhưng, thưa Yàng, con chỉ là một cậu bé mồ côi không nơi nương tựa?" - Khàng hỏi lại thần N'du. Vị thần tối cao lên tiếng: "Ta cho con vật này và sẽ "thổi gió" vào con để con trở thành một chàng trai dũng mãnh!". Nói xong, thần N'du trao vào tay cậu bé mồ côi Khàng một cây đàn được tạo từ một hòn đá quý và những sợi tơ trời. Nhận nhiệm vụ, Khàng trở lại trần gian với chiếc đàn trong tay. Đó cũng là lúc cậu bé mồ côi bên bờ suối tỉnh giấc ngủ dài. Sau giấc ngủ, bỗng cậu bé trở thành một người khác. Đó là một chàng trai khôi ngô, tuấn tú, mắt sáng, tóc rậm, da đồng hun... Rồi nữa, tảng đá gổ đầu bỗng phát ra những hào quang rực rỡ và dần biến thành một chiếc đàn có những sợi tơ trời lấp lánh. Chàng trai nâng đàn và gảy. Âm thanh trầm vọng mãi đến rừng già. Âm thanh bỗng tỏa đến tận chân nước của dòng suối. Âm thanh cây đàn trời nổi lên làm xao động cả một vùng đất trời bao la. Cỏ cây thức dậy, sông suối thức dậy, muôn thú tụ về. Và đặc biệt là, khi tiếng đàn vang đến đâu thì nơi ấy không còn giặc giã, không còn thiên tai. Đến khi chiếc áo trắng cuối cùng bước qua bên kia dòng suối cạn thì dòng suối bỗng gãy rời ra làm cho những người mặc áo trắng đi tìm sừng tê giác và ngà voi ấy không còn quay lại bên này được nữa. Những mái nhà sàn được dựng trở lại. Những người con vai trần chân đất ấy đã có lại bếp lửa hồng để sưởi ấm. Đàn ông, đàn bà, già, trẻ, gái, trai ở buôn trên làng dưới lại được dịp quây quần bên chén rượu cần và múa hát. Trên rẫy, trên nương, trái bắp và hạt lúa mẹ đã nảy mầm trở lại xanh mơn mớn. Dưới suối, dưới sông, dòng nước mát đã trở lại làm nơi vẫy vùng của đàn

cá. Cậu bé mồ côi tên là Khàng ngày nào bây giờ đã là một người đàn ông rắn rỏi và tài ba. Ông được dân làng bầu giữ chức tù trưởng. Kể từ đó, dân làng được sống yên vui dưới sự cai quản của tù trưởng Khàng. Về phần mình, sau khi giúp yên cho dân lành, tù trưởng Khàng - cậu bé mồ côi Khàng trở về trời theo lệnh của thần N'du. Tưởng nhớ đến ông, người dân trong vùng đặt tên cho ngọn thác nơi có hòn đá gối đầu ấy là Liêng Khàng, con suối cạn đi ngang qua ngọn thác cũng được gọi là Liêng Khàng. Vì thế, ngày nay, khi đến thăm thác Liêng Khàng (hoặc Liên Khương), du khách sẽ có nhiều bất ngờ bởi âm thanh phát ra từ ngọn thác này có điều gì đó không giống như những ngọn thác khác nằm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Nói cách khác, âm thanh ấy như thể được phát ra từ một cây đàn nào đó vậy!

Liên Khương (Liêng Khàng) tuy nằm ở một vị thế khá thuận tiện về giao thông nhưng do không được đầu tư đúng mức nên nơi này hiện vẫn chỉ là một ngọn thác hoang vu ít người lui tới. Tuy vậy, với dự án cụm cảnh hàng không Liên Khương nằm cận kề bên thác Liêng Khàng vừa được khởi động thì chắc chắn đây sẽ là một cơ hội tốt để ngành du lịch Lâm Đồng lưu tâm hơn nữa đến “chiếc đàn trời” này của mình. Bởi lẽ, theo chương trình phát triển kinh tế - xã hội Lâm Đồng thì việc khởi công nâng cấp sân bay Liên Khương ngoài việc góp phần đưa kinh tế tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên này hội nhập với khu vực và quốc tế mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch phát triển lên một bước cao hơn, trong đó có cụm du lịch Đức Trọng - nơi có thác Liên Khương khá nổi tiếng.

ĐA NHIM - SUỐI KHỐC

Từ vùng đất nắng nóng nam miền Trung ngược lên phía tây theo quốc lộ 27, khi vừa leo hết con đường ngoằn ngoèo lên đến đỉnh đèo Sông Pha, trước mắt chúng ta sẽ bất ngờ mở ra một lòng hồ mênh mông phẳng lặng giữa một vùng núi non trùng điệp. Đó là hồ Đa Nhim thuộc địa phận huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Đa Nhim theo tiếng dân tộc thiểu số bản địa là “suối khóc”.

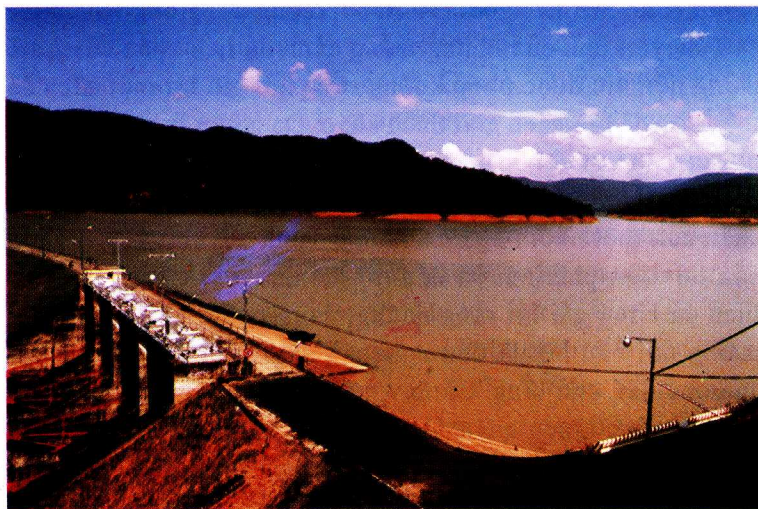


Vậy sao gọi là “suối khóc”? Các già làng người K’ho Sré và người Churu, người Raglai trong vùng nói rằng có rất nhiều cách giải thích vì sao lại gọi như thế. Trong đó, có hai cách giải thích được nhiều người chấp nhận đó là câu chuyện tình của đôi trai gái của hai tộc người K’ho Sré - Churu và sự phản ánh cuộc chiến tranh giữa các dòng tộc và giữa hai tộc người K’ho Sré và Churu trong lịch sử xa xôi. Bên cạnh đó là sự giải thích về những thiên tai, lũ lụt hằng năm mà trong lịch sử đã từng xảy ra một sự kiện thường gặp ở các tộc người khác đó là nạn đại hồng thủy.

Nhưng trước hết, chúng ta hãy “đạo một vòng” trên hồ và quanh hồ đã!. Đa Nhim thực ra phải được phát âm là “Đạ Nhim” - “suối khóc”, nhưng do quá trình tiếp nhận tên gọi này của người Việt nên nó được đọc chệch thành “Đa Nhim” (trong khi đó, cũng với tên gọi tương tự nhưng ở một nơi khác được đọc thành “Đại Ninh” - một địa danh thuộc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng ngày nay). Hồ Đa Nhim là hợp lưu của hai con sông chính là Đa Nhim và K’long Kilet

bắt nguồn từ độ cao 1.725m ở phía Lạc Dương đổ xuống độ cao 1.273m vùng rừng núi Đơn Dương. Trong đó, Đa Nhim là con sông chính dài trên 50km có đến 12 chi lưu đổ vào như suối Thác, suối Cháp, Đa Langbiang... Diện tích rừng đầu nguồn hồ Đa Nhim rộng gần 36.000ha, có địa hình đồi dốc lớn, nhiều sông suối có lòng hẹp và dốc là nguồn thủy năng lớn cho nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

Năm 1959, hãng Nippon Koei của Nhật Bản thi công thực hiện thoả ước bồi thường chiến tranh Việt - Nhật, thiết lập hệ thống thủy điện Đa Nhim (39 triệu USD bồi thường và 7,5 triệu vay thêm; Một trong 5 công trình là đắp một đập dài 1.460m chắn ngang sông Đa Nhim tạo thành hồ rộng 10km², chứa 160 triệu mét khối nước. Ngoài phục vụ sản xuất điện với tổng công suất 160MW (4 tổ máy) và nước tưới cho 24.000ha đất sản xuất nông nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận, hồ Đa Nhim còn là thắng cảnh thơ mộng với những đồi thông vi vu



soi bóng nước, thượng nguồn hoang sơ là vùng săn bắn, câu cá lý tưởng. Đến nay, qua nhiều lần sửa chữa, nâng cấp, hồ thủy điện Đa Nhim có diện tích mặt hồ rộng đến 9,3km², tương ứng với dung tích 165 triệu m³ nước ở mực nước dâng bình thường là 1.042m.

Trong hiện tại, hồ Đa Nhim chưa thực sự là điểm du lịch được chính thức đưa vào kinh doanh nhưng đây là nơi được du khách quan tâm nhiều bởi tính hoang sơ của nó. Đặc biệt, Đa Nhim còn là vùng đất - vùng nước (hồ, sông suối...) chứa đựng trong lòng nó nhiều bí ẩn chưa được khám phá nên nhiều du khách khi ngang qua đây khó có thể bỏ lỡ cơ hội ghé thăm. Ví dụ, sự giải thích vì sao gọi nơi này là “suối khóc” hiện vẫn đang còn là điều...bí ẩn, bởi có rất nhiều cách giải thích và cách nào xem ra cũng có lý. Như trên đã nói, tên gọi “Đa Nhim” có hai cách giải thích phổ biến. Trong đó, cách giải thích bằng câu chuyện về mối tình của một đôi trai gái người K’ho Sré và người Churu bởi tương đối giống với những câu chuyện tình của những thắng cảnh du lịch khác của Lâm Đồng nên xin được phép không cần phải ghi lại một cách cụ thể. Còn đây là cách giải thích khác: Đa Nhim là nơi tụ cư lâu đời của tộc người K’ho Sré. Trong quá khứ xa xưa, lịch sử từng chứng kiến sự biến động lớn của vùng đất này khi dấu chân của một nhóm người Chăm ở vùng duyên hải phía dưới dần tiến lên phía núi và dần trở thành người Churu bản địa. Lịch sử cũng ghi lại rằng những nhóm người Chăm tiến lên hướng núi hầu hết là dân nghèo, không chịu nổi sự hà khắc của chủ đất, chủ làng. Cùng với nhóm dân nghèo này là dấu chân của lực lượng quân sự đi chinh phạt theo chủ trương của chính thể đương quyền nhà nước Chăm. Diễn biến đó của lịch

sử đã làm cho cả người bản xứ (K'ho Sré) và người “chiếm đất” (Churu, thuộc tầng lớp dưới của xã hội Chăm) ngập chìm trong đau thương. Nước mắt của con người và muông thú cùng với thể lực siêu nhiên đã rơi xuống và đọng lại thành cả một hồ nước đầy. Rồi nữa, cuộc tình của đôi trai gái Churu - K'ho Sré giữa một thời buổi loạn lạc ngày ấy đã có một kết cục bi thảm nên nước mắt của họ và của dân làng đã đọng lại thành một hồ nước lớn. Câu chuyện về đôi trai gái ấy còn gắn liền với cuộc chiến tranh Chăm - K'ho trong lịch sử ở chỗ: Sau cái chết của họ (như nhiều đôi trai gái khác trong truyền thuyết ở các điểm du lịch khác), hai tộc người K'ho và Churu đã “ngồi” lại với nhau để xóa bỏ hận thù và cùng nhau chung sống hòa bình đến ngày nay. Đó là một kết thúc rất có hậu, cũng là khát vọng của các tộc người bản địa mặc dầu không cùng ngôn ngữ nhưng cùng cư trú trên một địa bàn. Rồi nữa, ngay trong cộng đồng người K'ho Sré và người Churu cũng thường xuyên xảy ra xung đột giữa các dòng họ. Những cuộc xung đột này đến ngày nay còn được “ghi dấu” ở một dòng họ rất... lạ là dòng họ Ôlê của người Churu. Nhiều người khẳng định rằng Ôlê không phải là một dòng họ có từ lâu đời của người Churu gốc Chăm mà nó chỉ mới xuất hiện sau khi cuộc “chiếm đất” đã hoàn thành và xung đột giữa các dòng họ xảy ra. Trong một cuộc xung đột, một người con gái nhỏ tuổi đã sống sót nhờ nấp trong bụi lồ ô và đã hoàn toàn không nhớ mình thuộc dòng họ nào nên khi lớn lên đã lấy “Ôlê” - lồ ô để làm họ. Chưa hết, đây cũng là một cách giải thích khác về “nước khóc - nước mắt”: Vùng đất hạ lưu Đa Nhim thường xuyên xảy ra lũ lụt. Ngày đó lâu lắm rồi, sau cuộc chinh phạt thắng lợi và cộng với được mùa, dân làng ven suối cạn phía

hạ lưu Đa Nhim tổ chức ăn mừng nhiều ngày đêm liền. Trong lúc dân làng đang tiệc tùng linh đình thì nước suối dâng cao và cuốn trôi tất cả. Người ta bảo đó là sự nổi giận của trời đất. Sau trận lũ lịch sử đó là cái chết của đôi trai gái cũng xảy ra nên tất cả làng trên, buôn dưới và tất cả mọi người từ Churu đến K'ho Sré đều phải ngồi lại với nhau thương thuyết nhằm chấm dứt chiến tranh, chấm dứt những cuộc xung đột để chung sống hòa bình. Và, hình ảnh “Đạ Nhim - Đa Nhim - suối khóc” trở thành sự kiện đánh dấu cho những bi thương những ngày qua với trung tâm điểm của sự kiện này là nơi trầm mình của đôi trai gái Churu - K'ho Sré. Nơi đó là hồ Đa Nhim ngày nay!

Ngày nay, người K'ho và người Churu vẫn tụ cư quanh vùng hồ này và vẫn kể cho nhau nghe về quá khứ của mình. Đó có thể được xem là một quá khứ bi thương với “tâm điểm” là Đa Nhim - suối khóc hoặc “nước mắt Đa Nhim” - điều mà du khách cần khám phá!



KIẾN TRÚC TÔN GIÁO

Trong toàn bộ di sản kiến trúc của Đà Lạt, kiến trúc tôn giáo chiếm một vị trí đặc biệt. Hay nói khác đi, khi đề cập đến kiến trúc Đà Lạt, không thể không nói tới kiến trúc tôn giáo được xây dựng trên thành phố Cao nguyên xinh đẹp này. Đó là những thắng cảnh có sức lôi cuốn mạnh mẽ, không chỉ riêng người dân Đà Lạt, mà còn có sức hấp dẫn lạ kỳ đối với đông đảo du khách trong và ngoài nước khi đến với Đà Lạt. Với ý nghĩa đó, xin giới thiệu với độc giả một số kiến trúc tôn giáo, hiện đang là điểm du lịch nổi tiếng của Đà Lạt – Lâm Đồng.

Kiến trúc phật giáo

Trong các loại hình kiến trúc tôn giáo ở Lâm Đồng, trước hết phải kể tới những công trình kiến trúc Phật giáo vì số lượng chùa chiền, tịnh xá, thiền viện ở đây rất lớn (trên 140 công trình), song quan trọng hơn là ở đây có khá nhiều ngôi chùa có quy mô khá đồ sộ và có giá trị kiến trúc rất cao - một trong những đóng góp đáng kể làm tăng thêm vẻ đẹp của các thành phố, thị xã tỉnh nhà, có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với du khách thập phương.

Hầu hết các ngôi chùa ở Lâm Đồng đều được xây dựng trong các thập niên 50 - 70 của thế kỷ XX. Ngôi chùa sớm nhất trên cao nguyên Lang Bian là Linh Quang cũng chỉ mới được tạo lập vào năm 1931 và đã được xem là “tổ đình”. Chùa Linh Sơn xây cất vào năm 1938 đứng vị trí thứ hai về

mặt thời gian. Các ngôi chùa khác lần lượt được tạo dựng muộn hơn, Trúc Lâm thiền viện mới khởi công từ năm 1993.

Nét độc đáo trong các kiến trúc Phật giáo Lâm Đồng thể hiện rõ nét trong việc lựa chọn không gian kiến trúc, sự phối trí hài hoà giữa thiên nhiên với phần nhân tạo. Không ít những ngôi chùa đã đạt đến mức làm say đắm lòng người trước khung cảnh thiên nhiên tuyệt mỹ xen lẫn với những mái cong mềm mại. Cảm giác cô tịch của chốn thiền môn dường như bị lấn át bởi cảnh sắc sơn thủy hữu tình, trăm hoa đua màu, khoe sắc.

Hầu như ngôi chùa nào ở đất này cũng cố gắng vươn lên chiếm lĩnh một vị trí khá cao - trên đỉnh của những quả đồi - một điều không dễ gì có được ở những khu vực đồng bằng, song lại không mấy khó khăn ở địa hình của một vùng sơn nguyên lấm đồi, nhiều núi. Khoa phong thủy phương Đông hầu như “đắc địa” ở xứ này. Khi đứng trước những ngôi chùa ở đây, người quan sát có thể dễ dàng nhận ra các nhân tố “vượng địa” cho kiến trúc vật như *tiền án* (một đỉnh núi hay một gò đồi xa xa trước mặt), *hậu chẩm* (một dãy núi khác ở phía sau chùa), *minh đường tụ thủy* (một hồ nước, một quãng suối hay một thung lũng ở sát liền trước mặt ngôi chùa), *tả thanh long, hữu bạch hổ* (hai quả núi hay đồi chầu vào ngôi chùa đó), những yếu tố trên đây đã thực sự góp phần tạo nên chất thơ cho các kiến trúc Phật giáo vùng này.

Trong số trên 140 công trình kiến trúc Phật giáo ở Lâm Đồng có những ngôi chùa và những thiền viện nổi tiếng, đã và đang là những điểm tham quan - văn cảnh có sức thu

hút mãnh liệt đối với du khách bốn phương. Đó là những hạng mục kiến trúc thuộc địa phận thành phố Đà Lạt như chùa Linh Sơn, chùa Tàu (Thiên Vương Cổ Sát), Trúc Lâm thiền viện, Linh Phước tự... Sau đây, xin giới thiệu một số ngôi chùa chủ yếu ở Đà Lạt - Lâm Đồng.

CHÙA LINH QUANG



Chùa Linh Quang tọa lạc tại số 133 Hai Bà Trưng, Đà Lạt, được Hoà thượng Thích Nhân Thứ tạo lập từ năm 1931, là ngôi chùa được xây dựng đầu tiên ở Lâm Đồng, vì vậy nên còn được gọi là “Linh Quang tổ đình”. Sau đó, chùa đã được hai lần trùng tu, tôn tạo vào các năm 1958 và 1972.

Từ phía mặt đường Hai Bà Trưng, qua một chiếc cổng xây có bảng hiệu *Linh Quang tự* và năm tháng xây dựng bằng chữ Hán, một bên là *Mạnh Xuân - Ất Tỵ niên* (1 - 1965) và bên kia *Phật lịch nhị thiên ngũ bách linh cửu* (Phật lịch: 2509), với một con đường vòng theo chân đồi dẫn tới dãy bậc cấp lên toà chính điện.

Toà chính điện của ngôi chùa dài 20m, chỗ rộng nhất 15m, gồm 3 ngôi nhà kết cấu liên thông theo hình chữ “công”. Ngôi nhà tiền sảnh là một kiến trúc 3 gian 2 chái có mái kép (chồng diêm). Từ phía ngoài nhìn vào, trên hai đầu đỉnh nóc có gắn hình 2 con rồng theo thế hồi long, cùng chầu vào một mặt hổ phù. Phía trên mặt hổ phù là bánh xe luân hồi Phật giáo. Trên các đầu đao của mái trên là các cặp lưỡng phụng,

lưỡng lân châu vào. Ở hai đầu đao mái dưới là một cặp lưỡng long vươn ra. Khoảng giữa của hai mái chồng diêm là các bức trang trí hồi long đối xứng qua biển hiệu bằng Hán tự “Linh Quang tự” màu xanh trên nền hoa văn hình chữ vạn cách điệu màu đỏ.

Mặt trước ngôi chùa là 4 trụ cột đắp rồng và sát 2 cột ngoài cùng là 2 mảng tường hẹp có đắp nổi phong cảnh trong vườn Lộc Uyển. Chạy suốt phần chân mái là một bức lam có khắc hoa văn hình chữ vạn. Có 3 cửa chính vào trong nội điện, phía trên cửa giữa là dòng chữ “Chùa Linh Quang”.

Không gian nội điện có tượng Phật Thích Ca ngồi trên đài sen, hào quang tỏa sáng, dưới tán bửu táng. Phía sau chính điện là hậu tổ đường, hai bên là nơi thờ phụng linh nam, linh nữ. Phía đối diện là nơi thờ Đạ Ma tổ sư và bên trái toà chính điện là khu vườn tháp với 2 bảo tháp 5 tầng. Trong chùa có quả chuông U minh nặng 135kg.



CHÙA LINH SƠN

Chùa Linh Sơn là một ngôi chùa tọa lạc trên một quả đồi cao, cách trung tâm thành phố Đà Lạt chừng 700m (số 120 Nguyễn Văn Trỗi). Đây còn là nơi đặt văn phòng Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Lâm Đồng.

Chùa được khởi công xây dựng vào năm 1938 theo đề nghị của bà Từ Cung (thân mẫu của vua Bảo Đại) với Giáo hội Tăng già Trung Phần từ năm 1936 sau lần bà từ Đà Lạt trở về Huế và khánh thành vào năm 1940 thời kỳ Đại lão Hoà thượng Thích Trí Thủ trụ trì. Chùa mang tên một quả núi ở Ấn Độ - nơi Phật Thích Ca thuyết pháp bộ kinh *Diệu pháp liên hoa* và khai nguyên Thiền tông. Từ đó tới nay, chùa đã trải qua khá nhiều lần trùng tu, tôn tạo.

Linh sơn tự là một quần thể kiến trúc bao gồm nhiều hạng mục lớn nhỏ khác nhau phân bố trên một khoảng không gian chừng 4ha. Chùa có 2 lối



vào. Cửa tam quan trông về phía tây nam. Theo một lối lên bằng nhiều bậc cấp, du khách tới khoảng sân tiền đường - nơi đặt pho tượng Quan Thế Âm đứng trên đài sen bằng thạch cao màu trắng. Phía trước là một đỉnh đồng khá lớn (cao 1,2m, đường kính 0,8m). Đây cũng là nơi gặp gỡ với lối ra vào chủ

yếu của chùa - từ phía ngã ba Bùi Thị Xuân - Nguyễn Văn Trỗi.

Toà chính điện gồm 2 ngôi nhà nối liền nhau theo hình chữ “đỉnh”. Ngay lối vào tiền sảnh là những bậc cấp với hai bên là tượng 2 con rồng uốn khúc, há miệng được đắp bằng xi măng. Toà tiền sảnh uy nghi với phần nóc mái trang trí bằng mô - típ “lưỡng long triều nguyệt”. Phía trước có 4 trụ lớn và bên dưới diềm mái là mảng trang trí hoa văn hình chữ vạn cách điệu. Gian bên phải tiền sảnh có tượng Hộ pháp Di Đà, gian bên trái là tượng Tiêu Diện đại sĩ. Ở phần chính điện có tượng Phật Thích Ca ngồi trên toà sen được đúc bằng đồng, cao 1,7m, nặng 1.250kg (đúc vào năm 1952). Bên phải nội điện có đại hồng chung nặng 450kg treo trên giá làm bằng gỗ quý. Bên trái nội điện là giá trống (trống dài 1m, đường kính 0,75m). Cách không xa chính điện về phía bên phải là một bảo tháp hình bát giác cao 3 tầng. Bên trái chính điện là tổ đường, nơi thờ Đạt Ma sư tổ và hai bên là bàn thờ các vị tăng sĩ viên tịch cũng như những Phật tử mà thân nhân muốn được thờ phụng tại chùa. Trong chùa còn có phòng phát hành kinh sách và nhà vãng sinh, nơi quán thi hài Phật tử mà gia quyến muốn cử hành tang lễ tại chùa.



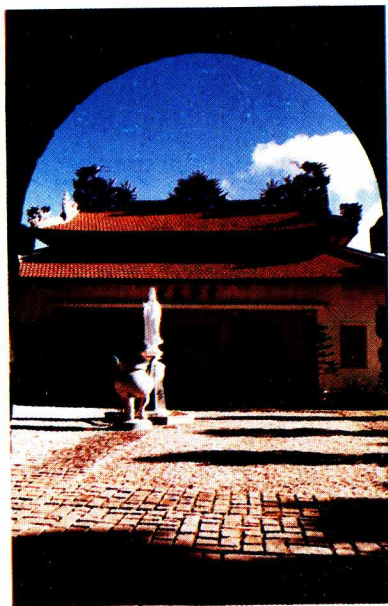
Ngoài ra, cạnh chùa còn có giảng đường khá lớn được xây cất từ năm 1972 làm nơi thuyết giảng (nay là Trường Phật học tỉnh Lâm Đồng).

CHÙA LINH PHONG



Chùa Linh Phong tọa lạc trên một cụm đồi cao (72C Hoàng Hoa Thám) là một ni tự. Sơ khởi vốn là một niệm Phật đường mái tôn do Hoà thượng Thích Bích Nguyên chủ trì dựng lên vào năm 1944. Về sau, khuôn viên này được truyền lại cho sư bà Thích Nữ Từ Hường. Từ năm 1948 đến năm 1962, sư bà đã cho xây dựng, cải tạo lại thành ngôi chùa như hiện nay.

Muốn vào Linh Phong tự, trước hết phải leo hết một dãy bậc đá dài chừng 40m mới tới cổng tam quan. Tam quan ở đây gồm 2 tầng có mái lợp ngói ống. Phía dưới gồm 3 cửa cuốn hình vòng cung trông về phía tây bắc. Phía trên có một cửa hình chữ nhật uốn góc với biển hiệu “Chùa Linh Phong” và tượng Hộ Pháp. Nóc trên mái tam quan có trang trí mô - típ “lưỡng long triều nguyệt”, các đầu đao và nóc dưới là hoa văn hồi long. Phía trước chính điện là một khoảng sân khá rộng. Trung tâm sân



là pho tượng Phật bà Quan Âm bằng thạch cao trắng đứng trên đài sen đặt trên chiếc đỉnh đắp bằng xi măng.

Toà chính điện gồm 2 ngôi nhà liên thông với nhau theo kiểu hình chữ “đỉnh”. Tiền sảnh là một kiến trúc vật mái kép (chồng diêm), trên nóc đắp hình “lưỡng long triều nguyệt”; ở các đầu đao là các cặp long, ly, quy, phượng châu vào.

Chính điện đặt pho tượng Phật A Di Đà cao 1,8m, toàn thân sơn son, thếp vàng, tóc đính trâm (tạc vào năm 1949). Hai bên là tượng Phật bà Quan Âm và Đại Thế Chí bằng đồng bóng loáng. Phía sau chính điện là nơi thờ Đạt Ma tổ sư và Hoà thượng Thích Quảng Đức. Bên ngoài là hai dãy nhà dùng làm nơi sinh hoạt cho các ni cô, tiếp khách thập phương và giảng đường. Kế đó là nhà hậu tổ - nơi ở của sư bà và miếu Âm linh thờ Tiêu Diện đại sĩ. Sau cùng là một bảo tháp 3 tầng được xây vào năm 1988, nơi dự kiến sẽ đặt tro cốt của sư bà sau khi viên tịch.



CHÙA TÀU



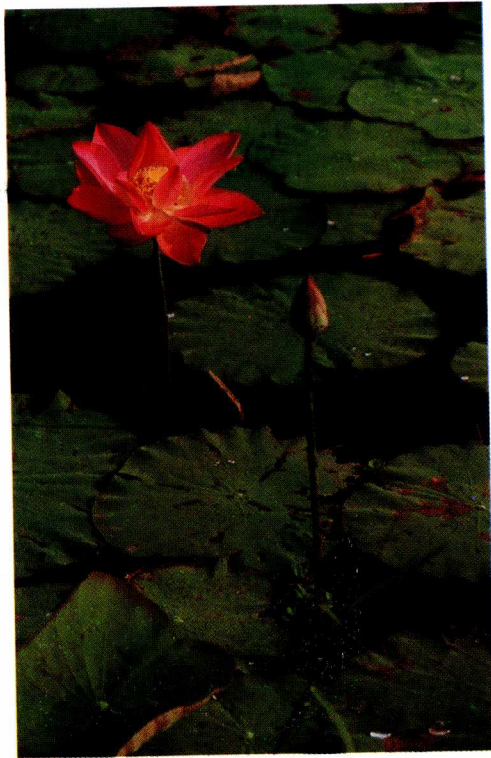
Chùa Tàu (tên chính thức là Thiên Vương Cổ Sát) tọa lạc tại số 385 đường Khe Sanh, do các nhà sư và Phật tử người Hoa xây dựng từ năm 1958 và được trùng tu vào năm 1989 thuộc tông Hoa Nghiêm.

Theo một lối đi lát đá uốn cong mềm mại, rì rào tiếng thông reo, qua cổng tam quan sẽ vào toà Từ bi bảo điện. Ngay giữa trung tâm bảo điện này là pho tượng Đức Phật Di Lạc thếp vàng đồ sộ, cao hơn 3m. Qua một khoảng sân nhỏ có đặt 3 chiếc đỉnh đắp bằng xi măng là toà Quang Minh bảo điện - hạng mục kiến trúc trung tâm nhất của ngôi chùa. Toà bảo điện này có hình tứ giác (mỗi chiều 15m, cao 12m) với hai tầng mái kép. Trên đỉnh nóc mái có đắp hình 2 con rồng theo thế hồi long, cùng chầu vào một tháp nhỏ ở trung tâm của mái. Các đầu đao của 2 tầng mái trên, mái dưới đều có gắn các cặp lưỡng long vươn đầu ra phía ngoài. Nội thất của Quang Minh bảo điện từ lâu đã nổi tiếng với 3 pho tượng Tây Phương Tam Thánh bằng gỗ trầm hương (mỗi pho tượng cao 4m, nặng 1.500kg, được Hoà thượng Thọ Dã thỉnh từ Hồng Kông về năm 1958). Ngoài ra, hai bên còn đặt 4 pho tượng tứ thiên vương. Phần phía



trên cửa các bức tường là những bức tranh và các bài minh bằng Hán tự có đề tài phỏng theo Phật tích.

Phía sau Quang Minh bảo điện, trên đỉnh đồi thông là một đài cao 2 tầng. Tầng trên là pho tượng Phật Thích Ca đồ sộ, cao trên chục thước, đang ngồi tọa thiền trên đài sen. Tầng dưới là nơi nghỉ ngơi cho khách thập phương tới vãn cảnh chùa với các bức vẽ có chủ đề phỏng theo Phật tích.



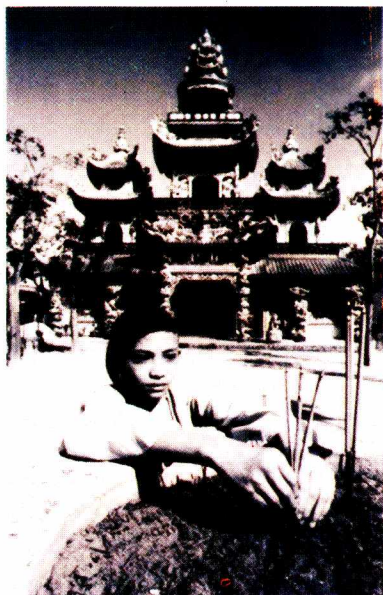
CHÙA LINH PHƯỚC



Chùa Linh Phước tọa lạc tại khóm Đà Lạt, phường 11, Đà Lạt, được khởi công xây dựng vào năm 1949 và vừa được trùng tu, tôn tạo với quy mô lớn trong những năm gần đây (1990 - 1998).

Đặc điểm nổi bật của ngôi chùa này là các mảng trang trí hình rồng bằng phương thức đắp nổi có gắn các mảnh gốm, sứ, thủy tinh tương tự như tại lăng

Khải Định ở Huế. Mật độ các mảng trang trí này rất dày đặc. Rồng vươn lên trên 2 đầu nóc mái, quay đầu lại ở các đầu đao, quăn xoắn xít trên những trụ cột. Trong chùa, ở chính điện còn có một pho tượng Thích Ca tọa thiền dưới gốc bồ đề cao 4,9m. Ngay sát cạnh chùa là Long hoa viên độc đáo. Cổng ra vào là một con rồng lớn với 3 nếp uốn lượn tạo thành 3 cửa ra vào của một tam quan. Phía trên lưng rồng là tượng của Văn Thù bồ tát. Phía trong hoa viên là một con rồng lớn khác, dài 49m, uốn lượn trong suốt không gian vườn hoa. Đầu



của con rồng này vươn lên trên đỉnh của một giả sơn, che chở cho đức Di Lạc tọa thiền phía dưới.

Sau hai năm nghiên cứu tạo mẫu, chuông chùa Linh Phước được đúc xong ngày 1 - 10 - 2000, chuông cao 4,5m, miệng chuông rộng 2,3m.



Kiến trúc thiên chúa giáo

Các kiến trúc liên quan đến Thiên chúa giáo là những hạng mục kiến trúc tôn giáo xuất hiện sớm nhất trên đất Lâm Đồng. Ngay từ những năm cuối thế kỷ trước, các giáo sĩ Dòng Tên đã ào ạt, lội suối để “mở mang nước Chúa” tới tận miền đất cao nguyên xa xăm này. Lẽ đương nhiên, nhà thờ, nhà nguyện,...cũng ra đời để làm nơi thờ phụng Chúa và là chỗ để các con chiên cầu nguyện. Tuy vậy, cũng phải đợi tới những thập kỷ 20 - 60 của thế kỷ XX mới hình thành nên những nhà thờ có tầm cỡ về phương diện kiến trúc.

Trong số trên dưới 100 công trình kiến trúc Thiên chúa giáo ở Lâm Đồng, phải kể tới nhà thờ Chánh tòa, Domaine de Marie, nhà thờ Cam Ly, chủng viện Don Bosco, nhà nguyện Năng Tĩnh (nay là A 25 Đại học Đà Lạt), nhà thờ Tin lành ở xã Lát.

NHÀ THỜ CHÁNH TOÀ ĐÀ LẠT



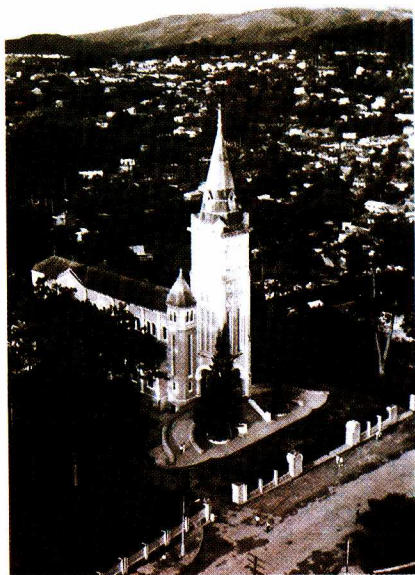
ỪA HẾT Đèo P'renn để vào nội thị Đà Lạt, đập ngay vào mắt du khách là một tháp chuông cao vút. Đó là tháp chuông của nhà thờ Chánh toà Đà Lạt mà dân chúng quen gọi bằng một cái tên dân dã hơn - "nhà thờ con gà" (do trên đỉnh tháp nhà thờ có đỉnh hình một con gà trống bằng kim loại).

“Tiền thân” của toà nhà thờ này là một ngôi Thánh đường “*Hic Domus est Dei*” dài 24m, rộng 7m và cao 5m được

xây cất vào năm 1920, một ngôi nhà thờ dài 26m, rộng 8m và một tháp chuông cao 16m xây dựng sau đó không lâu (1922).

Toà nhà đồ sộ hiện nay được khởi công vào ngày 19 - 7 - 1931 và tiến hành xây cất trong suốt 11 năm, tới ngày 25 - 1 - 1942 mới khánh thành. Kích thước của nhà thờ Chánh toà như sau: dài 65m, chỗ rộng nhất 14m, tháp chuông cao 47m. Trên đỉnh tháp có gắn một con gà bằng đồng dài 0,66m, cao 0,58m dùng thay mũi tên chỉ hướng gió - vừa là biểu tượng cho người Pháp, vừa tượng trưng cho thánh Phêrô. Cửa chính của nhà thờ trông về phía núi Lang Biang. Ở phần áp mái được trang trí bằng 70 tấm kính màu (được chế tạo từ Pháp) làm cho không gian nội thất thánh đường càng thêm lung linh, huyền ảo. Trên tường còn được gắn các bức phù điêu với kích thước 1 x 0,8m do nhà điêu khắc Xuân Thi thể hiện.

Phong cách kiến trúc nhà thờ Chánh toà tiêu biểu cho trường phái miền Bắc nước Pháp. Tường phía ngoài được quét màu hồng càng tôn thêm sự trang nghiêm của một kiến trúc tôn giáo.

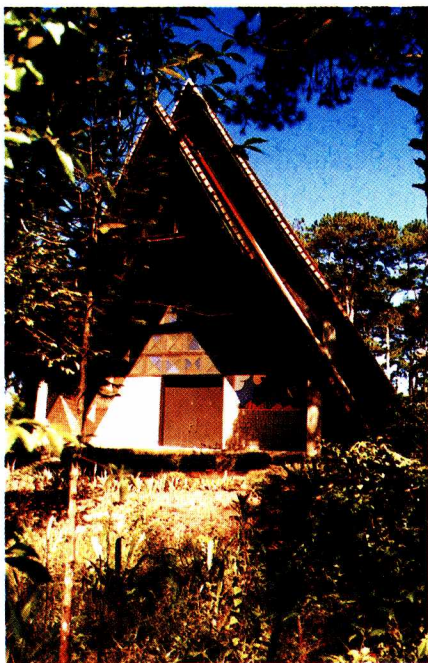


NHÀ THỜ CAM LY

 Nhà thờ Cam Ly được xây dựng cho những giáo dân là người dân tộc thiểu số, do vậy, kiến trúc vật này mang một sắc thái độc đáo, khác hẳn với các thánh đường dành cho những giáo dân người Việt.

Cách không xa dòng thác Cam Ly, trên một quả đồi thơ mộng, vào năm 1960, Đức cha Boutary và nhà thầu Nguyễn Thanh Hồ đã khởi công xây dựng một toà thánh đường mang đậm phong cách kiến trúc của các cư dân Thượng. Công việc tạo tác này kéo dài trong suốt 6 năm.

Toàn bộ toà thánh đường trông tựa một ngôi nhà dài của đồng bào Thượng với hai mái dốc đứng cao 17m, được lợp bằng 80.000 viên ngói với tổng trọng lượng tương đương 90 tấn. Ngay tiền đường có đặt 2 pho tượng hổ và phượng hoàng - những con vật quen thuộc với những cư dân thiểu số; một con tượng trưng cho sức mạnh, một con tượng trưng cho sự tinh khôn;



mặt khác cũng ngầm ý xem những cư dân bản địa ở đây bản tính tự nhiên vốn dữ dằn như cọp, nhưng được Chúa trời cải biến sẽ trở nên tốt lành, thanh thản như phượng hoàng. Không gian nội thất thánh đường được chiếu sáng bởi những khung hình tam giác được bao bọc trong những khung hình vuông. Cung thánh có đặt một bàn thờ kích thước 3,9m x 0,9m làm bằng gỗ thông. Dưới thánh giá có treo 3 đầu trâu - loài vật linh thiêng mà người thiểu số thường dùng làm vật phẩm tế Yàng của họ, và trong trường hợp này họ kính dâng lên Thiên Chúa. Ở đây cũng bắt gặp tượng một con nai và một con phượng hoàng - biểu trưng cho sự hỗn nhiên của các giáo dân người dân tộc thiểu số và sự thành đạt của họ khi được Chúa Trời cải biến.

Rõ ràng, những kiến trúc sư xây dựng thánh đường này đã khá thành công khi họ biết sử dụng một hình thức kiến trúc gần gũi với các cư dân Thượng để bắc một “nhịp cầu” dẫn dắt những người xa lạ với tín ngưỡng Cơ đốc làm quen với giáo lý của Thiên chúa giáo.

Độc đáo và in đậm nét dân tộc của cư dân bản địa xa xưa tại cao nguyên, nhà thờ Cam Ly thu hút một lượng đáng kể du khách, nhất là du khách nước ngoài đến tham quan.

NHÀ THỜ DOMAINE DE MARIE



Đặt trung tâm Đà Lạt hơn 10km về hướng Tây Bắc, nằm trên đường Ngô Quyền, **Nhà thờ Domaine de Marie** tọa lạc trên quả đồi lộng gió có cùng tên gọi ở phía tây thành phố Đà Lạt (còn gọi là đồi Mai Anh) thuộc giáo xứ Mai Anh, được khởi công xây dựng từ năm 1938 nằm trong quần thể kiến trúc của tu viện dòng nữ tu Bác Ái. Kiến trúc độc đáo mang phong cách Châu Âu thế kỷ XVII nhưng được thực hiện bằng vật liệu hoàn toàn Việt Nam: vôi, nột mía và một số phụ gia khác. Tuy nhà thờ không có tháp chuông trên đỉnh nhưng tiền đình được thiết kế là một tam giác cân, phía trước được trang điểm các cửa vòm nhỏ. Trong nhà thờ, đặc biệt có bức tượng Đức Mẹ đứng trên quả địa cầu được tạo theo hình mẫu người phụ nữ Việt Nam cao 3m, nặng 1 tấn do phu nhân toàn quyền Decoux là bà Suzanne Humbert tặng. Phía sau nhà thờ là ba dãy nhà 3 tầng của dòng nữ tu Bác Ái được thiết kế theo mẫu mới. Năm 1944, trên đường đến Đà Lạt để hoà giải mâu thuẫn giữa Nam Phương Hoàng Hậu và thứ phi Mộng điệp, bà Suzanne Humbert bị tai nạn giao thông ở đèo P'renn và được an táng ở hành lang phía sau Nhà thờ theo tâm nguyện từ trước. Ngày nay, các nữ tu dòng Bác Ái vẫn luôn hoạt động xã hội, từ thiện như chăm sóc trẻ em chậm phát triển, giúp đỡ cô nhi, chữa bệnh cho người nghèo, phục vụ bệnh nhân bệnh phong tại trại phong Di Linh...

Khách tham quan nhà thờ Domaine de Marie đứng trên đồi Mai Anh có thể nhìn toàn cảnh Đà Lạt rất đẹp và vào trong khuôn viên chiêm ngưỡng nhiều loài hoa đẹp, nhất là Hải Tiên.



PHÂN VIỆN SINH HỌC ĐÀ LẠT

Điểm dừng chân lý tưởng

Đi du lịch Đà Lạt, một trong những điểm tham quan lý tưởng mà bạn khó bỏ qua là Phân viện Sinh học Đà Lạt. Đến với Phân viện Sinh học Đà Lạt, được tham quan vườn lan, khu bảo tồn nguồn gen thực vật quý hiếm và bảo tàng động vật, chắc chắn chúng ta càng tự hào hơn về mảnh đất Tây Nguyên hùng vĩ với sự giàu có về hệ động vật và thực vật ở đây.



ách
trung
tâm Đà

Lạt chưa đến 10km trên đường đi hồ Suối Vàng, chỉ cần rẽ trái lên một quả đồi được bao quanh bởi rừng thông xanh



mướt là bạn đã đến được Phân viện Sinh học Đà Lạt. Phân viện Sinh học Đà Lạt nằm trên một ngọn đồi ven thành phố có độ cao lên đến 1.548m so với mặt biển. Đà Lạt vốn dĩ là một đô thị tĩnh lặng. Phân viện sinh học Đà Lạt nằm trong một khu rừng thông thuộc thành phố ấy càng tĩnh lặng hơn.

Thật vậy, con đường xuyên qua rừng từ lối đi Suối Vàng rẽ vào Phân viện Sinh học Đà Lạt dài chỉ chưa đến cây số nhưng rợp bóng thông già sẽ cho ta cảm giác vô cùng khoan khoái với tiếng chim riu rít chuyền cành, với muôn sắc màu

của hoa dọc hai bên lối. Toạ lạc giữa ngọn đồi có tên gọi là Tùng Lâm ấy là một “tháp ngà” vút cao được xây bằng đá với hàng trăm cánh cửa sổ vòm cung mở ra tứ hướng. Ở mặt chính của tòa nhà bằng đá này hiện vẫn còn chiếc thập giá và đồng chữ “Copiosa Apud Eum Pedemptio” - “Ơn cứu độ chan chứa nơi Ngài”. Ngược dòng lịch sử cho thấy: Nơi này vốn là Học viện dòng Chúa Cứu thế của Giáo hội Công giáo được xây dựng vào năm 1950. Sau 1975, Học viện dòng Chúa Cứu thế được sử dụng vào các hoạt động công ích và đến năm 1991 thì được chuyển giao cho Viện Sinh học Nhiệt đới thuộc Trung tâm khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia. Ngoài chức năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học, Phân viện Sinh học Đà Lạt còn hoạt động như một bảo tàng nhằm giới thiệu với khách du lịch về sự giàu có của hệ động vật và hệ thực vật của rừng Tây Nguyên nói chung và Nam Tây Nguyên nói riêng.

Đến với Phân viện Sinh học Đà Lạt với tư cách là một du khách, chắc hẳn bạn không thể bỏ lỡ cơ hội thưởng ngoạn bộ sưu tập phong lan vô cùng phong phú mà các nhà khoa học ở đây đã sưu tầm, bảo quản nguồn gen, nhân giống...với hàng ngàn chậu - giò được trưng bày tại đây. Qua công tác sưu tầm, nghiên cứu các loài lan, các nhà khoa học ở đây đúc kết: Họ lan Orchidaceae của rừng Lâm Đồng có đến 101 chi (76,5%) và 396 loài (55,3%) trong tổng số 132 chi và 715 loài lan của cả nước. Có thể nói, khó có vùng nào trong cả nước có thể sánh được với Lâm Đồng về nguồn lợi lan rừng. Bên cạnh đó, tại Đà Lạt hiện còn có hàng trăm giống lan nhập nội đang được gây trồng để thưởng ngoạn và xuất khẩu mà Phân viện Sinh học Đà Lạt là một trong những địa chỉ lý tưởng của

du khách muốn tìm hiểu các loài lan ngoại. Cũng theo các nhà khoa học ở đây thì, Lâm Đồng có không ít các loài lan rừng rất quý, được nước ngoài biết đến và đặt mua với số lượng lớn. Đó là các loài lan hiện có trong bộ sưu tập của Phân viện như thanh lan - một trong những loài lan đẹp nhất thế giới, tuyết ngọc, mạc lan, giả hạc, vân hài, hài đỏ, kim hài, lá gấm... Cũng trong bộ sưu tập này còn có nhiều loài lan cho hương rất thơm và màu sắc rất đẹp như quế lan hương, bò cạp, thủy tiên trắng, long tu, kim điệp, báo hỷ, hạc đỉnh, huyết nhung, hồ bì, cẩm báo...

Đến với Phân viện Sinh học Đà Lạt, chúng ta còn có dịp tìm hiểu về một bộ sưu tập động vật rừng cũng hết sức phong phú, đa dạng. Vào cuối năm 1990, Phân viện Sinh học Đà Lạt được giao nhiệm vụ xây dựng Bảo tàng động vật Tây Nguyên - một bộ phận của Bảo tàng thiên nhiên Tây Nguyên sau này - nhằm lưu trữ lâu dài mẫu vật của các động vật rừng nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học cũng như góp phần nâng cao dân trí về ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ các loài thú hoang dã. Qua nghiên cứu, các nhà khoa học ở đây đã đưa ra một vài số liệu: Tây Nguyên có tới 499 loài động vật rừng có xương, sống trên cạn, trong đó có 103 loài thuộc lớp thú. Ngay từ năm 1995, sau 5 năm đi vào hoạt động, Bảo tàng động vật Tây Nguyên của Phân viện Sinh học Đà Lạt đã sưu tập được 154 mẫu thú của 66 loài, 148 mẫu chim của 24 loài và 24 mẫu lưỡng thê - bò sát của 11 loài. Đến nay, bộ sưu tập ấy đã được bổ sung một cách đáng kể, trong đó có nhiều mẫu vật của các loài quý hiếm hoặc đặc hữu hẹp. Cũng trong quá trình sưu tập, các nhà khoa học của Phân viện Sinh học Đà Lạt đã bổ sung 22 loài vào danh sách các loài thú quý

hiếm của tỉnh Lâm Đồng mà từ trước đến nay các nhà động vật học chưa bắt gặp ở đây. Ví dụ như các loài cây gấm, cây tai trắng, cây vôi mốc, báo hoa mai, báo gấm, sóc bay sao, sóc đỏ... Bên cạnh đó, trong bộ sưu tập này còn có loài thú mang lớn khá nổi tiếng mà trước đó các nhà khoa học chỉ tìm thấy mẫu vật ở Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang - Hà Tĩnh (hiện Bảo tàng động vật Tây Nguyên đang lưu giữ 7 mẫu vật hoàn chỉnh). Chưa hết, tại Bảo tàng này còn có một số mẫu vật lạ chưa định loài được - rất có thể đó là những loài mới đối với khoa học như nai đầu đinh, gấu heo, lợn lòi lông ngắn... Nói về tác dụng phục vụ tham quan, học tập, nâng cao dân trí thông qua Bảo tàng động vật Tây Nguyên, các nhà khoa học của Phân viện đã ghi lại rằng: “Đến thăm các phòng trưng bày của Bảo tàng động vật Tây Nguyên, mọi người được tận mắt quan sát thế giới động vật phong phú của vùng. Các con thú được đặt trong các sinh cảnh làm tăng thêm vẻ sinh động và hấp dẫn đối với người xem. Bảo tàng động vật Tây Nguyên đáp ứng nhu cầu tham quan, học tập, nâng cao dân trí của các tầng lớp nhân dân, thích hợp với mọi lứa tuổi; bởi vậy, mỗi năm số lượng khách đến thăm Bảo tàng ngày một đông. Các ý kiến của khách tham quan ghi trong sổ cảm tưởng cho thấy tác dụng của Bảo tàng giúp cho mọi người thấy được tài nguyên động vật của đất nước ta vô cùng giàu có..., cùng bảo nhau nâng cao ý thức bảo vệ các loài động vật, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống”.

Như vậy, Phân viện Sinh học Đà Lạt không chỉ dành riêng cho khoa học mà còn là nơi dừng chân lý tưởng của du khách khi đến với vùng rừng núi Nam Tây Nguyên hùng vĩ này!

BAY CÙNG CÁP TREO ĐÀ LẠT

ên hết đèo P'renn, nhìn về phía trái giữa bạt ngàn rừng thông xanh ngắt, du khách bất ngờ gặp những cabin của cáp treo chậm chậm trôi đi trong không trung, mang những con người thích được ngắm những mây trời Đà Lạt, và tìm kiếm cảm giác bồng bênh lâng lâng ở độ cao trên 1500m để đến với sự huyền bí của cõi phật và sự thoáng đãng của trời nước bao la. Không cưỡng lại được sự quyến rũ của cảnh quan cùng loại hình dịch vụ du lịch độc đáo hấp dẫn, du khách cho xe rẽ lên con đường nhựa nhỏ, nép lưng chừng đồi, một bên là những biệt thự khang trang bên kia là thung lũng rừng thông với bao điều kì thú đang chờ đợi sự khám phá của con người. Chỉ sau vài phút, du khách đã đứng ở tiền sảnh của nhà hàng ga đi. Ở một độ cao đủ để thu toàn bộ cảnh quan của thành phố hoa Đà Lạt vào tầm mắt, và đón nhận làn không khí trong lành giúp khách du lịch nhanh chóng có được cảm giác sảng khoái sau một chặng đường dài đầy bụi nắng của các vùng đất miền Trung, miền Tây, miền Đông Nam Bộ.

Tháng 12/2001, dự án cáp treo từ đồi Robin đến khu du lịch Tuyền Lâm dài nhất nước được các cơ quan chức năng thẩm định và thông qua bao gồm: Xây dựng nhà ga trên tại đồi Robin (gần bến xe liên tỉnh) rộng 15.000m², nhà ga dưới (gần bến đỗ xe khu du lịch Tuyền Lâm) rộng 7.500m². Một đường cáp treo dài 2.300m (dài hơn cả cáp treo Bà Nà - Đà Nẵng lẫn Bà Đen - Tây Ninh) bay trên rừng thông cảnh quan, xuất phát từ đồi Robin ở độ cao 1.600m so với mặt biển.

Ngày 3/02/2002 công trình cáp treo trị giá hơn 60 tỷ VNĐ được khởi công. Sau một thời gian khẩn trương xây dựng và lắp đặt, ngày 22/01/2003 (22 tháng chạp năm Quý Mùi) hệ thống cáp treo đồi Robin - khu du lịch Tuyền Lâm đã khánh thành và đi vào hoạt động nhằm chào mừng 110 năm thành phố Đà Lạt hình thành và phát triển.

Để du khách có thể tận hưởng không khí du lịch sinh thái, ngắm nhìn vẻ đẹp của thành phố “đường trong hoa, thấp thoáng nhà trong lá” và không chỉ chiêm ngưỡng được toàn cảnh Đà Lạt từ trên không, mà còn có thể lướt qua những rừng thông xanh biếc, bạt ngàn, để rồi đặt chân tới một vùng non nước hữu tình cần phải có một đường cáp treo hai chiều. Từ đồi Robin có một nhà ga được trang bị hệ thống tách cáp hiện đại theo dây chuyền đường ray để cabin tự chặn lại cho khách lên xuống. Năm mươi cabin tự động với nhiều màu sắc do Áo sản xuất vận hành trên đường cáp với tốc độ tối đa 5m/s, chạy qua 10 trụ đỡ bằng thép cao từ 20 đến 40m sẽ đưa du khách lên tận khu du lịch Tuyền Lâm. Từ đó, du khách có thể vào sâu bên trong, đi thuyền qua khu du lịch Đá Tiên. Hoặc là lên dâng hương lễ Phật tại Thiền viện Trúc Lâm. Sau khi vui chơi du khách có thể đến nhà ga dưới để về lại ga trên. Tại đây, sẽ có một nhà hàng với sức chứa từ 600 - 700 khách chào đón với đầy đủ các món ăn Âu Á. Một Bar rượu, cà phê, khu vui chơi giải trí, quầy bán hàng lưu niệm cũng sẵn sàng phục vụ.

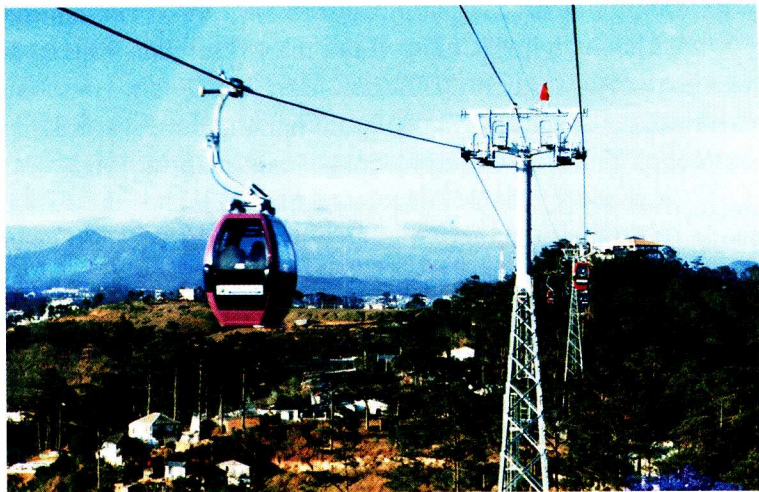
Một du khách đến từ Tp. Hồ Chí Minh không dấu nổi xúc động: “ *Tôi đã đến nhiều nơi, tham quan nhiều điểm du lịch, nhưng Cáp treo Đà Lạt để ghi lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc, bởi ở đây có sự hoà quyện đến vô cùng giữa cảnh*

quan thiên nhiên với tâm hồn con người. Tất cả đều thấm đượm sự hướng thiện ở đời”. Riêng đối với hệ thống cáp treo, không còn nghi ngờ gì về sự hiện đại, tính hoàn thiện trong dây chuyền công nghệ, đảm bảo sự an toàn tuyệt đối cho du khách. Khác với cáp treo Bà Nà - Đà Nẵng và cáp treo Núi Bà Đen - Tây Ninh, cáp treo Đà Lạt khi cabin vào ga sẽ được tách cáp dừng hẳn tạo điều kiện cho khách lên xuống cabin dễ dàng thuận lợi và an toàn.

Sự độc đáo hấp dẫn của cảnh quan môi trường và của sản phẩm du lịch mới, cũng như sự phong phú của các dịch vụ ở ga đến; ga đi đã cho phép cáp treo Đà Lạt có sức hút lớn đối với khách du lịch. Chẳng vì thế mà chỉ sau hơn 4 tháng đi vào hoạt động (từ tháng 1/02/2003 đến 9/06/2003). Hệ thống cáp treo, đã đón trên 153.000 lượt khách quốc tế và nội địa, đạt doanh thu 5 tỷ 470 triệu đồng, bình quân mỗi ngày đạt 42,4 triệu đồng. Thành công bước đầu này cho phép Lâm Đồng tự tin khi tiếp tục đầu tư để mở rộng hoạt động tại khu du lịch cáp treo Đà Lạt. Theo kế hoạch đã xây dựng: Sau khi hoàn thiện công tác xây dựng ở ga đến, ngoài việc làm phong phú thêm dịch vụ ẩm thực, vui chơi giải trí tại các ga, khu du lịch cáp treo Đà Lạt sẽ tổ chức biểu diễn văn nghệ dân tộc vào lúc 19h - 22h hàng đêm tại nhà ga đi, ga đến để phục vụ khách du lịch, đồng thời tổ chức thêm loại hình cà phê cabin về đêm. Thực tế đã chứng tỏ rằng cáp treo Đà Lạt đã thực sự trở thành điểm dừng chân lý tưởng của khách du lịch khi đến với thành phố cao nguyên xinh đẹp này.

Sắp tới, tỉnh Lâm Đồng dự kiến sẽ tiếp tục xây dựng ga dưới thành phố một khu du lịch sinh thái và thi công tiếp hệ thống cáp treo băng qua mặt hồ Tuyền Lâm vào các khu

du lịch, để du khách không những được thưởng thức cái thú ngắm nhìn thành phố với đồi núi chập chùng từ trên cao, mà còn được chiêm ngưỡng mặt hồ Tuyền Lâm xanh biếc đẹp tuyệt vời của xứ sở ngàn thông...



CÁC DINH THỰ Ở ĐÀ LẠT

DINH I

Theo con đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba Trại Lâm rẫy phải, đi trên con đường rợp bóng thông mát rượi du khách sẽ đặt chân đến Dinh I có diện tích khoảng 60ha với những hàng bạch dương thân trắng muốt chạy thẳng tắp hai hàng bên cạnh những vườn hoa, cây cảnh được bố trí đối xứng làm nổi bật cả một khu dinh thự sang trọng. Nơi đây trước kia vốn là “tổng hành dinh” của cựu hoàng Bảo Đại. Năm 1950, trước khi ký Dụ số 06 và sắc lệnh 03QT/TD thiết lập “Hoàng triều cương thổ”, Bảo Đại đã quyết định bỏ ra 500.000đ tiền Đông Dương để mua lại dinh thự này của một người Pháp tên là Paul Dry nhằm có nơi làm việc cho các Quan trong triều Nguyễn.



Năm 1956, Ngô Đình Diệm “hất cẳng” Bảo Đại lên làm Tổng thống chế độ Sài Gòn, ngay lập tức việc tịch thu tài sản của Bảo Đại và được tiến

hành một cách khẩn trương. Đến cuối năm 1958, việc “thay ngôi đổi chủ” mới xong về cơ bản. Dinh I được dành riêng cho Tổng thống. Dinh II trước đây Toàn quyền Đông Dương sử dụng làm “Dinh thự mùa hè” được giao về cho vợ chồng cố vấn Ngô Đình Nhu - Trần Lệ Xuân. Còn Dinh III (Biệt điện

Bảo Đại) thì được dùng làm nơi tiếp các quan khách cấp cao của Tổng thống mỗi khi đi công cán hoặc có dịp viếng thăm Đà Lạt.

Sau khi Phạm Phú Quốc ném bom Dinh Độc Lập, Ngô Đình Diệm hoảng quá bèn cho gọi nhà thầu Phan Xứng đến ra lệnh đổ bê tông và xây dựng lại đường hầm bí mật ngay trong Dinh I để có thể thoát thân khi chẳng may xảy ra bất trắc do “đảo chính”. Đường hầm bí mật nói trên được xây dựng từ tầng 2 của Dinh, có tam cấp đi xuống phòng làm việc, phòng khách, rồi ra tận sân sau để đến bãi đáp trực thăng. Nhằm đảm bảo “tuyệt mật”, Ngô Đình Diệm đã cho xây cửa vào đường hầm ngay cạnh đầu giường trong phòng ngủ của ông ta. Phía trước được ngụy trang bằng một giá sách, chỉ cần đẩy nhẹ sang một bên là có thể bước vào cửa sắt dẫn xuống đường hầm. Nếu đi từ phía toilette thì chỉ cần đẩy êm bức vách là có thể bước ngay vào miệng đường hầm bí mật. Khi nào cũng vậy, vừa đặt chân đến Dinh I thì công việc đầu tiên của Ngô Đình Diệm là xuống kiểm tra sự an toàn của đường hầm bí mật nói trên. Phía dưới đường hầm được chia làm 3 phòng: Phòng làm việc và nghỉ ngơi của Tổng thống, phòng điện đài cơ yếu và phòng bảo vệ. Có máy phát điện liên tục 24/24 và toàn bộ đều được điều khiển tự động. Năm 1963, sau ngày Ngô Đình Diệm bị giết, dinh thự này tiếp tục được dùng làm nơi nghỉ mát của mấy đời “nguyên thủ quốc gia” chế độ Sài Gòn.

Sau năm 1975, Dinh I do Trung ương quản lý. Sau đó, được giao về cho Cty Du lịch Lâm Đồng đưa vào liên doanh với Cty DRI. Những năm gần đây, Dinh I được sửa sang, tôn tạo lại và cho phép mở cửa để đón du khách vào tham quan.

DINH II



Nằm trên đường Trần Hưng Đạo, giữa rừng thông xanh, ngút ngàn và con đường dẫn vào dinh vòng vèo, đẹp tựa hồ tranh vẽ. Đây là nơi nghỉ mát và làm việc của nhiều đời Toàn quyền Đông Dương vào dịp xuân, hè. Dinh II được khởi công xây dựng vào năm 1937. Theo các tài liệu còn để lại thì đây là một trong những công trình độc đáo của kiến trúc sư người Pháp tên là Hébrard. Tuy nhiên, lại có ý kiến cho rằng công trình này do các kiến trúc sư A. Léonard, P. Veysser và A. T. Kruze thiết kế.

Mỗi khi có dịp ghé thăm Dinh II, điều khiến nhiều du khách mãi mê ngắm nhìn là toà dinh thự được thiết kế theo lối kiến trúc cổ điển kết hợp với hiện đại, nằm trên một quả đồi cao 1.539m so với mặt biển, giữa rừng thông thơ mộng. Nhưng ít ai ngờ rằng đây không chỉ là nơi trú ngụ trong dịp xuân hè của 3 đời Toàn quyền Đông Dương: Brévie, Catroux, Decoux, mà còn là nơi ẩn nấp của cả vợ chồng cố vấn Ngô Đình Nhu - Trần Lệ Xuân và tướng Nguyễn Khánh của chế độ Sài Gòn trong những giờ phút nguy nan nhất.

Bước vào toà dinh thự, điều khiến ta chú ý đầu tiên là tấm bình phong có từ thời Tự Đức bên trên có khắc 22 bài thơ Đường luật bằng chữ Hán với nội dung và bút pháp khá tuyệt vời; trong đó có 18 bài thơ của Tự Đức, 4 bài thơ của các tác giả nổi tiếng như: Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương... Một số cụ già từng làm quan trong triều Nguyễn kể rằng: Sau khi Dinh II được xây dựng xong, Bảo Đại đã quyết định cho chuyển tấm bình phong ấy từ thành nội vào đây nhằm làm đẹp lòng Toàn quyền Đông Dương nhân dịp khánh thành.



Nhưng một số người khác thì bảo, trong thời gian nắm quyền và lưu trú ở Dinh II Ngô Đình Nhu đã cho lấy tấm bình phong ấy từ Huế mang vào Đà Lạt làm vật trang trí cho ra vẻ cung điện của một đấng “con trời”!. Tuy nhiên, điều khiến ta chú ý hơn là trên tường trong Dinh có gắn bức hoạ “Tráng sĩ mài gương” gợi nhớ một sự kiện bi hùng của tráng sĩ Đặng Dung thời nhà Trần làm cho giấc phải kính cẩn nghiêng mình. Bức phù điêu “Nàng chinh phu” khắc hoạ hình ảnh người thiếu phụ nổi bật phía trước là con chiến mã xa mờ như toát lên tiếng khóc ai oán của người phụ nữ trong thời buổi chiến tranh ly loạn. Tấm phù điêu với cha con Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi: Kẻ bất khuất dù phải chịu gông cùm nhưng vẫn nhìn thẳng vào kẻ thù, người ung dung ngồi viết “Bình Ngô đại cáo”, một lòng xả thân vì nước.

Thế nhưng điều nghịch lý là cũng chính tại nơi đây đã từng phải chứng kiến bao cuộc họp bàn mưu, định kế của những kẻ cướp nước và bán nước; nơi hội ngộ giữa chính nghĩa với gian tà, giữa anh hùng với phản tặc, giữa quân tử

với tiểu nhân bên chiếc bàn vô cảm. Đó là cuộc gặp mặt đầu tiên giữa Cao ủy Pháp D'Argenlieu với 2 phái đoàn Pháp và Việt Nam để bàn định về hội nghị trù bị Đà Lạt vào chiều ngày 18/4/1946 để đàm phán về chương trình nghị sự diễn ra tại Lycée Yersin nhằm quyết định vận mệnh đất nước Việt Nam trong giờ phút “ngàn cân treo sợi tóc”!.

Sau năm 1975, Dinh II được giao về cho Công ty Phát triển Kinh tế Lâm Đồng (EDC) khai thác và kinh doanh du lịch. Sau đó Dinh được sử dụng làm nhà khách của UBND tỉnh. Có thể nói Dinh II là một trong những công trình kiến trúc đẹp của Đà Lạt mang nhiều dấu ấn gắn liền với lịch sử biến động của đất nước.



DINH III

 Nằm trên ngọn đồi cao, ẩn hiện giữa rừng thông xanh biếc và mặc dù đã được xây dựng cách đây hơn nửa thế kỷ (1933) và khánh thành vào năm 1938, ngôi Dinh III vẫn còn đó những nét độc đáo gợi cho ta nhớ lại hình ảnh một vương triều nhưng gấm của vị vua cuối cùng của đất nước Việt Nam thuở nào. Chính vì vậy ngoài cái tên Dinh III nơi đây còn được gọi là Biệt điện Bảo Đại.

Sau khi Toàn quyền Đông Dương có Nghị định thành lập tỉnh Lang Biang vào ngày 06/01/1916, thì ngày 20/04/1916 Hội đồng Nhiếp chính vua Duy Tân đã ban hành Dụ thành lập Thị tứ Đà Lạt. Năm 1917, ông Đoàn Đình Duyệt - Thượng thư bộ Công của triều đình Huế được cử vào Đà Lạt để nghiên cứu nhằm xây dựng một hành cung cho nhà vua. Thế nhưng,



phải mất đến 16 năm, năm 1933 mới chọn được một nơi ưng ý có “long châu hổ phục” nhằm xây dựng Biệt điện cho Cựu hoàng Bảo Đại. Một số người kể rằng Dinh III do một kiến trúc sư người Pháp và Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát thiết kế, nhưng có người lại bảo công trình này là do một mình Kiến trúc sư người Pháp làm (?). Tuy nhiên, cho dù ai thiết kế cũng phải thừa nhận Dinh III có một lối kiến trúc khá đẹp đẽ và hiện đại. Vườn thượng uyển, vườn hoa cây cảnh được bố trí một cách hài hoà. Hoa cỏ, cây cối được cắt tỉa cẩn thận và cho hoa quanh năm. Phía sau Dinh còn có một vườn hoa nhỏ theo kiểu các cung điện ở Pháp. Ẩn dưới tán rừng thông và xen lẫn giữa các thảm cỏ là những con đường quanh co uốn khúc lượn chạy quanh Dinh, khiến cho toà dinh thự càng thêm thơ mộng và lãng mạn. Nhiều nhà kiến trúc cho rằng Dinh III là một trong những công trình chịu ảnh hưởng của trào lưu cách tân về kiến trúc ở châu Âu. Tương tự như Dinh II, Dinh III là một công trình kiến trúc đồ sộ với mái bằng và các hình khối, nhưng không đăng đối một cách cứng nhắc. Mọi thứ đều được bố trí một cách hài hoà và hợp lý: Cửa chính diện rộng vừa phải (khoảng 4m) có sảnh trước khi vào tầng trệt là phòng tiếp tân và các phòng làm việc. Bên phải là văn phòng của vua Bảo Đại và thư viện; bên trái là phòng họp và các phòng làm việc khác; phía trong cùng là phòng giải trí, phòng ăn...Toàn bộ tầng 2 của Dinh được dùng cho sinh hoạt gia đình của Cựu hoàng Bảo Đại gồm: phòng ngủ của nhà vua và Hoàng hậu Nam Phương, phòng của Hoàng tử Bảo Long và các Công chúa: Phương Mai, Phương Dung, Phương Liên. Thường thì hàng năm vào dịp xuân hè Hoàng hậu Nam

Phượng và các Công chúa, Hoàng tử mới có dịp vào Đà Lạt để thăm Cựu hoàng Bảo Đại.

Tuy nhiên, có điều còn ít người biết là từ sau khi xây dựng xong Dinh III, Vua Bảo Đại rất ít khi về triều đình Huế mà ở lì tại ngôi Dinh này nhằm tận hưởng cái thú rượu ngon, gái đẹp và khung cảnh thơ mộng hữu tình. Chính tại nơi đây đã diễn ra nhiều cuộc tình trăng gió giữa Bảo Đại với các người đẹp: Mộng Diệp, Phi Ánh, Genie...và cả với Trần Lệ Xuân lúc “thất thời, lỡ vận” phải phiêu bạt lên “xứ hoa đào” và chưa trở thành “Bà cố vấn”. Từ sau ngày Hoàng hậu Nam phượng đưa các con sang Pháp định cư (1950 - 1954) thì Bảo Đại hầu như “cắm cung” tại Biệt điện Đà Lạt để vui hưởng lạc thú. Năm 1955 sau khi “hất cẳng” Bảo Đại, Ngô Đình Diệm đã dùng Dinh III làm nơi tiếp quốc khách. Sau năm 1963, Biệt điện Bảo Đại trở thành nơi nghỉ mát của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu với vợ con và với cả người tình trong mỗi dịp xuân, hè.

Năm 1975, Dinh 3 trở thành nhà khách Trung ương và sau đó được giao về cho Công ty Phát triển Kinh tế Lâm Đồng quản lý. Hiện tại Dinh III được giao cho Công ty Xuân Hương khai thác, kinh doanh du lịch. Ngày nay nếu có dịp đến thăm Dinh III du khách sẽ thấy hết vẻ đẹp thơ mộng và những nét kiến trúc sắc sảo độc đáo của nó để càng thêm tự hào về sự tài giỏi của những người thợ kiến trúc Việt Nam xưa.

HỒ ĐẠ TỄ

Lặng lẽ soi bóng thời gian

Tĩnh lặng giữa bốn bề rừng xanh thâm u, bất chợt bắt gặp một hồ nước trong veo mờ mờ đến ngút tầm mắt. Trên mặt hồ trong xanh làm gương soi, lúc đục một vài chiếc thuyền câu lặng lẽ soi bóng. Và cũng bất chợt từ xa vọng lại tiếng hò khoan nhật trên mặt hồ gương soi. Hồ Đạ Tẻh lặng lẽ giữa đại ngàn, lặng lẽ soi bóng thời gian...



Đạ Tẻh là một trong ba huyện phía nam của tỉnh Lâm Đồng. Từ Đà Lạt, nơi có khí hậu quanh năm mát mẻ, “hạ sơn” khoảng 160km trên trục đường 20 về Sài Gòn là du khách buộc phải chấp nhận cái nắng nóng đến cháy thịt da của khí hậu Đông Nam Bộ. Để tạm quên cái nắng nóng ấy, mời bạn đến với hồ Đạ Tẻh. Và nếu đang trong hành trình đến với vùng đất cổ Cát Tiên thăm thú thánh địa Phù Nam thì việc nghỉ chân giữa chặng tại Đạ Tẻh để du ngoạn trên hồ là việc làm hết sức lý thú. Tại đây, chắc chắn du khách sẽ khám phá thêm nhiều điều bí ẩn của một vùng đất vốn mang nhiều huyền thoại này.

Đạ Tẻh vốn là “Vùng 3” anh dũng kiên cường trong hai cuộc kháng chiến. Đạ Tẻh còn là tên gọi chung của miền đất phía nam tỉnh Lâm Đồng từ sau ngày giải phóng. Vào những năm 80, tuy được tách thêm thành hai huyện mới là Đạ Huoai và Cát Tiên nhưng “Vùng 3” trong lịch sử vẫn là vùng phụ cận của “vương quốc Mạ” khá phát triển và ấp đầy huyền thoại. Từ ngã ba Mađagui (Đạ Huoai), trên đường vào

với thánh địa Cát Tiên, đi khoảng 24km là bắt gặp “tạm dừng chân” giữa chặng: Trung tâm huyện Đạ Tẻh. Từ trung tâm này, rẽ phải đi về hướng đông bắc khoảng 9km, du khách sẽ lọt vào những khu rừng già ngút tầm mắt. Và bất chợt giữa bốn bề núi non ấy bỗng mở ra một không gian thoáng đãng với một hồ nước trong xanh đến ngỡ ngàng như trong chuyện cổ tích. Hồ Đạ Tẻh là nơi hợp lưu của nhiều con suối nhỏ trong vùng trước khi đổ ra dòng sông Đồng Nai. Sau khi tách huyện, vào những năm đầu của thập kỷ 90, hồ Đạ Tẻh được khởi công xây dựng và được đưa vào sử dụng năm 1997. Lúc đó, đây là công trình thủy lợi “3 nhất” của tỉnh Lâm Đồng: nguồn vốn đầu tư lớn nhất, công trình thủy lợi hoàn chỉnh nhất và hiệu quả kinh tế mang lại cao nhất. Và, đặc biệt hơn, việc xây dựng tại đây một công trình thủy lợi “3 nhất” còn có giá trị là “tiếng pháo lệnh” khai mào cho việc khai thác tiềm năng du lịch của vùng đất vốn thuần nông nghiệp Đạ Tẻh. Hồ Đạ Tẻh với diện tích rộng trên 21.000ha có thể sánh với các điểm du lịch hồ khá nổi tiếng của Lâm Đồng như Tuyên Lâm, Xuân Hương (Đà Lạt) hay Nam Phương Hoàng Hậu (Bảo Lộc)... nhưng vẫn còn nguyên nét hoang sơ tuyệt mỹ - điều làm cho du khách vô cùng thích thú. Từ đầu hồ đi về phía cuối hồ bằng ca nô thì phải mất gần hai tiếng đồng hồ, nhưng hình thức bơi thuyền chầm chậm trên mặt nước tĩnh lặng vẫn là cái thú mà nhiều du khách đã chọn lựa khi đến với hồ Đạ Tẻh. Từ mặt chính của hồ Đạ Tẻh, đi theo hướng tây bắc, sau khoảng một tiếng đồng hồ, du khách có thể chạm chân lên vùng rừng thuộc rừng cấm Cát Tiên - nơi còn sót lại quần thể tê giác một sừng cuối cùng của Việt Nam. Hoặc cũng có thể, trong những dịp lễ tết, đến với “Vùng 3” anh dũng năm xưa,

bạn sẽ được chứng kiến cảnh đua thuyền khá độc đáo và vô cùng hào hứng của người dân tộc thiểu số ở Đa Tẻ. Không giống như ghe thuyền của người Việt nói riêng và nhiều tộc người khác ở Việt Nam nói chung, thuyền đua của người Mạ ở đây là thuyền độc mộc - loại thuyền được làm từ duy nhất một thân cây gỗ rừng thuộc loại quý hiếm.

Và, điều thú vị nhất khi đến với điểm du lịch còn rất hoang sơ hồ Đa Tẻ có lẽ là sau một ngày bơi thuyền thỏa thích, khi chiều xuống, ghé lên bờ để đến với các buôn làng người Mạ - tộc người chủ nhân của vùng đất này, du khách sẽ được đắm mình trong làn điệu tâm pốt ngọt ngào hoặc lảnh lông giao duyên cùng với yal yau xa vắng (những thể loại dân ca của người Mạ). Và trong tất cả những “câu chuyện kể” thông qua các làn điệu ấy, du khách trong đêm lửa bập bùng bên nhà sàn của người dân tộc thiểu số ven hồ nước tĩnh lặng ấy sẽ nhận ra vị thần tình yêu của một trong những bộ tộc chủ nhân của vùng rừng núi Nam Tây Nguyên - vị thần tình yêu đó là Ka Yiêng, người con gái xinh đẹp của đấng siêu nhiên. Chuyện kể của các già làng người Mạ bao giờ cũng bắt đầu bằng câu “Ngày xưa ngày xưa...”, rằng: Thuở ấy, lâu lắm rồi, bên dòng sông Đồng Nai, bên những con suối cạn hợp thành hồ Đa Tẻ này, buôn trên làng dưới của người Mạ vốn rất yên bình, không có người thù hận nhau và con người cùng muông thú cùng chung sống trong hòa bình. Bỗng một ngày nọ, thần Chà - vị thần ác của người Mạ - nổi cơn giận dữ làm cho nước sông Đồng Nai dậy sóng, làm cho những con suối cạn nơi đây đầy nước. Nước dâng cao, sóng dữ gầm thét. Nước và sóng ngập dần từ bụng người đến cổ người, rồi ngập lụt đầu và dâng cao mãi, cao mãi. Tất cả đều nhấn chìm trong

nước. Tất cả nhà cửa, cây cối... đều bị sóng đánh sập và cuốn trôi ra biển cả mênh mông. Thú vật trên rừng chết. Con người trong các buôn làng cũng chết. Và, trong chới với giữa sóng nước mênh mông, chàng trai trẻ dũng mạnh nhất buôn làng của người Mạ cũng đang có nguy cơ bị cuốn trôi về biển. Muông thú tìm cách cứu chàng nhưng không cứu được. Dân làng lại càng tìm cách cứu chàng nhưng vẫn không cứu được. Chàng chới với giữa dòng với tiếng thét thất thanh. Tiếng thét chạm đến “cửa trời”. Tiếng thét làm cho nàng Ka Yiêng - người con gái của đấng tối cao - giật nảy mình. Từ trên trời nhìn xuống, Ka Yiêng không tin vào mắt mình: Người yêu của nàng đang lâm nạn. Cả dân làng người Mạ cũng đang lâm nạn! Không thể chần chừ được nữa, Ka Yiêng xin phép cha xuống trần cứu người yêu và cứu dân làng. Cha nàng nói: “Nếu ra tay lần này thì khi về trời, con vĩnh viễn không bao giờ trở lại trần gian để gặp người yêu được nữa!”. Nàng chấp nhận tất cả, miễn là cứu được người yêu, cứu được dân làng. Nhận lưỡi gươm thiêng từ cha - vị thần tối cao, Ka Yiêng ngay lập tức xuống trần. Lưỡi gươm thiêng của nàng vung đến đâu thì sóng yên gió lặng đến đó. Vị thần Chà đành phải rút lui. Người yêu của nàng và cộng đồng người Mạ ở đây đã được nàng cứu thoát. Nhưng, tất cả đã bị san bằng. Khi thần Chà rút lui, nàng Ka Yiêng bắt đầu dựng lại làng, trồng lại rừng... bằng lưỡi gươm thiêng của mình. Lưỡi gươm thiêng của Ka Yiêng cũng làm nên những con suối, những dòng sông... cho người Mạ. Dấu tích của nó bây giờ là dòng sông Đồng Nai, là những con suối nhỏ ven hồ Đa Tẻ. Xong việc, Ka Yiêng trao lại lưỡi gươm thiêng cho người yêu và trở về trời, và vĩnh viễn không bao giờ trở lại trần gian. Lưỡi gươm thiêng ấy của

nàng đã được người Mạ cất giữ trong một khu rừng thiêng không dấu chân người. Tưởng nhớ nàng, ngày nay, người Mạ ở đây vẫn chọn một ngày trời yên, sóng lặng để ra bờ sông Đồng Nai hoặc ven những con suối cạn làm lễ cúng Yàng (Yàng ở đây được hiểu là thế lực siêu nhiên)...

Câu chuyện đầy tính huyền thoại ấy sẽ ru ta vào giấc ngủ say ngay bên bếp lửa nhà sàn bập bùng, bập bùng. Sáng mai thức dậy, già làng - người kể câu chuyện ấy - vẫn còn ngồi yên phắc trên sàn nhà như một pho tượng thời gian. Và khi ngược nhìn ra cửa, ta lại bất gặp một mặt hồ bóng như gương soi và soi cả thời gian, soi vào lịch sử của một bộ tộc người thiểu số ở miền đất cực Nam Tây Nguyên: tộc người Mạ.



HỒ ĐANKIA - SUỐI VÀNG



Cách đây 110 năm Bác sĩ A. Yersin - người khai sinh thành phố Đà Lạt đã từng ngất ngây trước vẻ đẹp hoang dã và hùng vĩ của thắng cảnh thơ mộng này. Trong hồi ký của mình, ông đã từng viết: *“Je traversais le plateau dans toute sa largeur, pour atteindre le village moi de Dankia si heureusement situé sur le bord de la grande rivière, la Da Dong et au pied même du massif du Lang Biang qui domine le plateau avec ses 2.100 mètres d'altitude”*: “Tôi đã đi qua suốt bề ngang của cao nguyên để đến làng Thượng Đan Kia, may mắn biết chừng nào ở ngay bên bờ sông lớn, sông Đa Đồng ngay dưới chân rặng Lang Biang làm nổi bật cao nguyên với độ cao 2.100m”.

Hôm nay, chỉ cần vượt qua con đường nhựa dài khoảng 20km về hướng Tây Bắc của thành phố, du khách sẽ đến được Đan Kia - Suối Vàng. Tại đây, có thể nhìn thấy thấp thoáng xa xa những quả đồi thông xanh mơn xen lẫn với những khu rừng già nguyên sinh ẩn chứa nhiều động vật và thực vật hoang dã quý hiếm. Trên cao, hai ngọn núi Lang Biang sừng sững phôi gan cùng tuế nguyệt. Phía dưới dòng suối trong vắt chảy lững lờ, uốn lượn qua những quả đồi thoải thoải. Thật là một khung cảnh thơ mộng, hữu tình. Nhưng cái tên “Suối Vàng” có từ bao giờ và do ai đặt thì cho đến nay vẫn chưa ai biết. Nhiều người kể rằng, lúc trước tại dòng suối này có rất nhiều vàng non sa khoáng lẫn trong cát và người ta đã đào được nên mới đặt cho nó cái tên “Suối Vàng”(?).

Tuy nhiên, có điều ta có thể nhìn thấy rõ: Ngay bên dưới Suối Vàng là hồ Đan Kia với 2 hồ: Đan Kia ở trên và

Ankroet ở dưới. Hồ Đan Kia được tạo thành bởi 2 con đập ngăn dòng chảy của sông Đa Đờn phát nguyên từ núi Lang Biang. Thác Ankroet là nơi được Toàn quyền Đông Dương chọn xây dựng nhà máy thủy điện đầu tiên của Đà Lạt vào năm 1942. Hồ Đan Kia có sức chứa khoảng 21 triệu m³ nước. Ngoài việc cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân Đà Lạt, nước hồ còn được dùng để chạy thủy điện Ankroet. Từ sau ngày giải phóng Vương quốc Đan Mạch đã tài trợ lắp đặt một nhà máy cấp nước khá hiện đại cho nhân dân Đà Lạt tại Đan Kia.

Cuối năm 1991, một phái đoàn quan chức đầu ngành: Thương mại, du lịch, dịch vụ của Singapore đã đến thăm Đà Lạt và đi tìm hiểu vùng Suối Vàng - Đan Kia. Sau một ngày lội rừng, thám sát thực tế, ghi chép cẩn thận, một tờ trình được gửi lên Chính phủ Singapore đề nghị: Cho phép xúc tiến ngay việc liên doanh đầu tư xây dựng một khu du lịch nghỉ dưỡng tại vùng Đan Kia, Đà Lạt. Bởi lẽ, mấy năm qua các nhà làm du lịch Singapore đã bỏ biết bao công sức tìm kiếm một vùng cao nguyên xinh đẹp, hoang dã ở Malaysia, Thái Lan, Philippines...nhằm khép kín các “tour” du lịch biển - miền núi để phục vụ du khách, nhưng chưa có nơi nào đáp ứng được yêu cầu về: Khí hậu, nguồn nước, thảm động thực vật và khung cảnh thiên nhiên như vùng Suối Vàng - Đan Kia của Đà Lạt - Lâm Đồng. Nếu được đầu tư đúng mức, Đan Kia sẽ trở thành một khu du lịch sinh thái hấp dẫn hơn nhiều so với Đà Lạt.

Dự án “Dankia Resort” ra đời do 3 Công ty kinh doanh, thương mại, du lịch, dịch vụ hàng đầu của Singapore liên doanh với Công ty Du lịch Lâm Đồng được đệ trình lên

Chính phủ Việt Nam. Năm 1997, sau khi xem xét kỹ lưỡng lần cuối, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chính thức chấp nhận cho việc đầu tư xây dựng khu du lịch Đan Kia lớn nhất nước với tổng vốn lên đến hơn 700 triệu USD (không kể các hạng mục khác). Thời hạn liên doanh là 70 năm.

Đầu xuân 1998, Dalat Dankia Holding PTE Ltd. Chính thức chào đời. Theo dự kiến, trong tương lai một trung tâm giải trí lớn sẽ được xây dựng dọc bên hồ Đan Kia với diện tích chừng 5.000 ha. Một khách sạn khoảng 250 phòng dành cho khách du lịch sẽ được xây dựng. Bên cạnh đó, còn có một trung tâm thương mại có đủ: Nhà hàng, tiệm bán tạp hoá, quần áo thể thao, tặng phẩm, sách báo, máy chụp hình, cho thuê Video, phòng chơi điện tử, tiệm bán rượu, cho mượn xe đạp và cả ngân hàng. Đồng thời, một quảng trường sẽ ra đời để công chúng có nơi hội họp và tổ chức các sinh hoạt ngoài trời. Một bến tàu với các dịch vụ đưa thuyền buồm, lướt ván trên mặt hồ, phòng thông tin liên lạc viễn thông quốc tế, nhà thờ dành cho tôn giáo, ban an ninh, phòng cứu hoả, trạm y tế cũng sẽ được xây dựng. Câu lạc bộ chơi golf với sân golf 18 lỗ tiêu chuẩn quốc tế có đầy đủ tiện nghi để có thể tổ chức các giải thi đấu lớn sẽ được thực hiện. Ngoài ra, còn có một trung tâm kỳ mã dành cho du khách tổ chức các cuộc đua ngựa, cưỡi ngựa du ngoạn được đặt gần các đường mòn. Từ đây, người cưỡi ngựa có thể đi lại trong phạm vi khu vực được mở mang nối liền với các thành phần khác trong một khu giải trí được bao bọc bởi rừng thông, nhằm tạo cho du khách cảm giác mạo hiểm nhưng không gây xáo trộn cho rừng cảnh quan.

Khi xây dựng trung tâm giải trí sẽ có thêm các điểm cắm trại, bến tàu nhỏ để phục vụ du khách và người dân địa phương. Các kiểu nhà nông thôn cho thuê, quán trọ ngoài rừng có phòng ngủ cho khách cũng sẽ được xây dựng. Trên đỉnh núi Lang Biang sẽ là nơi tổ chức các cuộc nhảy dù màu để du khách có thể chiêm ngưỡng toàn cảnh xinh đẹp hùng vĩ của cao nguyên từ trên không. Những đường cáp treo, xe chạy trên đường 1 ray sẽ đưa du khách đi tham quan từ đỉnh đồi này sang đỉnh đồi khác. Điều đáng lưu ý là trong khu giải trí sẽ xuất hiện các kiểu nhà khác nhau, kể cả biệt thự dành cho du khách cũng phải theo một kiểu thiết kế đặc biệt của khu du lịch, phản ánh nét kiến trúc theo kiểu núi rừng miền Alpes. Mọi vật liệu, màu sắc, hiện vật trưng bày ngoài đường phố, cây cỏ cũng khác hẳn những nơi khác. Trên các thủy trình của hồ sẽ có trạm nghỉ để du khách dùng cơm, mua hàng và tham gia các sinh hoạt giống như một số khu giải trí ở Thụy Sĩ hoặc hồ Wakatipu ở Tân Tây Lan.

Giai đoạn một của dự án bao gồm việc xây dựng cơ sở hạ tầng: Giao thông, điện nước, viễn thông, truyền hình và một vài dịch vụ khác để đưa vào sử dụng. Một đường cáp treo dài 2km từ đỉnh đồi Rada của núi Lang Biang xuống khu vực trung tâm hồ cũng sẽ được xây dựng. Để tiện việc đi lại cho khách du lịch, một con đường lát nhựa dài 18 km chạy từ sân bay Cam Ly đến Đan Kia sẽ được thi công. Riêng sân bay Liên Khương, theo dự án sẽ được mở rộng đường băng thêm 800m nữa với kinh phí dự trù hơn 10 tỉ đồng nhằm mở đường bay trực tiếp từ Singapore đến Đà Lạt để khách du lịch quốc tế khỏi phải mất thời gian trung chuyển ở sân bay Tân Sơn Nhất (Tp. Hồ Chí Minh)...

Dự án xây dựng khu nghỉ mát Đan Kia thật hấp dẫn và lý thú, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khách quan nên đến nay (năm 2003) vẫn chưa thể triển khai được. Đứng trước tình hình đó, trong năm 2002 chính quyền địa phương đã cho đầu tư hàng chục tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông từ Đà Lạt vào Đan Kia khá khang trang nhằm tạo điều kiện cho Dự án “Dankia Resort” biến thành hiện thực. Ngoài ra, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam cũng đã quyết định đầu tư xây dựng một đường băng mới và nâng cấp sân bay Liên Khương để đến năm 2005 có thể tiếp nhận được máy bay cỡ lớn và mở đường bay trực tiếp đi nước ngoài. Hy vọng rằng trong tương lai “nàng sơn nữ” Dankia sẽ được đánh thức và hoá thân thành một trong những bông hoa xinh đẹp nhất vùng Đông Nam Á .



NÚI LANG BIANG (NÚI BÀ)

 Khi lần đặt chân đến cửa ngõ thành phố hoa du khách đã nhìn thấy hai ngọn núi sừng sững nhô lên trời bầu trời xanh thẳm như bộ ngực căng đầy nhựa sống của một thiếu nữ nằm ngấm nhìn trời mây non nước. Đó chính là núi Lang Biang mà người dân Đà Lạt quen gọi là “Núi Bà”. Núi Lang Biang cao 2.189m cùng với dãy Bidoup (cao 2.278m) án ngữ ở phía Tây Bắc của thành phố .

Du khách nhìn từ Đà Lạt ngỡ rằng hai đỉnh núi Lang Biang liền nhau, có thể đi từ đỉnh núi này sang đỉnh núi kia, nhưng sự thật lại khác. Hai đỉnh núi này đi theo hai con đường khác nhau: Một theo hướng Lạc Dương, một theo ngã Thái Phiên. Hồi trước nối liền 2 đỉnh núi có một con đường mòn quanh co đi qua một thung lũng, nhưng bây giờ đã bị cây rừng phủ kín. Núi Lang Biang hiện nay ẩn chứa cả một kho tàng động thực vật phong phú, với những loài cây rất to như: Chò sót, chò nước, pơmu, cùng nhiều loại gỗ quý khác như: Thông nạng, thông trầm, thông 5 lá, ngo tùng... Đặc biệt, còn có loại thông 2 lá dẹt được coi là một trong những loài cây quý hiếm



của Việt Nam và thế giới. Thông 2 lá dẹt ở đây có chiều cao lên tới 20 - 30m, đường kính gốc có cây lên tới 4m. Trên núi Lang Biang du khách còn có thể bắt gặp nhiều loài động vật hoang dã khác như: Nhen, vượn, khỉ, sóc đen, sóc vàng lưng, chó sói, chồn hương, gấu chó, nai cà tong, nai xám, hươu vàng, cheo, hoẵng, heo rừng... Ngoài ra, còn có cả cọp, báo, bò rừng, sơn dương, bò *bang ten*... Theo các nhà nghiên cứu thực vật, thì núi Lang Biang hiện có ít nhất 34 loài chim như: Bách thanh, Sáo sậu, cu gáy, gà gô, bìm bịp, chèo bẻo, gõ kiến xanh, bạc má bụng vàng, gõ kiến bụng hung... Bên cạnh đó còn có cả một kho tàng về lan, nhiều nhất là phong lan như: Hoàng phi hạc, Thủy tiên trắng, Kim điệp, Long tu, Phi long, Ý thảo, Giả hạc, Bàu rượu, Bàu tiên, Tuyết nhung, Giáng thu... Trong vòng 30 năm (từ 1900- 1930) một công cuộc sưu tầm về lan ở núi Lang Biang đã được thực hiện bởi nhiều nhà sưu tầm lan tài tử, đa số là quân nhân Pháp. Nhiều mẫu lan của núi rừng Lang Biang đã được gửi về Paris. Đặc biệt, trong số đó có nhà sưu tầm Eugène Poilane đã đi hầu như khắp cao nguyên Lang Biang và gửi về Paris một số lượng lớn. Sau đó Boden Kloss, Ridley cũng đã đến vùng núi Lang Biang và đưa lan rừng về trưng bày tại Viện Bảo tàng Anh quốc vào năm 1921.

Điều đáng chú ý là hiện nay núi Lang Biang cùng với những truyền thuyết của nó đã ánh lên niềm mong ước về sự thống nhất giữa các bộ tộc thiểu số cũng như tình yêu thủy chung, son sắt của họ.

Ngày xưa, ở vùng La Ngư Thượng tức Đà Lạt bây giờ, đất đai rất phì nhiêu, cây cỏ tốt tươi và quanh năm khí hậu lúc nào cũng ngọt ngào như mùa thu. Thuở ấy, các bộ tộc thiểu số

thỉnh thoảng vẫn thường xảy ra những cuộc tranh chấp về vùng đất, vùng đồi hoặc phong tục, tập quán. Trên cao nguyên xinh đẹp này có 2 bộ tộc mạnh nhất là Lat và Sré. Bộ tộc Lat có một Tù trưởng khỏe mạnh, đẹp trai, giàu lòng thương người và có tài chinh phục thú rừng, đó là chàng Lang. Một hôm trong buôn làng có 2 con voi đi lạc từ vùng La Ngư Hạ (Đồng Nai ngày nay) lên rất hung dữ, hàng chục người Lat vây hãm mà vẫn không hạ nổi. Khi Lang từ rẫy trở về thấy vậy vội ra hiệu cho mọi người dừng tay, để một mình chàng tìm cách chinh phục. Sau một hồi giao đấu, Lang nắm được đuôi 2 con voi liền cột chặt vào nhau làm chúng không còn đủ sức kháng cự nữa. Chàng bắt cả hai quỳ xuống hàng phục. Lang không đánh đập khi chúng đã thua mà dùng lời ngọt ngào khuyên nhủ: “Mình tha chết cho hai voi, nhưng bây giờ phải về làng cũ kéo lũ làng mong tìm. Từ nay không được phá phách nữa!...”. Hai chú voi cảm động rơi nước mắt, lặng lẽ và ngoan ngoãn bước đi. Từ đó Lang nổi tiếng là một dũng sĩ giàu lòng nhân ái, được cả bộ tộc và cầm thú thương yêu.

Năm tháng dần trời, trải qua 20 mùa rẫy (20 tuổi) Lang đã gửi trái tim mình cho một người con gái của bộ tộc khác là nàng Biang kiều diễm, con gái của Tù trưởng K'Zềnh thuộc bộ tộc Sré. Biang rất xinh đẹp thông minh và khiêm tốn. Những ngày nàng vào rừng hái trái, kết hoa thì thiên nhiên, cây cỏ chừng như tươi vui thắm thiết hơn. Chim rừng xôn xao hót líu lo. Những con thú hiền lành quây quần săn đón nàng. Biang rất xinh đẹp, thông minh và khiêm tốn. Tuy nhiên, cũng chính vì vẻ đẹp rực rỡ đó mà 2 con rắn hổ tinh đem lòng ghen ghét, tìm cách mưu hại Biang. Một hôm lũ làng Sré theo Biang đi hái quả, khi đến thác Đạ tamn'ha

(Datanla) thì 2 con rắn hổ tinh và 7 con chó sói liền chặn đoàn người lại và tấn công. May mà chàng Lang tình cờ đi ngang qua và kịp thời xuất hiện: “Hỡi bọn độc ác, các người không được làm hại người lương thiện !”. Thế rồi, Lang nhảy vào vòng chiến. Cuộc chiến đấu mỗi lúc một ác liệt. Cuồng phong nổi lên dữ dội, cây rừng gãy đổ ào ào. Mặt trời chệch về hướng Tây, xuyên qua kẽ lá làm nổi bật hai cánh tay rắn chắc của người dũng sĩ. Khi 2 con rắn tinh lè lưỡi, nhanh như chớp dũng sĩ Lang dùng xà gạc phớt nhanh vào đó, chúng rú lên thảm thiết. Cuối cùng, chàng đã dùng cung tên bắn vào chúng, hai con rắn tinh và cả bảy chó sói bỏ chạy hoảng loạn làm náo động cả một khu rừng .

Lang đi gọi đoàn người Sré và Biang đến, nàng Biang e lệ cảm ơn chàng. Từ đó, dũng sĩ Lang và nàng Biang xinh đẹp, dịu hiền cảm mến nhau cho dù khác bộ tộc và họ ở cách xa nhau mấy con suối. Những đêm trăng sáng hai người thường hẹn gặp và sánh vai đi dạo trên những quả đồi ở vùng La Ngư Thượng. Mỗi lần như vậy Biang luôn nhắc đến buổi gặp gỡ ở thác Đạ tam n’ha. Tin Biang yêu thương dũng sĩ Lang lan truyền rất nhanh. Chỉ mấy lần trăng tròn các bộ tộc vùng La Ngư Thượng đều hay tin con gái Tù trưởng K’Zềnh sẽ “bắt chồng” là Tù trưởng của bộ tộc Lat. Nhưng đám cưới của Lang và Bian không thành, vì ông K’Zềnh nói: “Bắp (cha) không chấp nhận. Tục lệ của bộ tộc mình không cho phép lấy người Lat. Người Lat không được nhận vào bộ tộc Sré đâu!”. Biang nài nỉ: “Bắp là Tù trưởng, bắp có thể thay đổi tục lệ mà!. Người Lat cũng là người, sao không bắt chồng được?”. Ông K’Zềnh cương quyết:

“Trước đây người Lat và người Sré có thù oán cho nên con gái Sré không được bắt chồng người Lat. Yàng đã ghi trong luật tục, bắt không có quyền thay đổi!”. Biang khóc nức nở: “Nếu vậy Biang không bắt ai làm chồng nữa đâu!. Con sẽ trọn đời ở vậy mang chiếc vòng cầu hôn của Lang”.

Ngày hôm sau, Biang một mình băng rừng, vượt suối để báo tin cho Lang biết đám cưới của họ không thành. Lang buồn rầu nói: “Ta biết hiện nay giữa các bộ tộc có nhiều luật tục vô lý này. Chúng ta phải chống lại kẻ độc ác và những oan nghiệt ấy thôi, vì nó đã làm cho chúng ta đau khổ!”. Biang im lặng cúi đầu. Nước mắt nàng tuôn trào hoà vào những dòng suối, con thác trên cao nguyên khiến chúng gầm réo suốt ngày đêm như khóc than cho mối tình tuyệt vọng của hai người.

Lang và Biang ngồi yên lặng bên nhau trên đỉnh núi hết ngày này sang ngày khác mặc cho đêm xuống, nắng lên, sương tan, bóng xế. Họ quyết định ở bên nhau cho đến chết. Thế rồi, sau một đêm mưa gió bão bùng cả hai đã qua đời. Tin chàng Lang và nàng Biang gục chết bên nhau để phản đối lại luật tục khắt khe và sự thù oán vô cớ giữa hai bộ tộc Lat và Sré chẳng mấy chốc được loan truyền khắp núi rừng vùng La Ngư Thượng. Hai con voi được Lang tha mạng trước đây nghe hung tin vội vã tìm về để đưa tang. Nhưng khi đến khu vực đèo P'renn thì đuối sức và gục chết hoá thành 2 ngọn núi. Cái chết của chàng Lang và nàng Biang khiến các bộ tộc đều thương xót, họ kéo nhau lên núi tìm xác hai người và chôn cất tử tế.

Sau cái chết của Lang và Biang, ông K'Zềnh vô cùng ân hận, bèn đứng lên kêu gọi các bộ tộc Lat, Cill, Sré hợp

nhất thành dân tộc K'ho, xoá bỏ mọi hiềm khích trước đây và cho phép con trai, con gái giữa các bộ tộc được lấy nhau để sinh con đẻ cái. Mọi người quyết định lấy ngọn núi cao và xinh đẹp nhất của vùng cao nguyên này để chôn cất hai người và đặt tên núi là Lang Biang. Từ đó, mỗi năm cứ vào mùa xuân, sau khi thu hoạch lúa các bộ tộc lại tụ họp về đây để cúng tế, ăn trâu, uống rượu cần và đắp mộ cho hai người làm cho núi Lang Biang mỗi ngày một cao hơn và trở thành biểu tượng cho sự hợp nhất, xoá bỏ hận thù của các bộ tộc vùng La Ngư Thượng.

Nhiều già làng người Lat còn kể thêm rằng: Do Yang N'du (thần tạo hoá) cảm thương sự thủy chung của Lang và Biang nên đã sai một vị



thần xuống trần gian chăm sóc cho 2 ngọn núi nói trên. Thần này được đặt tên là thần Lơm Biêng (Lâm Viên). Thần Lơm Biêng đã đắp cao ngọn núi Lang Biang làm trụ trời. Đây cũng chính là nơi định cư cho bộ tộc K'ho - Lat. Ngày nay, một số người Lat kể về sự tích núi Lang Biang thường kể phần hai, tức là phần thần Lơm Biêng xây trụ trời có nhờ hai người bạn giúp sức là ông Khổng lồ (Nhút) cũng là tên một rặng núi tiếp theo rặng Lang Biang (phía trái nhìn từ Đà Lạt - Lạc Dương) và Bidoup, nhưng ông này keo kiệt, tham ăn nên bị thần Lơm Biêng đẩy cho một đạp té xuống gần biển. “Bidoup” theo tiếng dân tộc thiểu số có nghĩa là “té ngã”.

Ngày nay, nếu có dịp du khách đứng trên đỉnh Lang Biang sẽ thấy các “bon” của người Lat, người Cill đang lặng lẽ nép

mình bên giòng suối hay các thung lũng. Phía xa, thành phố Đà Lạt chập chùng những biệt thự, cao ốc, trường học, nhà thờ với tháp chuông cao vút, thế mà vẫn ở dưới chân của con người đứng trên đỉnh núi. Về phía Đông, huyền ảo thay biển Ninh Chữ (Phan Rang) hiện ra thật mơ màng, mênh mông vào những ngày cao nguyên xanh nắng. Lúc ấy, du khách sẽ thấy dường như biển núi sát kề bên nhau, đất, trời, thần tiên không có gì cách biệt. Chân ta bám trên đất mà trí ta phiêu du tận cõi bồng lai. Và trong giây phút ấy, ta mới hiểu và thấm thía tại sao trong các thần thoại và truyền thuyết của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên thường mở đầu bằng câu: “Thuở ấy trời đất ở chung với nhau, sống gần gũi nhau”, hoặc: “Thuở ấy, ngày xa xưa ấy, biển núi ở liền nhau”. Khi kể chuyện những ngày xa xưa ấy, các già làng người Lat, người Cill tin tưởng rằng đó là hiện thực, đó là cuộc sống của chính dân tộc mình và trong đôi mắt người kể ánh lên một niềm tin, một nỗi nhớ, một niềm luyến tiếc mênh mang ...

Từ ngàn đời nay, Lang Liangsừng sừng giữa đất trời cao nguyên với 2 đỉnh núi cao, quanh năm ẩn hiện trong mây. Đây là một địa điểm du lịch dã ngoại lý tưởng, có khả năng hấp dẫn với nhiều loại đối tượng. Mặt khác, lưng chừng núi còn có khu vực được đặt tên: Thung lũng trăm năm, là nơi có thể tổ chức cắm trại, đốt lửa trại kèm theo múa hát đồng chiêng với đồng bào thiểu số bản địa.

Hiện nay, toàn bộ khu di tích này đã được tỉnh Lâm Đồng lập đề án xây dựng thành “*Khu văn hoá du lịch Lang Biang*”. Hy vọng, trong một vài, ba năm tới, khu du lịch này sẽ được khởi công xây dựng, tạo thêm lực hấp dẫn đối với tất cả mọi người khi đến với Lâm Đồng - Đà Lạt.

NÚI VOI



Anh Đà Lạt ngoài rặng núi Lang Biang, Khổng lồ (Nhút), ngọn Láp Bê cao 1.732m nằm về phía Đông Bắc, còn có rặng Núi Voi (Rơ was) cao 1.756m nằm về phía Tây và Nam. Núi voi được nhắc nhở nhiều qua các truyện cổ, truyền thuyết của các dân tộc Nam Tây Nguyên, có quan hệ mật thiết với người dân bản địa trong việc chống xâm lược bảo vệ quê hương Đà Lạt.

Theo truyền thuyết cổ của người Lat, người Cill thì từ xa xưa Núi Voi (Rơ was) vốn là 2 con voi của vùng La Ngư Hạ, đi dự đám cưới của Lang và Biang khi đến gần núi P'renn, hai con voi nghe được tin Lang và Biang mất. Đám cưới hoá thành đám tang. Hai con voi thương xót, đau buồn quá không còn đủ sức để vượt dốc P'renn, ngã quỵ mà chết và hoá thành 2 ngọn núi đầu hướng về đỉnh Lang Biang và bà con dân tộc bản địa Nam Tây Nguyên rất yêu quý nên gọi là “Vơ nơm Rơ was”.

Núi Voi cách Đà Lạt hơn 10km, đến đây du khách có thể được tận mắt chứng kiến những khu rừng nguyên sinh xanh ngắt trùng điệp nối tiếp nhau tạo nên một địa hình khá hiểm trở nhưng lại rất gần với các buôn của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa. Trong khu vực rừng Núi Voi còn chứa bao loài động vật và thực vật từ cheo, heo rừng, sóc, nhím đến công, thỏ, khỉ, voọc, trăn đến những cây trái ăn được như củ mài, củ nâu, xoài rừng, nhãn, sung, mát mát... Chính vì vậy trước năm 1975 Núi Voi từng là căn cứ địa cách mạng của Đà Lạt - Tuyên Đức. Chế độ Sài Gòn đã nhiều lần đưa quân tiến đánh Núi Voi nhưng không thể nào chiếm được. Rừng núi Voi

đã thực sự che chở bộ đội và vây hãm quân thù. Quân giải phóng đã nhiều lần đánh trả gây thiệt hại nặng nề cho binh lính chế độ Sài Gòn và giữ vững căn cứ Núi Voi.

Đầu năm 2003, những thông tin về việc phát hiện mới trong khảo cổ học ở suối Đầu Voi thuộc khu vực Núi Voi cho thấy con người xuất hiện trên vùng Tây Nguyên đã hàng chục vạn năm trước bởi những di vật như rìu đá, công cụ đá đẽo, mảnh tước, hạch đá...được tìm thấy đã làm nức lòng không ít các nhà khảo cổ học trong và ngoài nước. Sau khi điều tra, khảo sát thực tế nhà khoa học Võ Quý khẳng định rằng địa điểm khảo cổ học suối Đầu Voi cung cấp cho chúng ta những tài liệu hiện vật quý giá làm cơ sở nghiên cứu về thời đại đá cũ hậu kỳ ở Lâm Đồng.

Để có cơ sở kết luận khoa học, vừa qua Viện Khảo cổ học Việt Nam đã phối hợp với Bảo tàng Lâm Đồng tiến hành điều tra, khảo sát khu vực Núi Voi và một số nơi trên địa bàn Lâm Đồng. Tại đây các nhà khoa học đã thu thập được trên 200 tiêu bản. Nhà Khảo cổ học Võ Quý thuộc Viện Khảo cổ học Việt Nam cho hay bên cạnh công cụ ghè đẽo là phổ biến và chiếm số lượng lớn, ở suối Đầu Voi đã xuất hiện một số công cụ mài lưỡi. Đây là loại hình công cụ thường thấy xuất hiện nhiều trong nền văn hoá Hoà Bình và Bắc Sơn. Điều thú vị là trong 3 tiêu bản rìu mài lưỡi thì 2 tiêu bản đã tìm thấy trong địa tầng thám sát Núi Voi. Để thẩm định những thông tin nói trên, giáo sư Trần Quốc Vương (Đại học Quốc gia Hà Nội) và nhiều nhà khoa học tên tuổi của Viện Khảo cổ học Việt Nam đã vào Đà Lạt nhằm khảo sát thực tế khu vực Núi Voi và một vài địa điểm khác.

Sau 5 ngày đi thực tế, xem xét và nghiên cứu các hiện vật thu được, các nhà khoa học đều xác nhận rằng có một thời đại đồ đá cũ ở Núi Voi nói riêng và ở Lâm Đồng, Tây Nguyên nói chung. Giáo sư Trần Quốc Vượng nhận xét rằng: Đây là phức hợp di tích của nhiều thời đại khác nhau; có rìu mài lưỡi kiếm kiểu Bắc Sơn là sơ kỳ Đá mới; có rìu ngắn kiểu Hoà Bình cuối thời Đá cũ đầu Đá mới, tương đương với đá giữa các niên đại từ 10.000 đến 20.000 năm. Có rìu mài toàn thân thuộc thời hậu kỳ Đá mới, niên đại khoảng 5.000 - 6.000 năm. Nhưng có một số công cụ đá đẽo, kể cả hạch đá, mảnh tước và một số công cụ đá đẽo giống kiểu công cụ chặt, ghè 1 mặt, chặt ghè 2 mặt nên cần thận trọng nghiên cứu thêm. Có thể tạm nói di chỉ Núi Voi thuộc thời đại Đá cũ, có thể sớm hơn Sơn Vi (niên đại 20.000- 25.000 năm) nên di chỉ, di tích suốt Núi Voi có thể có niên đại từ 3 - 6 vạn năm về trước. Riêng Giáo sư Phan An của Viện khoa học xã hội Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh thì khẳng định: Không còn nghi ngờ gì nữa, những hiện vật mới phát hiện ở Núi Voi chắc chắn thuộc thời đại đá cũ. Đáng chú ý là, qua đợt điều tra, khảo sát khu di tích Núi Voi, mới đây phó giáo sư - tiến sĩ Nguyễn Khắc Sửu - Trưởng ban đồ đá của Viện khảo cổ Việt Nam còn phát hiện ra đá Opal ở Núi Voi là một loại đá mà người ta dùng để chế tác đồ đá .

Theo nhiều nhà khoa học thì di tích Núi Voi là một trong những kho tàng quý giá về khảo cổ học của Việt Nam. Và nếu được gìn giữ và tôn tạo đúng mức thì chắc chắn trong tương lai gần không những tạo cho Đà Lạt - Lâm Đồng thêm một điểm tham quan du lịch mới hấp dẫn du khách, mà còn là nơi thu hút các nhà sử học, khảo cổ học trong và ngoài

nước về nghiên cứu, tìm hiểu về dấu vết con người tiền sử tại một vùng căn cứ cách mạng đã một thời nổi tiếng trong kháng chiến chống Mỹ của Lâm Đồng.

Hiện nay, UBND tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành hồ sơ khoa học và đã gửi Bộ VHTT xem xét để ra giải quyết xếp hạng khu căn cứ Núi Voi là di tích Quốc gia.



MỤC LỤC

Trang

Lâm Đồng - Đà Lạt - Một vùng non nước Tây Nguyên	5
Di tích Cát Tiên Thánh địa cổ xưa của người Mạ-S'tiêng!.....	9
Thung Lũng Tình Yêu- Hồ Đa Thiện	24
Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	27
Ga Đà Lạt - Một công trình kiến trúc độc đáo	33
Hồ Tuyền Lâm & Thuyền viện Trúc lâm.....	37
Hồ Xuân Hương - Viên ngọc bích giữa lòng thành phố	42
Hồ Than Thở	47
Thác P'renn	51
Thác Cam Ly.....	55
Thác Đatanla	63
Thác Voi.....	66
Thác Gougah.....	69
Thác Pongour	72
Thác Jráiblian (Bảo Đại) và truyền thuyết người hoá cá sấu	74
Thác Hang Cọp.....	78
Đánh thức sơn nữ Bobla.....	81
Thác Đam Bri, nước đổ lưng trời.....	85
Đàn trời Liêng Khàng.....	88
Đa Nhim suối khóc	92
Kiến trúc tôn giáo	97
<i>Kiến trúc Phật giáo</i>	97
Chùa Linh Quang.....	99
Chùa Linh Sơn.....	101
Chùa Linh Phong.....	103
Chùa Tàu.....	105
Chùa Linh Phước.....	107
<i>Kiến trúc Thiên chúa giáo</i>	109

Nhà thờ Chánh Toà	109
Nhà thờ Cam Ly	111
Nhà thờ Domaine De Marie	113
Phân viện Sinh học Dalat - Điểm dừng chân lý tưởng	115
Bay cùng cáp treo Đà Lạt.....	119
Các dinh thự ở Đà Lạt.....	123
Dinh I	123
Dinh II.....	125
Dinh III	128
Hồ Đa Tẻh - Lặng lẽ soi bóng thời gian	131
Hồ Dankia - Suối Vàng.....	136
Núi Langbian - Núi Bà.....	141
Núi Voi	148

SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN LÂM ĐỒNG

DI TÍCH DANH LAM THẮNG CẢNH LÂM ĐỒNG

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Đoàn Văn Việt

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

Phúc Ân - Khắc Dũng

Kim Ngọc - Bích Ngọc

Biên tập : Hoàng Kim Ngọc

Trình bày : Mai Vinh

Sửa bản in : Hoàng Vũ Minh Huy

**Ảnh : Võ Trần Phú - Lý Hoàng Long
Bá Trung - Mai Vinh - Đăng Toàn**

In 1500 cuốn, khổ 13cm x 19cm, tại Cty in và FHS Lâm Đồng.

Giấy phép xuất bản số 63-QĐ-VHTT do Sở VHTT Lâm Đồng cấp
ngày 12/11/2003. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11/2003

